NAM PHONG
VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

BỆNH LAO

Bệnh lao là một bệnh rất tai-hại, các thầy thuốc đã ví như một cái ung độc cho xã-hội. Đời nào cũng là hại, mà đời này lại hại hơn đời trước, vì cách sinh-hoạt trong xã-hội bây giờ có nhiều điều không lợi cho phép vệ-sinh. Như ở nước Pháp, thuật trị-bệnh, phép vệ-sinh đã sành-sỏi như thế, mà theo sổ thống-kê của Nhà-nước, mỗi năm chết về bệnh lao tới 10 vạn người, tức là chia ba một phần tổng-số người chết trong nước. Ở nước ta thời không có sổ thống-kê không biết đích số được, nhưng chắc nhiều lắm, nhất là trong khoảng mấy năm gần đây, đường sinh-hoạt eo-hẹp, sự lao-lực càng nhiều, cách chơi-bời cũng lắm, những người chết về bệnh lao, mắt trông thấy thật cũng nhiều.

Bệnh lao thường-thường đau ở phổi, gọi là « phế-lao » (肺癆 = *phtisie pulmonaire*), nhưng cũng có nhiều khi đau ở các cơ thể khác trong người, không cứ ở đâu. Tên « lao » ấy cũng là tên gọi thông-thường mà thôi. Cứ trong sách thuốc thời phải gọi là bệnh « kết-hạch » (結核 = *tuberculose*), vì đặc-tính bệnh này là lúc đầu mọc vô-số những hạch nhỏ (*tubercules*) trong phủ-tạng bị đau, hạch ấy tức là những tổ trùng vậy. Hạch ấy có khi mọc ở nhiều nơi, nên bệnh phát ra nhiều trạng. Nguy-hiểm nhất là khi nào hạch mọc ở trong phổi, khi ấy thời gọi là « phế-kết-hạch» (肺結核 = *tuberculose pulmonaire*), nguy-hiểm nhất vì là dễ mắc và dễ chết hơn nhất. Tuy vậy mà cũng là dễ chữa hơn nhất, cốt là phải trị từ đầu, đừng nên để chậm. Ở nước Đức, nhờ có ông y-sĩ Brehmer xướng lên rằng : « Phàm bệnh lao về thời-kỳ thứ nhất bao giờ cũng chữa khỏi được » (*Phtisis primis in stadiis semper curabilis*), câu ấy đã thành như một lời cách-ngôn trong y-giới, mà phép dưỡng-bệnh đã tấn-tới nhiều, số người chết giảm được quá nửa vậy. Hạch cũng nhiều khi mọc vào da phổi (*plèvre*), da bụng (*péritoine*), cốt-tiết (*articulations*), mà thành ra những chứng lao da phổi, lao da bụng, lao đầu xương (*pleurésie, péritonite, arthrite tuberculeuse*), nhưng mà những chứng này thường không nguy-hiểm gì, có khi tự-nhiên khỏi. Đã nghiệm ra mười chứng đau da phổi, đến chín chứng kết-hạch, nhưng chữa phải đường thì dễ khỏi lắm. Song hạch lao cũng có khi mọc ở những chỗ hiểm, như ở da bọc tim (*péricarde*), màng bọc óc (*méninges*), hay là ở trong ruột, thời những khi ấy nguy-hiểm lắm, khó lòng chữa được, nhưng thường-thường cũng ít người mắc. Lại một đôi khi hạch mọc nhiều quá, thành bệnh chung cả người, không phải riêng một phần nào, sách thuốc gọi là « lao hạt kê » (*tuberculose miliaire* ou *granulie*), vì hạch mọc khắp người, lí-tí như hạt kê, như thế thời dữ lắm, thường chỉ trong vòng một tháng là chết. Lại đặc-cách cũng có ít khi, mới sung huyết (*congestion*) như

lao mà có « xuyễn ngạt » (*catarrhe suffocant*), phát sốt hay là trúng-độc (*intoxication*) như lao mà có sốt rét độc (*fièvre typhoïde*), nhưng mạnh quá, thời hạt kê chưa kịp phát ra ngoài cũng có thể chết ngay được.

Nói tóm lại thời lao tuy nhiều hình-trạng như vậy, nhưng rút lại chỉ có hai đặc-tính, một là có kết-hạch, hai là trong hạch có một thứ trùng độc gọi là « trùng ông Koch », lấy tên nhà y-sĩ nước Đức phát-minh ra giống ấy năm 1884, và trong các chứng lao thời lao ở phổi là nhiều người mắc và nặng hơn nhất.

1. — Lịch-sử bệnh lao

Bệnh lao đã biết từ đời thượng-cổ. Trong pháp-điển của Moïse là ông thánh-sư dân Do-thái, đồng-thời với Thần-nông Hoàng-đế nước Tàu, đã có một điều dạy rằng không nên ăn thịt những con súc-sinh nào mà khi tề ra thấy phổi dính với xương sườn ; tức là một cách phòng bệnh lao truyền-nhiễm ở thịt súc-vật sang người, cách ấy dẫu ngày nay cũng còn hiệu-nghiệm. Ông Hippocrate là bậc danh-y nước Hi-lạp đời xưa (460 năm trước Gia-tô) cũng dạy cách vệ-sinh về bệnh lao cốt nên nghỉ-ngơi, ở chỗ không-khoáng, ăn bổ cho nhiều. Lại ông Aristote là nhà đại-triết-học nước Hi-lạp (322 năm trước Gia-tô) cũng đã hiểu biết bệnh lao là một bệnh truyền-nhiễm rồi. Đại-đề trong các sách thuốc cổ của phương Tây phương Đông, không mấy sách là không nói đến bệnh lao, không có nhiều sự quan-sát, nhiều điều kinh-nghiệm có giá-trị về bệnh lao. Như sách tàu thời có sách *Dị-tật-chí* 異疾志 của ông Đoàn Thành-Thức 段成式 nhà Đường, trong sách ấy chép rằng Lưu Sùng-Viễn 劉崇遠 người đất Hà-nam có người em gái làm ni, nhân có một bà vãi ở nơi khác đến ngủ trọ, có bệnh lao, gầy yếu quá rồi sau chết. Một hôm người em gái vào thăm, các người đứng ngoài đều trông thấy trong mình người bệnh có khí bay lên như đám muỗi mắt, bay vào trong áo người em, người bệnh chết, người em cũng mắc bệnh. Sách *Trà-hương-thất tùng-sao* 茶香室叢鈔 nói rằng khí ấy tức ngày nay tục gọi là lao-trùng 癆蟲. — Truyện đó hơi huyền, nhưng cũng đủ chứng rằng người Tàu ngày xưa đã biết bệnh lao là một bệnh truyền-nhiễm vậy.

Song mãi đến thế-kỷ thứ 19, mới có ông y-sĩ nước Pháp tên là Laënnec (1781-1826) phát-minh ra chứng kết-hạch trong bệnh lao, và xướng ra phép « nghe bệnh » (*auscultation*), tự bấy giờ mới biết rõ cái tính-cách bệnh lao và chẩn-đoán được đúng các sự tổn-thương trong phổi. Năm 1868, lại một nhà y-sĩ nước Pháp nữa, ông Villemin, thử tiêm hạch lao sang súc-vật được, chứng rõ rằng bệnh lao là một bệnh truyền-nhiễm. Đến năm 1884 thời nhà y-sĩ nước Đức, ông Robert Koch, phát-minh được con trùng đặc-biệt của bệnh lao, từ đấy đặt tên là « trùng ông Kcch » (*bacille Koch*). Từ đấy trở đi thời những nhà bác-học, tay y-sĩ các nước nghiên-cứu về bệnh lao nhiều lắm. Các ông có công về việc trị bệnh lao thời ở nước Pháp có ông Brouardel, Grancher, Letulle, Beaulavon, Calmette ; nước Đức có ông Brehmer, Dettweiler, de Cornet ; nước Tí có ông Malvoz. Nhờ công-phu của các bậc ấy mà các hình-thức của bệnh lao ngày nay đã biết rõ cả, phép phòng-bệnh trị-bệnh đặ tấn-tới hơn xưa nhiều vậy.

2. — Nguyên-nhân bệnh lao

Bởi truyền-nhiễm mà sinh ra bệnh lao, nhưng một truyền-nhiễm cũng chưa đủ. Cái hạt giống của bệnh lao là con trùng ông Koch phải giắc vào nơi đất tốt, nghĩa là vào thân-thể người đã yếu mà dễ cảm-nhiễm, thời

mới mọc lên tốt được. Cho nên các y-gia đã có câu rằng : « Phàm yếu người là dọn đường sẵn cho bệnh » (*tout ce qui affaiblit prédispose*). Như ở những nơi đô-thị lớn, trong những nhà chật-hẹp bí-tắc, không sáng-sủa, không thoáng hơi, làm-lụng lao-lực quá, ăn-uống không tiết-độ, hoặc ăn không đủ sức, hoặc ăn những đồ kém bổ, hoặc uống nhiều các rượu mạnh mà thân-thể thụ-độc; đó là những nguyên-nhân tuy coi tầm-thường mà thực là hiệp sức lại gây thành ra bệnh lao vậy. Đã nghiệm ra chỉ có người ở nơi thành-thị là hay mắc bệnh lao, và trong những người ở thành-thị lại những hạng người nào vì cách sinh-hoạt không giữ được phép vệ-sinh là hại về bệnh ấy nhiều. Như ở bên Tây thời các « hầu-sáng » nhà cà-phê, cùng những kẻ làm công về các nghề phải ngồi một chỗ, là hay chết về bệnh lao. Hai ông DESTRÉE và GALLENAERTS đã tính ra trong số 149 người chết về bệnh lao ở thành Bruxelles (kinh-đô nước Tỉ) thời 66 người là « hầu-sáng » nhà cà-phê và 45 người là những kẻ làm công các nghề. Ở nước Nam ta thời hại về bệnh lao nhiều nhất chắc là bọn cu-li xe: nghề lao-lực, người mà làm thân con ngựa, rầm mưa rải nắng, lại ăn uống thường không được sung-túc, trong khi chạy hồng-hộc ngoài đường, hớp lấy biết bao nhiêu là giống trùng độc ! — Trái lại thời người làm ruộng nhà quê ít khi phải bệnh lao. Nếu không phải cái tật ăn ở bẩn-thỉu và hay uống rượu mạnh (rượu là một thứ thuốc độc rất hại, tuy không làm được chết người ngay mà làm cho hao-mòn thân-thể, dễ nhiễm tật-bệnh), thời có lẽ không khi nào mắc bệnh lao được. Nói tóm lại, đời nay bệnh lao thịnh-hành như vậy, thành một cái tai-hại cho xã-hội như vậy, rút lại phần nhiều là bởi duyên-cớ như sau này : là dân nhà quê mỗi ngày một di-cư ra ngoài tỉnh nhiều vậy.

Đã biết rằng bệnh lao phần nhiều là bởi làm-lụng lao-lực, nhà ở không thoáng, bổ-dưỡng không đủ, thời phép vệ-sinh về bệnh lao cũng suy đó mà ra. Tất phải tĩnh-dưỡng nghỉ-ngơi, ở nơi không-khoáng, bổ-dưỡng cho nhiều, tức là để người bệnh vào cái cảnh ngược hẳn với cảnh bệnh, bệnh tất phải lui vậy. Còn sự hại của rượu mạnh, nhất là rượu « áp-sanh » (*absinthe*) trong bệnh lao, thời các hàng y-gia đều đồng-thanh công-nhận, các biểu thống-kê (*statistiques*) đều nhất-luật chứng-nghiệm cả. Như trong các nhà thương thành Paris, thời mười người đàn ông mắc bệnh lao, đến chín người có nghiện rượu. Cũng bởi thế nên thường bệnh lao ở đàn-ông nhiều hơn và mạnh hơn ở đàn-bà. Lao mà ở rượu ra thời khó trị lắm : nhiều khi là lối lao cấp-tốc (*tuberculose galopante*), nghĩa là chết mau không kịp chữa. — Rượu không những là làm hao mòn thân-thể mà yếu kém mất cái sức chống giữ với tật-bệnh. Trong bệnh lao, rượu lại còn có một cái hại trực-tiếp hơn nữa. Trong phổi người ta, có một thứ cơ-quan riêng để giữ cho các vật ở ngoài như bụi-bậm hay là các giống vi-trùng không vào phổi được. Cơ-quan ấy là trong các khí-quản ở đầu phổi có hàng triệu những cái lông như lông mi nhỏ cứ động-đậy luôn, hễ có cái bụi-bậm hay con vi-trùng nào ở ngoài vào thời cuốn lấy mà bắn ra, khác nào như cái giây để lọc không-khí trước khi vào trong phổi vậy. Đã nghiệm ra rượu có tính làm cho những lông ấy cứng đờ ra, không động nữa. Như vậy thời phàm người nghiện rượu — dầu người uống ít cũng vậy — thành ra các đường phổi như hư-háo, không có phòng-bị, dễ nhiễm phải các phế-bệnh, thứ nhất là bệnh lao.

Ngoài các nguyên-nhân ấy còn có nhiều những nguyên-nhân khác nữa, tuy không quan-trọng bằng, nhưng cũng có phần trong bệnh lao. Như các chứng bị thương bị đau ngoài bì-phu (*traumatisme*) cũng là một nguyên-nhân trong bệnh lao ở cốt-tiết. Như cảm-hàn trong bệnh đau da phổi (*pleurésie*) cũng vậy. Lại khi nhân bệnh khác mới khỏi, trong người hư-háo, cũng là một dịp dễ mắc bệnh lao. Khi đã phải những bệnh như bệnh « ghíp » (*grippe*), bệnh sởi (*rougeole*), bệnh ho gà (*coqueluche*), thân-thể suy-nhược lắm, lại càng dễ mắc bệnh lao hơn nữa. Người nào đã lên đậu khỏi, không những trong mấy tuần lễ sau khi mới khỏi, mà đến trong mấy năm, thân-thể vẫn còn như cái đất tốt đã vun-sới sẵn để đón lấy con trùng lao vậy. Lại những người phải bệnh « đái đường » (*diabète*), cũng dễ mắc lao, vì con trùng ông Koch hay có tính ưa những chỗ có đường, — Sau nữa, có nhiều giống người xem ra dễ nhiễm bệnh lao hơn các giống khác, cái này thời các y-gia chưa thể giải rõ bởi duyên-cớ gì. Như người da đen, người da nâu, sang ở các xứ lạnh hay chết về bệnh lao nhiều lắm.

Sau hết, sự di-truyền (*l'hérédité*) cũng là một nguyên-nhân hiển-nhiên của bệnh lao. Một đôi khi trẻ con sinh tự cha mẹ có bệnh lao, không những là thân-thể yếu mà sẵn-sàng dễ nhiễm bệnh lao, lại trực-tiếp chịu ngay bệnh lao tự trong thai mẹ nữa. Song đó là những khi đặc-biệt, không phải thường thấy luôn, và cứ thực thời sự di-truyền trong bệnh lao cũng có ít mà thôi. Cha mẹ lao, sinh ra con không tất-nhiên là mắc ngay bệnh lao, và có mắc cũng không tất-nhiên là đến tai-hại. Xem như các trẻ con mồ-côi của các sở cứu-tế thành Paris, phần nhiều là cha mẹ chết về bệnh lao, vậy mà đem về nuôi ở miền núi Morvan, cho làm-lụng các công-việc nhà quê, thấy đều mạnh khỏe cả, thảng-hoặc mới có một đôi đứa mắc bệnh lao mà thôi. Vả chính bệnh lao di-truyền nữa cũng không phải là bao giờ cũng nặng và không thể trị được đâu. Như vậy thời câu cách-ngôn của ông Boerhaave rằng : « Phàm lao di-truyền hết thảy là nguy cả » (*Phtisis hereditaria omnium pessima*), ngày nay không được đúng nữa. Kẻ nặng thời lao do bệnh rượu mà ra còn nặng hơn lao di-truyền nhiều lắm. Lại nhiều chứng lao trước kia vẫn cho là bởi di-truyền, kỳ-thực là bởi truyền-nhiễm cả. Như trong bọn thợ-thuyền ở thành Paris, không phải là không thường thấy một nhà trong khoảng hai ba năm, vợ chồng con cái, cả nhà chết hết về bệnh lao. Nhưng xét ra những khi như thế là bởi truyền-nhiễm nhiều, bởi di-truyền ít. Bọn thợ thường đông người mà ăn-ở chui-rúc trong những nhà cửa chật-hẹp bẩn-thỉu, hễ đã một người mắc thời tất là lan ra khắp cả nhà. Không kể trong một nhà cùng huyết-mạch, ngay một bọn thợ bạn ở cùng nhau, không huyết-hệ gì với nhau cả, mà một người mắc những người kia cũng mắc lây. Như vậy thời bệnh lao thường là bởi lây nhiều, chớ không phải bởi di-truyền vậy.

Nay lây thời lây bằng gì ? Lây thứ nhất là bằng không-khí thở. Không-khí ấy thường đựng những vi-trùng lao, theo hai cách như sau này : một là người bệnh khạc xuống đất, đờm ấy khô đi lẫn với bụi, bị gió hay là nhân quét khô mà bay lên, hay là nhân người đi lại, quần-áo giầy-hài vung-vẩy lên, lộn vào với không-khí người ta thở. Hai là người bệnh hoặc đương lúc ho mạnh, hoặc đương lúc nói to, bắn nước bọt nước giãi ra, trong nước có vi-trùng, người đứng bên cạnh hấp phải. Đó là truyền-

nhiễm bằng bộ hô-hấp, cũng có khi truyền-nhiễm bằng bộ tiêu-hóa nữa. Như sữa không đun sôi, thịt súc-vật có bệnh lao mà nấu không chín, trong cũng có vi-trùng lao cả. Nước uống hoặc cũng có khi có vi-trùng bởi giếng hay ngòi ở gần nơi có chôn người hay súc-vật chết bệnh lao. Những xác chết ấy không biết ức triệu vi-trùng nào mà kể, vi-trùng ấy thấm xuống nước còn sống được mấy tuần lễ. Những người muốn xin thiêu người chết thường lấy đó làm một cái lẽ phản-đối sự chôn người là trái phép vệ-sinh. Trong mình có xầy da đứt tay hay là bị thương mọc nhọt ở đâu mà rửa phải nước có trùng, mó vào đất hay đồ vật gì nhân người bệnh khạc nhổ ra mà có trùng, cũng có thể truyền-nhiễm được. Cách truyền-nhiễm này trẻ con thường hay mắc. Bệnh lao là một bệnh người ta dễ mắc quá, và nhiều cách lan ra ngoài quá, khiến cho có mấy nhà vệ-sinh-học đã bác cái thuyết truyền-nhiễm mà biện lẽ như thế này, kể cũng hơi miễn-cưỡng; nói rằng: « Một ông thày thuốc trong một đời chữa biết bao nhiêu bệnh lao, chắc bị truyền-nhiễm nhiều lần, sao không thấy thày-thuốc mắc bệnh ? » Biện như thế thời chỉ đủ sác-chứng rằng vì thân-thể mạnh-mẽ, nên chống lại được bệnh, chớ chưa đủ phản-chứng rằng lẽ truyền-nhiễm là sai-lầm. Thày thuốc thường chống được bệnh mà các hạng khán-hộ (*infirmiers*) ở nhà thương không biết giữ phép vệ-sinh, bồ-dưỡng ít, lại ở những nơi không được thanh-khiết, có khi thêm nghiện rượu nữa, vẫn thấy mắc bệnh lao là thường. Vấn-đề phòng-bị bệnh lao bao giờ cũng phải xét chu-toàn cả hai phương-diện, một là cái mầm truyền-nhiễm, hai là cái đất truyền-nhiễm, hai bên cũng quan-trọng như nhau vậy.

3. — Con trùng bệnh lao

Cái hạt giống bệnh lao ta thường gọi là con trùng là để nói cho tiện đó mà thôi, chớ kỳ-thực không phải là một con sâu, chính là một thứ cây rất nhỏ, phải có kính hiển-vi mới trông thấy, sách tây gọi là *microbe*, *bactérie* hay là *bacille*, sách tàu dịch là « mi-khổn » (微菌). Mi-khổn bệnh lao, ông y-sĩ nước Đức Koch phát-minh ra trước nhất năm 1884, hình như con bọ-gậy rất nhỏ, dài không được 5 li li (*5 millièmes de millimètres*), mà có sức sinh-hoạt rất mạnh, khó lòng tiệt-diệt cho được. Trải nắng, mưa, sương, tuyết, rầm vào nước, mục thối ra, hay là dùng những thuốc tẩy-độc mà gột rửa đi, cũng không chết được. Duy có khí nóng thấp (*chaleur humide*) là dễ cảm được, và đem đun sôi lên năm phút thời chết ngay. Ánh sáng mặt trời lại mạnh hơn nữa; ánh sáng mặt trời có cái sức diệt-trùng tẩy-độc không gì bằng. Mi-khổn lao là một giống ăn gửi, hễ ăn gửi vào chỗ nào thời làm hư-hại xương-thịt chỗ ấy, một là hại cách trực-tiếp, là kích-thích và làm cho sung-huyết lên, hai là hại cách gián-tiếp, là bài-tiết ra những chất độc, tức là cái « tinh lao » (*tuberculine*). Bệnh lao lúc mới mắc thời mọc hạch như trên kia đã nói. Hạch tức là cái tổ của mi-khổn. Hạch cũng do hai cách hành-động của mi-khổn như trên mà biến-hóa ra hai đường. Một là dần-dần liền lại, rắn lại, biến thành thịt. Hễ khi nào như thế là bệnh lao khỏi. Những người đau lao ở cốt-tiết thường hay khỏi như thế. Lao ấy gọi là « lao thịt » (*phtisie fibreuse*). Hai là dần-dần mềm ra, thành mủ, rồi vỡ ra, khi ấy là lao đã thành-hình vậy. Cho nên trong sách thuốc thường chia ra « lao kín » và « lao ngỏ ». Lao kín là khi mới mắc, hạch còn rắn, rồi may có thể liền lại mà thành thịt được; lao ngỏ là khi hạch đã thành mủ và vỡ ra, bấy giờ bệnh mới truyền ra ngoài vậy. Khi sau ấy thời hạch trước còn lầy-nhầy bụng-

nhụng như bánh sữa « phó-mát » (sách thuốc gọi là *magma caséeux*), càng ngày càng ăn lan ra bên cạnh, rồi sau đến thành mủ phải bài-tiết ra, chỗ ăn ấy thành hổng, thành lỗ. Nếu là lao ở phổi, thời khi ho mủ ra với đờm, trùng cũng ra theo, và trong phổi thời loang ra thành hốc (*cavernes*). Phổi mềm đã đành, đến xương rắn như thế mà cũng có khi ăn đến ủi đến mục ra được. Nói tóm lại thời bạch lao một là rắn lại thành thịt và khỏi đi, hai là mềm ra thành mủ mà sinh ra bệnh nặng. Ông GRANCHER đã giải-thích sự biến-hóa của hạch lao bằng một câu tóm-tắt như sau này : « Hạch lao là một cái mụn mọc khi rắn như thịt, khi nhầy như mỡ » (*Le tubercule est un néoplasme fibrocaséeux*). Nay hạch lao dẫu đã qua thời-kỳ rắn, đến thời-kỳ mềm-nhũn ra rồi, mà cũng còn có thể liền rắn lại được. Có khi thời rắn lại như kết-thạch, thành ra trong phổi trong gân những miếng rắn như đá. Như vậy thời cứ lý bệnh lao dẫu đã quá tuần rồi cũng có thể chữa được. Song cứ thực thời chữa được khỏi hẳn cũng ít lắm, dẫu có tạm khỏi mà bao giờ trong thân-thể như vẫn có tì có vết vậy.

Hạch lao lại còn hại ra nhiều cách khác nữa. Như hạch mọc chỗ nào thời chung-quanh thành ra phát-nhiệt, sung-huyết. Như lao ở màng óc (*méningite*), thời những chứng phát-nhiệt và sung-huyết lại hại hơn là chính bệnh lao. Lại trong bệnh lao da phổi (*pleurésie*), cũng có khi chỉ có một vài cái hạch nhỏ bằng hạt kê mà đủ kích-thích làm cho chảy tới mấy « lít » nước chất (*épanchement séreux*). Hạch lại mọc mủ ra, nhấm đứt các huyết-quản chung-quanh. Bởi thế nên sinh ra những chứng xuất-huyết (*hémonragies*), và thứ nhất là khái-huyết (*hémoptysies*) nặng lắm. Sau nữa, hạch lao đối với xương thịt chung-quanh khác nào như một vật ngoài cưỡng-phụ vào, bởi thế các chất kia phải phản-đối lại sự phản-đối đó lắm khi là vây kín lấy chung quanh (*enkystement*) làm cho cái hạch rắn đi, đét lại, và giúp cho bệnh khỏi. Người nghiện rượu thời các « tấm dệt » (*tissus*) [1] trong xương thịt không có sức mạnh nữa, phản-đối không thành ra cách vây-kín lại mà lại thành ra cách vỡ loãng ra, như vậy thời lại càng chóng hư-tổn mục-nát.

Thường-thường thời hạch lao có ít thôi và khu vào một phần nào trong người, hoặc ở phổi, hoặc ở xương, v. v., trước còn dời từng cái một, sau mọc nhiều lên và liền với nhau thành từng đám giầy ; nhưng cũng có khi ngay lúc mới đầu đã mọc nhiều lắm và mọc khắp suốt người. Đó là lối « lao-kê » (*granulie*) như trên kia đã nói, lối này dữ và chóng chết lắm. Lao kê là khi nào mi-khồn lao đã vào trong huyết-quản, cùng với máu truyền đi khắp người, nên khó chữa lắm, có khi hạch chưa kịp mọc ra ngoài mà người bệnh đã chết rồi, như vậy thời chẩn-đoán lại khó lắm nữa. Không những thế : nhiều lúc bạch đã mọc ra ngoài rồi, mà buổi đầu trông còn trong-suốt, không khác gì các mụn thường, chưa thể nhận ngay là hạch lao được. Bởi thế nên đã lâu các y-gia chưa công-nhận cho lao-kê là một giống lao. Nhưng từ khi các ông GRANCHER, THAON đã

(1) Những phần-tử nhỏ nhất trong cơ-thể người ta là các « viên » (*cellules*), tàu dịch là « tế-bào » 細胞). Các viên cùng một loài kết-liên nhau lại, đặt ngang đặt giọc như sợi vải sợi tơ, thời làm thành ra một « tấm-dệt (*tissu*, tàu dịch là « tổ-chức » 組織). Các « tấm dệt » chồng xếp nhau lên thời thành ra những da, thịt, xương, gân, v. v. Các viên cùng các tấm-dệt nhỏ lắm, phải có kính hiển-vi mới trông được. Môn học về cách xếp-đặt những tấm-dệt trong các cơ-thể người ta gọi là « tổ-chức học » (組織學 = *histologie, histographie*).

nghiên-cứu kỹ thời biết rõ rằng đó tức là một trạng-thái riêng của bệnh lao, mà là một trạng-thái nguy-hiểm nhất.

Mi-khồn lao ăn gửi ở đâu không những làm hư-hại đấy mà thôi, lại còn nhân đó mở đường cho các giống trùng độc khác ở ngoài vào. Như trong khi mi-khồn lao ăn vào thịt phổi nát lỗ ra, thời nhiều giống mi-khồn độc khác nữa, như giống *streptocoques*, *staphylocoques*, cũng thừa-cơ mà vào trong phổi được, làm cho phổi hư-nhược thêm mãi đi. Đó cũng lại là một lẽ cần phải để cho người lao ở một nơi không-khí rất trong-sạch, không có trùng-độc gì, thời mới khỏi được những chứng khác nhân bệnh lao mà khởi lên.

Nay cái hình-thể hạch lao không phải là riêng cho một bệnh lao. Trong bệnh hủi và một vài bệnh khác bởi giống ăn-gửi sinh ra, cũng có khi kết-hạch như thế. Đó gọi là «lao giả» (*pseudo-tuberculoses*), khác lao thật là trong hạch không có mi-khồn đặc-biệt là mi-khồn Koch. Còn các chứng gọi là bệnh « tràng - nhạc » (*lésions srofuleuses*, sách tàu gọi là « loa-lịch » 瘰癧), thời ngày nay nhận ra cũng là một thể lao, nhưng nhẹ và chậm, vì cũng như bệnh lao có thể đem tiêm mà truyền sang người khác được, chớ các chứng lao giả thời tiêm không truyền sang được, hoặc truyền ra hình-thể khác vậy.

4. — Hiện-chứng bệnh lao

Không cái gì bất-nhất bằng các hiện-chứng của bệnh lao. Cứ lấy bệnh tiến mau hay chậm thời có thể chia đại-khái ra hai thể lao như sau này : một là « thể trì » (*forme chronique*), tức là bệnh lao thường (*phtisie commune*) ; hai là «thể cấp» (*forme aigüe*), tức là bệnh lao cấp-tốc (*phtisie galopante*) hay là lao kê (*granulie*). Trong hai thể lao ấy thời những hiện-chứng ở phổi là quan-trọng hơn cả. Nhưng một đôi khi bệnh khu-sở ở mấy cái cơ-quan khác, như màng óc, gan, thận, ruột, thời các hiện-chứng ở bộ hô-hấp không quan-trọng nữa. Lại cũng có khi là phát-chứng chung cả thân-thể: sốt rét, mồ-hôi, lao mòn (*consomption*), sốt hao (*hectisie*). Các chứng ấy nặng hay nhẹ cũng không tất-nhiên là biểu-chứng hẳn rằng trong phổi hư-tổn ít hay nhiều. Cái đó là tùy cơ-thể của mỗi người mắc bệnh mạnh hay yếu và phản-đối với bệnh ít hay nhiều vậy. Bởi thế nên ngoài các hiện-chứng chung ấy lại còn phải xét những hiện-chứng riêng của mỗi người : lao trẻ-con, lao người có bệnh thấp ở cốt-tiết, lao người có bệnh thần-kinh, lao người có bệnh đái-đường, lao người có bệnh rượu, mỗi một thứ lại có một trạng-thái khác nhau. Sau nữa lại phải xét các chứng khu-sở ở ngoài phổi.

Nói về bệnh lao thường. — Bệnh lao thường là bệnh lao nhiều người mắc hơn cả, thường-thường qua bốn thời-kỳ như sau này : 1° thời-kỳ đầu, là hồi hạch mới mọc mầm ; 2° thời-kỳ thứ nhì, là hồi hạch đã thành hình, mọc nhiều rà và kết-hợp nhau lại thành đám ; 3° thời-kỳ thứ ba, là hồi hạch mềm ra và thành mủ ; lao trước kín đến bấy giờ thành ra ngỏ vậy ; 4° thời-kỳ thứ tư, là thời-kỳ ăn rỗng ra và thành hang-hốc (*cavernes*). Coi đó thời biết trong phép trị bệnh lao, nếu chẩn-đoán được đúng từ lúc đầu, hồi các vết thương hãy còn kín, thời ích-lợi là dường nào.

Nhưng trong thời-kỳ thứ nhất của bệnh lao thời các hiện-chứng lắm khi giản-thường lắm, khó lòng nhận mà đoán ngay được. Chỉ thấy người mệt nhọc, thở hơi tai, tim đập mạnh, hơi sốt một ít, thỉnh-thoảng đêm có mồ-hôi, ăn uống khó tiêu, mình-mẩy gầy mòn, mặt xanh huyết kém, ho khan thường-thường làm cho nôn-mửa đồ ăn ra như trong bệnh ho gà (*coquelu-*

che); bấy nhiêu chứng hoặc đồng-thời phát ra, hoặc mỗi lúc một chứng, tưởng cũng chẳng có gì là nặng, và chưa đủ biểu-chứng rõ là bệnh lao vậy. Nếu nghiệm thấy ở một người đã có di-truyền sẵn, hoặc cách ăn - ở không được hợp vệ-sinh, hoặc ngờ bị truyền-nhiễm ở người khác, thời những hiện-chứng ấy có thể cho là đích-chứng được, không sợ lầm vậy. Bấy giờ thời có thể chẩn-đoán được chắc, dùng phép nghe ngực của ông GRANCHER mà tế-nhận các ẩn-chứng khác ở trong phổi. Như thấy thở vào mạnh và sâu, thở một điệu không dịch, lại khu ở đầu phổi, thấy tiếng vù-vù của các khí-bào (*vésicules*) trong phổi yếu đi hoặc mất hẳn, thấy thở ra thở vào hồn-hền mà một điệu ; đó chính là những đích-chứng không sai. Nhiều khi thời các hiện-chứng lúc mới đầu mạnh-bạo và rõ-ràng hơn nhiều. Hoặc là chứng đau da phổi, vô-cố xuất-hiện ra rồi tiêu đi bao giờ ; hoặc là chứng khái-khuyết (*hémoptisie*). Khi đầu bệnh lao thời chứng khái-khuyết này tuy không xuất-hiện ra sớm lắm, nhưng cũng thường thấy luôn. Hai phần ba bệnh lao là có khái-khuyết cả, Như vậy thời chẩn-đoán dễ lắm. Phàm các chứng đau da phổi mà không thành mủ, các chứng khái-khuyết, nên nhất-khái cho là những hiện-chứng của bệnh lao cả, tưởng cũng không mấy khi lầm vậy. Hồi ấy thời đờm nhổ còn ít, và xét trong đờm rãi thường không thấy có vi-trùng. Gõ vào ngực (*percussion*, tàu dịch là « đả-chẩn » 打診, cũng như nghe vào ngực=*auscultation*, tàu dịch là « thính-chẩn » 聽診), xét tiếng nói, soi bằng tia sáng X (*rayons X*), hồi đầu ấy cũng chưa nhận thấy gì là lạ cả. Tuy vậy, chưa nên vội yên-tâm cho là không phải bệnh lao ; phải nên ngờ và chú-ý càng ngày càng xem-xét cho kỹ vậy.

Đến thời-kỳ thứ nhì là thời-kỳ hạch mọc nhiều ra, liên-hợp nhau lại, thời các hiện-chứng đã rõ-ràng lắm : tiếng rung động, giọng nói giọng ho om-om, thở ra khó và dài, nghe ngực có những tiếng rong-róc. Các chứng khác, như ho, thở khó (*dyspnée*), sốt, mồ-hôi, cũng càng ngày càng thấy hơn lên. — Đến thời-kỳ thứ ba là tuần các hạch mềm nhũn ra thời nghe ngực thấy những tiếng bùng-bục, thở tiếng om-om, xét trong đờm rãi bao giờ cũng có trùng. — Sau cùng đến thời-kỳ thứ tư là tuần phổi đã lỗ thủng thành hang-hốc, bấy giờ thời nghe nói nghe thở đã thấy om-om như tiếng trong hang trong ống ra. Bấy giờ hiện-chứng đã rõ lắm rồi, không cần phải chẩn-đoán mới biết, nhưng cũng phải chẩn-đoán để xét xem sự tổn-thương ít hay nhiều, sức thân-thể chống lại được mạnh hay yếu và ngoài phổi thời các cơ-quan khác như ruột, dạ dày, gan, thận, có được nguyên-toàn không.

Dẫu khi trong phổi tổn-thương đã nhiều, mà người bệnh cũng còn có cơ chữa khỏi được, hoặc khéo giữ-gìn di-dưỡng cũng còn có thể sống thêm được ít lâu nữa. Nhưng thường-thường là chết, hoặc chậm, vì mỗi ngày một gầy-mòn đi (*cachexie*) và thở khó lên (*dyspnée*), hoặc mau, vì thủng da phổi mà khí lùa vào trong ngực (*pneumothorax*), hay là cháy da lót các huyết-quản (*phlébite*) mà tắc đường máu chạy (*embolie*), hay là khái-huyết (*hémoptysie*). Khái-khuyết tuần sau cùng ấy là bởi đứt mạch máu, nặng hơn là khái-huyết tuần đầu chỉ bởi sung-huyết mà thôi. Lại có khi thêm đau màng óc (*méningite*), đau da tim (*péricardite*), đau thận (*néphrite*), làm cho bệnh càng ngày càng nguy thêm lên.

Nói về lao cấp. — Lao cấp cũng có nhiều hình-trạng lắm. Có khi giả hình ra sốt rét độc (*fièvre typhoïde*). Khi ấy

thời dùng phép « huyết-chẩn » (*séro-diagnostic*) [1] của ông WIDAL, là đoán được nghiệm hơn cả, không sợ lầm-lẫn. Có khi giả-hình một chứng nhẹ thường : ăn không tiêu, sốt cách-nhật, người mệt-nhọc, sốt rét rừng, bệnh cúm. Các hình đó là giả-dối cả, vì có khi giữa lúc tưởng bệnh gần khỏi mà xảy ra chết cũng nên. Nhiều khi lao cấp lúc đầu là thở ngạt, có thêm sốt. Chỉ độ mươi lăm ngày, có khi trong ba bốn ngày, người bệnh không thở được mà chết. Người gầy sút đi, thở khó và đau, đau tim (*asystolie*), đó cũng là những hiện-chứng giúp cho sự chẩn-đoán vậy.

Nói tóm lại thời lao cấp nguy nhất là lối lao ngạt (*asphyxie tuberculeuse*), và lối lao cấp-tốc (*phtisie galopante*) như trên kia đã nói, lối này cũng như lao thường, chỉ khác là biến-chứng mau lắm. Phàm lao cấp thời khó chữa lắm, vì nhiều khi chữa không kịp.

Trên kia đã nói lao cũng tùy hạng người mà hiện-chứng không giống nhau. Có lao trẻ con, lao người già, lao người có bệnh rượu, v. v. Nay nói qua mấy câu về các hình-thể khác của bệnh lao ấy.

Trẻ con thật nhỏ cũng thường hay mắc bệnh lao. Nhiều đứa cho là chết về bệnh phế-viêm (肺炎 = *broncho-pneumonie*), tràng-viêm (腸炎 = *entérite*), thất-thực (*athrepsie*), kỳ-thực là phần nhiều chết về bệnh lao. Nhất là bệnh phế-viêm, có khi coi là tầm-thường lắm, nhưng phải xét trùng thời mới biết rõ tính-chất bệnh. Lao ở trẻ con hầu hết là bởi truyền-nhiễm, chỉ trừ một đôi khi đứa sơ-sinh mới bị tiếp-chủng tự trong thai.

Người già thời bệnh lao ngấm-ngầm, không phát ra mạnh, không có sốt. Chưa xét vi-trùng thời chẩn-đoán hay lầm lắm, nhiều khi cho là đau ống phổi (*bronchite*) thường, không quan-trọng gì, vậy mà rất nặng và hay truyền-nhiễm lắm.

Những người có bệnh thấp cốt-tiết (*arthritiques*) thời mắc lao lại hay bạo lắm, thở ngạt, sung-huyết, khái-huyết, đủ cả. Nhưng thường thời thân-thể chống lại cũng mạnh, đến sau khỏi được cũng nhiều, vì các vết thương trong phổi có thể hoặc liền, hoặc kín lại được.

Những người có bệnh thần-kinh (*hystériques*) thời lao lại bất-nhất lắm, khi thăng khi giáng bất-thường, khi thời bạo như cấp-tốc, khi thời hoãn như khỏi hẳn, đại-để cũng có thể sống lâu được.

Những người phải bệnh đái đường (*diabétiques*) thời mắc lao thường êm lắm, không sốt, không ho, không nhổ đờm, không khái-huyết, mà lắm khi bệnh tiến rất mau, không mấy nỗi mà ăn nát thịt phổi. Lối lao này dễ lừa người lắm, lại nhiều khi người béo mắc, nên khó mà đoán cho trúng được.

Sau hết đến hạng người có bệnh rượu thời tuy bề ngoài vẫn mạnh mà đã mắc lao thời lao ngầm rất hại. Lúc ngấm-ngầm không biết, lúc đột-khởi lên là cấp-tốc lắm, thường lại thêm đau gan nữa, chết chóng lắm.

Đó là những lao khu-sở ở trong phổi, nhưng cũng nhiều khi lao ăn ra ngoài phổi. Song, trừ ở trẻ con, còn người lớn thời dẫu lao ở đâu cũng vẫn có thương phổi. Nhiều bệnh lao ở ngoài phổi như lao trong màng óc, lao trong bao tim, lại nặng hơn lao phổi nhiều. Còn lao ở ngoài

(1) *Huyết-chẩn* 血診, là đoán bệnh bằng nước máu. Trong máu có thứ nước trong gọi là huyết-thanh 血清 = *sérum*. Nước ấy có tính hễ người phải bệnh có vi-trùng đặc-biệt, thời đem nhỏ vào đám vi-trùng, tất quến lấy và dính lại thành đống. Muốn thí-nghiệm người có bệnh lao hay không thời lấy nước huyết-thanh của người ấy, nhỏ vào một cái ống có nuôi vi-trùng lao, hễ nước máu quến lấy vi-trùng, vê lại thành đống, là chính phải.

da, như lao tràng-nhạc (*adénites tuberculeuses*), lao ở cốt-tiết, thời ở đâu chỉ khu-sở một chỗ ấy mà thôi. Các chứng lao sau ấy có khi thành ra cố-tật, nhưng đại-để khỏi được cả. Lại có khi lao ở trong ống-đái, trong bong-bóng, trong thân, trong âm-hộ, hoặc ở chỗ nào khu-sở một chỗ ấy, hoặc dần-dần lan ra khắp thân-thể. Lao trong bàng-quang (bong-bóng : *cystite tuberculeuse*) thời đau lắm ; lao trong thận (*néphrite*) cũng nguy-hiểm vì nước đái không bài-tiết được hết các chất độc trong người. Lao ở dạ-dầy thời ít lắm, mà lao ở ruột lại thường nhiều. Lao ruột hay đi rửa, hao mòn người mau lắm.

Đó là kể qua các chứng lao ở ngoài phổi. Nhưng rút lại duy có phế-lao là quan-trọng hơn cả.

5.— Chẩn-đoán và liệu-trị

Như trên kia đã nói, bệnh lao hồi đầu rất khó chẩn-đoán lắm, không mấy khi là biết đúng được. Vì những triệu-chứng có thể nghe và gõ mà nhận được thời mãi đến sau mới xuất-hiện ra. Đến như cái triệu-chứng rõ ràng nhất, là có vi trùng trong đờm, thời lại mãi đến khi bệnh đã thâm rồi mới thấy. Còn những chứng thường thấy ngay từ đầu, như ho, mệt, sốt, mồ-hôi, vân-vân, thời không lấy đâu làm chắc cả. Cũng vì khó chẩn-đoán được đúng như thế, nên bệnh lao dễ lầm người và hại người như vậy. Có khi tưởng là huyết hư, là sốt thường, mà kỳ-thực là mầm-mống bệnh lao từ đó. Cho nên các y-gia nước Đức dặn khẩn rằng phàm khi nào hồ-nghi như thế, nên bắt đầu liệu-trị ngay, trị trước bằng phép vệ-sinh chung, dẫu không phải bệnh cũng chẳng hại gì mà lại ích-lợi cho thân-thể nhiều, sau thời hễ phát chứng gì ra trị ngay chứng ấy. Nhất là khi nào đau da phổi hay là khái-huyết là phải cần trị ngay. Một là đau thường trị ngay cũng có lợi, hai là có kết-hạch lao thời trị ngay lại càng lợi nữa, vì ngăn được bệnh từ khi mới manh-nha. Nhưng cứ thực thời đau da phổi và khái-khuyết ít khi là những chứng nhẹ, dẫu không nguyên-nhân tự hạch lao, cũng là dọn đường sẵn để đón lấy trùng lao, như vậy thời càng hồ-nghi càng nên trị riết. Bệnh đã tới tuần sau, thời chẩn-đoán dễ lắm, vì các chứng hiện ra rõ-ràng, nhưng chẩn-đoán bấy giờ cũng không ích-lợi gì nữa. Tuy vậy mà dẫu đến bấy giờ, dùng phép nghe phép gõ có khi cũng chửa được chắc lắm, vì có nhiều cái hang hốc trong phổi gõ không kêu như thường, gọi là « hốc câm » (*cavernes muettes*). — Coi đó thời biết bệnh lao u-ẩn là dường nào, vì u-ẩn thế, khó biết thế, nên mới nguy-hiểm, chớ kỳ-thực thời bệnh này dẫu nặng thật mà biết liệu-trị sớm cũng không mấy khi là không khỏi được, như trên kia đã nói tường vậy.

Y-gia các nước đã công-nhận rằng trong các bệnh man-tính (*maladies chroniques*), bệnh lao là bệnh dễ khỏi hơn cả, lời đó đã thành một câu cách-ngôn bất-dịch trong y-giới. Câu cách-ngôn đó chắc là đúng lắm rồi, nhưng thứ nhất là dễ an-ủi cho người ta, khiến cho kẻ bệnh người chữa, dẫu nguy-hiểm đến nơi, cũng không đến nỗi thất-vọng và có thể ra sức chống cự với bệnh vậy. Nhiều khi bệnh đã nguy-kịch lắm, tưởng chết đến mười phần, mà cũng có thể cứu được, không khỏi hẳn cũng sống thêm được ít lâu nữa. Nhưng kỳ-thực, nhất là trong hạng hạ-lưu nghèo khổ, thời bệnh lao chỉ có tuần đầu mới thật nhiều khi chữa được khỏi. Theo thống-kế của ông Exchaquet thời lao vào tuần thứ ba chỉ chữa được ba phần trăm (3%), tuần thứ nhì được chín phần trăm (9%), mà tuần thứ nhất thời được những năm-mươi-năm phần trăm (55%) vậy.

Trị bệnh lao phần nhiều là trị bằng phép vệ-sinh. Trị bằng phép vệ-sinh tuy

là một cách gián-tiếp mà là một cách rất hiệu-nghiệm, vì giúp cho thân-thể được mạnh hơn lên tức là khiến cho bệnh lao phải lui bớt đi. Người ta đã nghiệm nếu trị bằng phép vệ-sinh ngay từ đầu thời khỏi được đến 82 phần trăm. Trị bằng thuốc-thang chẳng qua là một cách bổ-trợ để tiệt những hiện-chứng khó chịu trong bệnh lao mà thôi, chớ hiện nay cũng chưa tìm được thuốc gì là thuốc đặc-biệt trị thẳng ngay được con trùng lao. Đã không có thuốc đặc-biệt thời duy có phép phòng-bị vệ-sinh là hơn cả. Vậy xin nói qua về phép phòng-bị vệ-sinh trong bệnh lao như sau này.

6. — Phép vệ-sinh về bệnh lao

I. *Phép chung cho mọi người.* — Nên tập lấy thói quen thở cho thật sâu, và chỉ thở bằng mũi, vì nước mũi có tính diệt vi-trùng (*le mucus est microbicide*). Nhất là đi ngoài đường phải nên cẩn-thận lắm, không nên há miệng to, không nên thở bằng miệng.

Mùa đông phải tập cho quen không nên bận khăn choàng cổ (*foulard*), vì giữ cổ ấm quá thời thành ra yếu chịu rét, khí-tiết hơi thay đổi dễ cảm-mạo ngay. Hôn không nên hôn vào miệng, vì bệnh dễ truyền-nhiễm ở miệng ra.

Ở phải nên ở chỗ thông-thoáng, buồng ngủ phải dọn một cái buồng rộng, ban ngày phải mở cửa luôn cho thoáng hơi, ban đêm phải mở hé (sợ trộm thời cửa sổ nên đặt gióng sắt, sợ lạnh thời trước giường nên để cái bình-phong.)

Uống chỉ nên uống nước đun sôi, sữa đun sôi. Ăn chỉ nên ăn những thịt đã nấu chín.

Các giống súc-vật nuôi trong nhà, hễ thấy ho không nên cho đến gần, phải đem thầy thú-y xét, hoặc ngờ là có bệnh lao thời giết đi lập-tức.

Mỗi ngày phải tập thể-thao, nhưng vừa phải mà thôi, không nên làm quá, hễ thấy mệt thời thôi ngay. Lúc đổ mồ-hôi không nên ngồi chỗ có luồng gió. Mùa lạnh nên mặc áo bằng «len» (*laine*), giữ ngực cho kỹ.

Ngồi chỗ nào (buồng giấy, xưởng thợ, v.v.) có người ho, nên xin người ta đừng nhổ bậy, phải nhổ vào một cái ống nhổ trong đựng nước, hay là đựng một thứ thuốc tẩy trùng (như *solution phéniquée au vingtième*).

Khi nào đau cổ họng hay mọc mụn trong họng thời phải chữa ngay, vì những mụn đóm hông những làm ngăn-trở sự hô-hấp, mà lại làm như nơi chứa trọ cho trùng lao nhờ đó mà vào trong phổi.

II. *Phép riêng cho người lao.* — Người lao phải theo cả các phép vệ-sinh chung như trên kia, sự đó đã cố-nhiên rồi. Nhưng ngoại-giả còn phải theo nhiều phép riêng nữa.

1°) *Đờm và ống nhổ.* — Người bệnh lao ở nhà hay ra ngoài bao giờ cũng phải có một cái ống nhổ kín, trong đựng một thứ nước *sublimé*, để khạc nhổ vào đó. Phòng-bị thế không những là để khỏi truyền bệnh ra người ngoài, mà cũng là để khỏi cho tự mình lại nhiễm mình nữa, vì những vi-trùng nhổ ra nếu không diệt được đi thời trước sau mình lại hấp lấy, mình lại lây mình, một bên trị bệnh, một bên nhiễm bệnh, thời đời nào cho khỏi được.

Người lao đã khạc đờm ra không nên nuốt đi, vì đờm ấy có trùng, qua bộ tiêu-hóa có khi truyền bệnh vào trong bụng, nhất là trong ruột, mà thành ra lao ruột.

Ho nhiều khi không phải là để khạc đờm ra, mà ho hay nhọc người lắm; người bệnh phải nên cố nhịn ho cho đỡ mệt. Cố nhịn thời cũng bớt ho được nhiều, không có khó gì.

Khi nào ho mạnh thời bắn những đờm rãi ra ngoài, đờm dãi ấy có thể truyền bệnh ra người khác. Vậy khi ho mạnh phải cầm cái khăn mũi trước miệng để che lấy, khăn mũi ấy khi rặt phải đem nấu lên và đừng để lẫn với các quần áo khác.

Ống nhổ phải đem đun cách-thủy chừng mười-lăm phút đồng-hồ, rồi đem đổ chuồng tiêu, xong lại phải đem nấu lại trong nước sôi, rồi hẵng dùng.

2°) *Buồng nằm.* — Người ốm phải nằm một mình. Trong buồng chỉ nên để những đồ thiết-dụng mà thôi ; bao nhiêu những màn cheo trướng mắc bỏ hết ; mỗi ngày phải mở cửa cho khí trời, cho ánh sáng vào, thứ nhất ánh sáng mặt trời là thứ thuốc trị trùng không gì bằng. Quét không nên quét khô, phải lấy khăn ướt mà lau. Thỉnh-thoảng phải nên chuyển người bệnh ra chỗ khác và tẩy-độc trong buồng một lần.

3°). *Da-thịt quần-áo.* — Lau mình bằng khăn ráo, rồi bóp rượu vào người, xong rồi lau bằng khăn ướt nước lạnh ; dần dần về sau mới nên tắm. Quần áo lót mình thời nên dùng thứ vải trắng to sợi, để cho ma-sát vào da luôn, và phải năng thay luôn cho sạch-sẽ. Đừng mặc những quần áo dài lượt-mượt. Đầu thời đàn ông nên húi ngắn, đàn bà nên vấn gọn lên.

4°) *Miệng.* — Cấm không được hút thuốc. Phải súc miệng luôn, phải rửa răng kỹ.

III. *Vệ-sinh riêng cho con-cái người phải bệnh lao.*— Con người có bệnh lao phải nên nuôi xa cha mẹ, cho về ở nhà quê, giao cho người vú tốt, hoặc người nhà cẩn-thận trông-nom, cho sinh-hoạt như con nhà quê, để chạy chơi ngoài đồng, tắm mát dưới ao, cho được tự-do khoan-khoái, thực là một cách vệ-sinh thiên-nhiên vậy. Ở những chỗ cao-nguyên, nơi bờ bể, lại càng hay lắm. Lớn lên nên cho làm những nghề hoạt-động, đừng nên cho làm những nghề ngồi một chỗ.

IV. *Vệ-sinh riêng cho những người ở cùng với người có bệnh lao.* — Phải theo phép vệ-sinh chung về các bệnh truyền-nhiễm, thứ nhất là cần phải ăn-ở cho rất sạch-sẽ, mỗi ngày phải rửa tay nhiều lần, nhất là trước khi ăn. Móng tay phải rửa cho sạch, nếu mó tay vào đồ vật gì của người bệnh dùng như cái cốc, cái ống nhổ, thời phải rửa tay bằng nước *sublimé*. Bát đĩa dùng cho người bệnh ăn phải đun sôi trong năm phút ; quần áo của người bệnh phải rặt riêng, để riêng. Người bệnh hoặc khỏi được, hoặc chết đi, bao nhiêu những đồ ăn dùng phải tẩy-độc hết.

7.—Trị bệnh lao bằng phép vệ-sinh

Vệ-sinh không những để phòng bệnh lao, mà lại là một cách trị bệnh lao nữa. Trị bệnh lao bằng phép vệ-sinh, chia ra ba khoản : 1° ăn-uống ; 2° nghỉ-ngơi ; 3° hô-hấp.

1.) *Ăn-uống.* — Ông y-sĩ Grancher đã nói rằng : « Người lao muốn khỏi thời phải ăn ; không những ăn để nuôi mình, lại phải ăn để khỏi bệnh » (*Pour guérir, le tuberculeux doit manger ; il a besoin non seulement de la ration d'entretien, mais de la ration de guérison*).

Lại ông Dettweiler nói rằng : «Nhà bếp tôi chính là hàng thuốc tôi đó.» (*Ma cuisine est ma véritable pharmacie.*)

Coi đó thời biết sự ăn uống cần cho phép trị bệnh biết dường nào. Trong bệnh lao cũng như trong các bệnh khác bởi vi trùng mà ra, vi-trùng đánh nhau với các « viên » (*cellules*) trong da thịt, các viên phải có mạnh sức thời mới chống lại được ; muốn cho các viên được mạnh sức thời phải bồ-dưỡng nhiều, và bồ-dưỡng là cốt ở sự ăn uống. Cho nên các y-gia vẫn

thường nói phép chữa bệnh lao nhậy hơn nhất là phép « phì-bổ dưỡng-thực » (*suralimentation*), nghĩa là phải ăn-uống cho béo-bổ.

Đồ ăn tốt là phải tiêu-hóa dễ và bổ-dưỡng nhiều. Vậy trong các đồ ăn phải chia ra nhiều hạng, hạng nào kiêm được hai tính-cách đó là hạng tốt nhất. Đã nghiệm ra bổ nhất và dễ tiêu nhất là tủy thịt sống (*pulpe de viande crue*), viên lại từng viên tròn, mà ăn với đường hay là chiêu với nước canh nguội hay âm-ấm, hoặc chộn lẫn với khoai tây hay đậu tây nghiền nhuyễn ra. Muốn lấy tủy thịt sống như thế thời phải dùng một con dao nhụt vạch trên mặt miếng thịt, cho thành những sợi nhỏ, như ta nạo dưa hấu vậy ; rồi bỏ những sợi thịt ấy vào một cái cối con mà giã qua, xong rồi rải lên trên một cái rây và lấy thìa dằn-dặt nó xuống ; phải làm thế nào thành một phiến thịt rất mị thời mới tốt. Lúc nào ăn hẵng làm, làm xong phải ăn ngay, vì thịt ấy mau hư lắm.

Nay phải dùng thứ thịt gì là hơn ? Các ông thầy thuốc thời cho thịt cừu là bổ hơn nhất. Nhưng thịt cừu đắt và cũng nhiều người không quen ăn lấy làm ngấy. Như vậy thời dùng thịt bò cũng tốt lắm. Có người sợ thịt bò hay sinh sán (*ténia*), nhưng theo ý ông GRANCHER thời cái đó không ngại gì, vì ông đã nghiệm ra sán lại lợi cho người đau hơn là hại, vì nó làm cho người bệnh muốn ăn. — Còn thịt lợn người nước ta hay dùng thời các thầy thuốc tây cho là không bổ mà lại khó tiêu, cũng nhiều khi sinh sán.

Ăn tủy thịt thời ăn chừng bao nhiêu là vừa, và ăn vào lúc nào là nên ? Cái đó là tùy sự sở-thích người bệnh. Thường độ 100 đến 200 « gam » (bốn năm lạng ta) cũng không lấy gì làm nặng tì lắm. Hoặc người ăn không muốn ăn thời nên cho uống một ít « tiêu-hóa-tố » (*pepsine*), để cho thêm sức tiêu-hóa. Ăn thời nên ăn vào hai bữa cơm, làm đồ ăn thêm, và vào giữa khoảng hai bữa cơm làm đồ ăn phụ. Hoặc ăn không chịu, chán hay là sinh ra đi rửa, thời nên ăn nước thịt ép (*jus de viande*), không bổ bằng tủy thịt, nhưng cũng tốt lắm, mà lại dễ tiêu hơn, không hay chán. Ép thịt thời phải dùng thịt bò ; lấy một súc thịt chừng nửa cân ta, non và nạc, băm qua trên mặt, cho muối và hạt tiêu, hơ lên than nóng, xong rồi đặt vào máy ép mà ép, hứng vào cái bát hay cái chén cho nước chảy ra. Ép thời nên ép lâu hơn là ép mạnh. Hễ ép không chảy nữa thời lại đem hơ lên lửa, còn chảy thêm được ít nhiều. Nước ép ấy cũng nên đem cách-thủy qua đi, rồi uống.

Thứ nhì đến trứng gà, muốn dùng cách nào cũng được, hoặc ăn chín, hoặc ăn sống, hoặc ăn nửa chín nửa sống (gọi là trứng « la-cốc »). Phàm trứng hễ càng ít chín thời càng dễ tiêu. Buổi sớm buổi chiều, trước hai bữa, ăn điểm-tâm một cái trứng sống, tốt lắm. Trong trứng thời có lòng trắng và lòng đỏ ; lòng trắng có «đản-bạch-chất » (蛋白質 = *albumine*), rất bổ ; lòng đỏ thời hiện nay người ta thường dùng để trích lấy một thứ thuốc bổ rất mạnh gọi là « đản-hoàng-tố » (蛋黃素 = *lécithine*.)

Thứ ba đến cá, nhất là những thứ cá nhỏ thịt dễ tiêu.

Rồi đến sữa bò, nên đun sôi, cơm ta, bánh tây, các thứ rau, và nhất là khoai tây tốt lắm.

Nếu người bệnh không có đau tì-vị thời các thứ thịt ăn thịt gì cũng được, nhất là những thứ thịt có nhiều mỡ béo, và những thứ cá có dầu.

Nói tóm lại thời cách bổ-dưỡng là phải ăn cho nhiều thịt cá, ăn được thời không thuốc-thang gì bằng. Nhưng những nhà nghèo lấy đâu mà có thịt cá luôn được ? Ai chẳng biết rằng ăn nhiều bổ nhiều, nhưng không đủ mà

ăn thời bổ làm sao? Đó thật là một vấn-đề khốn-nạn, nhất là ở nước ta số người nghèo lại nhiều hơn các nước. Xưa nay bệnh lao vẫn đi với bệnh nghèo (*le paupérisme*) là một, muốn trị bệnh lao phải chữa bệnh nghèo trước đã, nhưng bệnh này thời thuốc nào chữa cho được? Đó là phần các nhà thực-nghiệp. nhà kinh-tế, nhà chính-trị phải tìm phương đặt kế mà bổ-cứu, cho xã-hội bớt được cái nạn bần-phạp; có bớt được cái nạn bần-phạp thời mới bớt được cái hoạn tật-bệnh vậy.

Khi nào đau bụng đi rửa thời chỉ nên ăn sữa bò, nước ép và nước canh. Uống thời uống nước lã lọc, nước chè, rượu vang được cả. Đêm nên uống một chén sữa nóng.

2.) *Tĩnh-dưỡng.* — Ngủ đêm phải ngủ đầy mười hai giờ, từ chín giờ tối đến chín giờ sáng. Trước bữa cơm trưa nên nằm nghỉ nửa giờ. Ăn cơm xong rồi, phải nghỉ buổi trưa từ một giờ đến ba giờ. Nếu có sốt thời nên nằm thêm; nếu sốt quá 39 độ thời phải nghỉ cả đêm cả ngày. Nằm nghỉ ban ngày thời phải nằm chỗ nào thông-thoáng, nằm trong buồng thời phải ngỏ rộng cửa.

Ngoài giờ nghỉ, nếu không mệt lắm thời nên đi bách-bộ, hoặc đi chơi gần, đi xe hay đi đất, nhất là những nơi vườn hoa, bờ hồ, bờ sông. Buổi sáng đi từ 10 giờ đến 11 giờ rưỡi; buổi chiều từ 5 giờ đến 7 giờ.

3.) *Hô-hấp.* — Cách này sách thuốc gọi là trị bệnh bằng không-khí (*cure d'air*). Hoặc ở trên núi, hoặc ở bờ bể, hoặc ở nhà dưỡng-bệnh-viện (*sanatorium*), hoặc ở nơi biệt-thự riêng, nghĩa là những chỗ rộng-rãi mát-mẻ, không-khí trong-sạch. Các nơi dưỡng-bệnh như thế phải kiêm được đủ ba điều như sau này mới gọi là hoàn-toàn: 1° trong một ngày khí-hậu đều đều, không có lên xuống sai nhau lắm, vì nếu khi nóng khi lạnh thất-thường thời người đau khó chịu và dễ cảm-mạo; 2° đất phải khô-ráo, không được ẩm-thấp; 3° nhà phải thông-thoáng cho mặt trời chiếu rọi luôn.

Cách trị bệnh bằng không-khí này là cốt cho người đau hô-hấp lấy không-khí trong-sạch, giúp cho phép tĩnh-dưỡng và phép bồi-bổ ở trên.

Người nào có thể lên cao-nguyên, ra bờ bể ở được thời hay lắm; nếu không thời đương ở nơi thành-thị, nên về chốn nhà quê, chọn lấy chỗ cao-ráo mà ở cũng tốt.

Trở lên là nói những cách vệ-sinh liệu-trị người ta ai cũng có thể tự mình làm lấy được. Còn các thuốc-thang thời phải hỏi thầy thuốc, tùy các chứng phát-hiện ra mà liệu mặt cho thuốc. Nhưng có một điều cốt-yếu phải nên nhớ, là chữa bệnh lao mạnh nhất ở phép vệ-sinh phòng bị, còn thuốc-thang chẳng qua là chữa những chứng phụ-thuộc vào bệnh lao mà thôi, chớ hiện nay trong thế-giới chưa ai tìm được thứ thuốc gì đặc-biệt để trị ngay vào con trùng lao được. Như vậy thời người bệnh nếu biết phép vệ-sinh, biết theo cho đúng, phần nhiều có thể tự mình làm ông thầy thuốc cho mình được, không phải cầu-cứu đến ai vậy.

Trong phép chữa bệnh lao, phải giữ nhất là đường tì-vị, vì tì-vị có tốt thời mới ăn uống được, mà sự ăn-uống như trên kia đã nói là đầu các cách liệu-trị. Vậy không nên uống nhiều thuốc tạp, sợ hại mất tì, chỉ nên dùng một thứ dầu gan cá thu (*huile de foie de morue*) để bổ tì (mỗi lần từ một đến ba thìa súp), mỗi tuần lễ nghỉ một vài ngày; hễ uống không chịu thành đi rửa thời nên thôi.

Nếu người bệnh ăn thành ho, ho thành thổ, thời sau mỗi bữa cơm nên cho nuốt những miếng nước đá nhỏ. Ho nhiều thành rát cổ, nên đắp dọng bằng nước lã. Không khỏi thời phải hỏi thầy thuốc mà dùng các thứ

thuốc êm như *codéine*, *chhoroforme*, cho mát cổ.

Thường khi ngủ giậy hay có cơn ho, đờm suyễn lên, muốn cho dễ nhổ đờm ra thời cho nằm thẳng đầu xuống, bỏ gối ra, trong một vài giờ đồng hồ.

*
* *

Trên đầu bài này đã nói rằng bệnh lao là một cái tai-hại cho cả xã-hội. Đã là cái tai-hại cho xã-hội, thời xã-hội phải thiết-kế để dự-phòng. Bởi thế nên ở các nước văn-minh bên Âu-Mĩ, cho chí đến nước Nhật-bản bên Á-đông ta, đâu đâu cũng thấy trên các chánh-phủ, dưới các hàng tỉnh, hàng quận, hàng chợ, hàng xã, cùng các hội thiện của người riêng lập ra, thi nhau mà chủ-trương xướng-suất, giòng-giả cổ-động cuộc « chiến-tranh với bệnh lao » (*la guerre contre la tuberculose*), coi bệnh lao như một kẻ công-địch của nhân-loại mà ra sức đánh cho đổ, phá cho tan, diệt cho hết vậy. Trong khoảng hai ba mươi năm này, ở các nước văn-minh thiếu gì những người diễn-thuyết để khuyên dạy cho người ta những cách vệ-sinh phòng-bị về bệnh lao ; thiếu gì những luật-lệ của nhà nước, những phương-pháp của hội riêng để nghiêm-phòng sự truyền-nhiễm ; thiếu gì những nhà bệnh-viện, những sở dưỡng-sinh, hoặc công-lập, hoặc tư-lập, hoặc ở trên cao-nguyên, hoặc ở nơi bờ bể, hoặc ở trong sầm-lâm, hoặc ở ngoài khoáng-dã, để nuôi-nấng cho những kẻ chẳng may mắc bệnh, cứu vớt lấy những người sắp phải nguy-nan ; thật đủ tỏ rằng người ta ở thời-đại này dẫu hăng-hái về đường cạnh-tranh thật, mà cũng còn nhiều người có lòng từ-bi bác-ái, hiểu cái nghĩa liên-lạc của loài người, ra công tế-độ cho kẻ cùng loài trầm-luân trong bể khổ. Đáng khen thay, đáng cảm thay !

Quan Léon Bourgeois, hiện nay làm nghị-trưởng Thượng-Nghị-viện nước Pháp, mới rồi vừa được phần thưởng *Nobel* về những công-cuộc từ-thiện của ngài, là một người đã có công đệ-nhất về sự chiến-tranh với bệnh lao đó ; trong một bài diễn-thuyết, ngài đã giải rõ cái nghĩa-vụ của người ta trong xã-hội phải nên hiệp-lực mà chống giữ bệnh lao như thế nào. Ngài nói rằng :

« Các bệnh truyền-nhiễm, và nhất là bệnh lao, là cái hiển-chứng cho lẽ liên-lạc tự-nhiên nó buộc người ta phải cùng nhau mà chịu khổ, — đáng lẽ nó cũng nên buộc người ta phải cùng nhau mà làm phúc nữa mới là cân, — và nó khiến cho sự đau-đớn của một người đều có phản-động đến cả các kẻ đồng-loại khác.

« Vì người bệnh lao, hầu hết là kẻ hi-sinh vì xã-hội.

« Bệnh lao ở đâu mà ra ? Bệnh lao là ở một cái hạt giống rơi vào một nơi đất mọc, ở một con trùng độc tiếp-xúc vào một cái thân-thể đã sẵn-sàng cho trùng sinh-sản. Người bệnh lao là người bị cả hai đường, một là hạt giống, hai là đất mọc, đều là tự cái hoàn-cảnh nó truyền cho cả.

« Hạt giống bệnh chẳng là ở những bụi mình thở phải, ở đồ ăn mình ăn phải rư ?

« Còn đất mọc cho hạt giống ấy, chính là thân-thể mình ; nhưng cái đất mọc ấy, cái hiện-thân ấy, cũng là bởi cái hoàn-cảnh nó gây-dựng ra : bởi giòng-giống mình, bởi sự giáo-dục, bởi cách làm ăn, bởi nhà ở không sạch-sẽ, bởi đồ ăn không sung-túc.

« Vậy thời người bệnh lao tức cũng như là cái kết-quả của cả toàn-thể sự sinh-hoạt trong xã-hội chung-quanh mình vậy.

«Mà phản lại, chính mình cũng lại là một sự nguy-hiểm cho kẻ đồng-loại mình. Nếu bệnh lao là một bệnh tránh được, lời ấy là nói phải, thời có thể nói rằng mỗi lần xảy một người mắc bệnh lao, là xã-hội có lỗi và có nguy về đó vậy.

« Đó là cái lẽ tôi đã từng gọi là lẽ «hỗ-tương-nguy-hiểm» (*le risque mutuel*). Đối với sự nguy-hiểm chung đó thời người ta phải hiệp-lực mà bảo-hiểm, mà dự-phòng.

«Dù khi vì người riêng bất-cẩn mà mắc bệnh, nếu sự bất-cẩn ấy là bởi vô-học ngu-dốt mà ra, xã-hội cũng có trách-cứu về đó.

«Như vậy thời sự quyết-đấu với bệnh lao có tính-cách như một nghĩa-vụ chung của xã-hội, một trách-nhiệm mà xã-hội cưỡng-bách phải làm vậy...» [1]

Trách-nhiệm ấy, nghĩa-vụ ấy, các xã-hội văn-minh đã hiểu lắm rồi, nên những công-cuộc cứu-tế cho kẻ bệnh-hoạn ở các nước mỗi ngày một thịnh-hành. Xã-hội nước ta là một xã-hội còn ấu trĩ, về đường gì cũng còn kém-cỏi, thời về đường cứu-tế đã nói sao được. Nhưng cứ trông gương của các nước, trông gương của Bảo-hộ quí-quốc, trông gương của những bậc phúc-đức như bà Phước Antoine, mong rằng rồi cũng có ngày hiểu được cái nghĩa-vụ cao-thượng, cái trách-nhiệm lớn-lao đó. Hiện nay thời chỉ nguyện cho đồng-bào ta nên học-tập lấy phép vệ-sinh, để giữ cho thân-thể mình mạnh-khoẻ, thân-thể mạnh khoẻ tức là sự-nghiệp hoàn-toàn, sự-nghiệp riêng của mỗi người được hoàn-toàn tức là giúp cho vận-mệnh chung của nước nhà được vang-vẻ vậy. Lại nguyện cho những anh em đương tuổi thanh-niên, chớ nên trác-táng; những thói hư nết xấu, hại của, hại người, hại tinh-thần, hại sức-khoẻ, như cờ-bạc, rượu-chè, dâm-dục, hút-sách, nên chừa cho hết, lánh cho xa, và bao giờ cũng đinh-ninh trong bụng rằng: hễ nước được nhiều người mạnh, ấy là nước phú-cường vậy. Như vậy thời vệ-sinh không những là một nghĩa-vụ đối với bản-thân mình, lại là một nghĩa-vụ đối với nước nhà, với nòi-giống nữa.

Sau hết, xin yêu-cầu Chánh-phủ một đôi điều. Chánh-phủ đặt ra cuộc Y-tế Đông-Pháp đã giúp cho kẻ bệnh-hoạn trong dân-gian nhiều lắm. Nay xin cứ theo một chương-trình ấy, mà

---

(1) « Les maladies contagieuses, et la tuberculose en particulier, sont les exemples les plus frappants de cette solidarité naturelle qui unit les hommes dans le mal comme elle devrait les unir pour le bien et qui fait réagir le mal de l'individu sur chacun de ses semblables.

« Le tuberculeux, en effet, est presque toujours victime du fait social.

« De quoi provient la tuberculose? De la rencontre d'un germe et d'un terrain, du contact du bacille et d'un organisme prédisposé à son développement. Le tuberculeux est victime d'une double fatalité: du milieu ambiant, il tient à la fois le germe du mal et le terrain où il s'est développé.

« Le germe n'est-il pas emprunté aux poussières qu'il respire, aux aliments dont il se nourrit?

« Le terrain c'est lui-même: mais ce terrain, cet état actuel de l'individu, c'est le milieu où il vit qui l'a constitué: il est dû à sa naissance, à son éducation, aux conditions de son travail, à l'insalubrité de son logement, à l'insuffisance ou à la mauvaise qualité de son alimentation.

« Le tuberculeux apparait donc comme le produit d'un ensemble de conditions résultant de la vie sociale qui l'entoure.

« Et en retour, il devient lui même un péril pour ses semblables. S'il est vrai que la maladie est évitable, on peut dire, en présence de chaque cas de tuberculose, que la société est en faute et en péril.

« C'est ce que j'ai appelé ailleurs *le risque mutuel*. A ce risque, doivent correspondre l'assurance et la prévoyance mutuelles.

« Même dans le cas d'imprudence personnelle, la société est responsable encore si l'ignorance de l'individu est le fait de l'éducation.

« Ainsi la lutte contre la tuberculose prend le caractère d'un devoir social, devient une œuvre obligatoire...» Leon Bourgeois, *La Politique de la Prévoyance sociale* (tome II, pages 73-74.)

mỗi ngày một mở rộng thêm ra, đặt thêm những nhà thương, những bệnh-viện, không những ở các tỉnh-lị, ở các phủ-huyện-lị nữa. Nhưng thứ nhất là xin Chánh-phủ chỉnh-đốn lại cách quản-lý các nhà thương, trông-nom cho sự ăn-uống, sự thuốc-thang, cách dự-phòng, cách liệu-trị được thập-phần cẩn-thận, khiến cho người bệnh đã đem thân đến nhà bệnh-viện được yên-tâm rằng kẻ hữu-ti hết sức chăm-chút cho mình, dẫu chẳng may chết đi cũng không hối-hận; chớ hiện nay thời ở các nơi nhà thương vẫn thấy xảy ra nhiều điều sơ-suất, nhiều sự tệ-lạm vậy. Chắc rằng Chánh-phủ Đông-Pháp chưa có thể theo như Chánh-phủ bên quí-quốc mà vì dân ta chuyên-chủ về một bệnh lao như các nước văn-minh được, nhưng hiện nay hãy xin ở các nhà thương đừng để cho người bệnh lao nằm lẫn vời các người bệnh khác như bây giờ, và làm riêng ra một cái nhà cho hạng ấy ở, trước là giúp cho người mắc bệnh được đủ phép vệ-sinh mà chóng được thuyên-khỏi, sau là tránh cho người khác khỏi mắc vào cái bệnh rất nguy-hiểm ấy. Sau nữa, lại xin Chánh-phủ truyền cho sở Học-chánh đặt ở các trường Pháp-Việt một khoa vệ-sinh chuyên-môn, để giảng-giải cho học-trò biết về các bệnh truyền-nhiễm, thứ nhất là bệnh lao, và dạy cho mọi cách vệ-sinh phòng-bị ; lại truyền cho các quan thày-thuốc, các quan sở-tại năng đi về chốn dân-gian mà giảng-thuyết về phép vệ-sinh cho người dân nghe ; đó cũng là một cách gián-tiếp rất mạnh để trị những chứng nguy-hiểm như chứng lao vậy.

Nếu theo lời quan Léon Bourgeois như trên kia đã dịch, sự quyết-đấu với bệnh lao là một nghĩa-vụ chung của xã-hội, thời Chánh-phủ thi-hành cho các khoản ấy cũng là làm một phần nghĩa-vụ đối với quốc-dân vậy. Rất mong-mỏi lắm.

Thượng-Chi *biên-dịch*

MỘT BỘ TIỂU-THUYẾT TÂY
VỀ PHONG-TỤC AN-NAM

(Jean Marquet. — *De la rizière à la montagne.* Mœurs tonkinoises. Ouvrage honoré d'une souscription du Ministère des Colonies. 2e édition. — Paris, Librairie Delalain, 1920. — 192 pages).

Gần đây thấy điện-báo bên Tây sang nói rằng có bộ tiểu-thuyết của một viên quan sở Thương-chính tả về phong-tục An-nam mới được phần thưởng to của bộ Thuộc-địa và Hội văn-sĩ nước Pháp.

Ký-giả xin thú thật rằng xưa nay phàm những sách du-ký, tiểu-thuyết, v.v. của người quí-quốc nói về An-nam ta, trừ một vài quyển văn-chương hay, còn ký-giả không thường đọc bao giờ. Là bởi phần nhiều các ông làm sách ấy phán-đoán về dân An-nam sai-lầm thiên-lệch quá, người mình đọc tưởng không có hứng-thú gì, không những không hứng-thú gì, lắm khi không khỏi tức mình mà sinh ác-cảm với người làm sách. Còn nhớ năm xưa có một ông đốc tây ở Hà-nội làm bộ sách tập-đọc cho học-trò trường Pháp-Việt, trong sách có một bài nói về tính xấu người An-nam, từ đầu chí cuối toàn là một giọng thóa-mạ : « Người An-nam gian-trá, biển-lận, hay nói dối, hay ăn cắp, hay lừa thày, hay phản chủ, v.v.», cứ thế suốt một trang. Bài đó là dạy về tiếng *adjectifs* : các cậu học trò ta nhờ tiên-sinh bữa ấy học được một mớ *adjectifs* hay !. . .

Nhưng lần này thấy bộ tiểu-thuyết mới này được phần thưởng to, lại thấy các báo tây tán-dương nhiều, chắc là sách hay, vậy cũng thử đọc. Đọc quả thấy hay thật, đọc xong thời như có cảm-tình lai-láng, phảng-phất hình như cái hồn của Việt-Nam cố-quốc ta mập-mờ thấp-thoáng ở đâu trên khoảng mực đen giấy trắng vậy. Sách của người ngoại-quốc mà khiến cho người bản-quốc đọc có cảm-động như thế, thời đủ biết là sách có giá-trị vậy.

Sách đề nhan là « Từ đồng-bằng lên mạn-ngược » (*De la rizière à la montagne*), có ý gồm hai cái cảnh-tượng khác nhau của xứ Bắc-kỳ ta, cảnh trung-châu và cảnh thượng-du. Nhưng nhan sách ấy tưởng còn có một ý-nghĩa bóng-bẩy sâu-xa hơn nữa : hồn người Nam-Việt cũng vì như đất xứ Bắc-kỳ, có một phần bình-địa, có một phần cao-nguyên, phần bình-địa là sự sinh-hoạt hằng ngày, phần cao-nguyên là tấm quốc-hồn cố-hữu, người biết quan-sát thời đứng dưới đồng-bằng có thể trông thấy cảnh núi, -- cũng như những khi trời quang mây tạnh nhìn lên phía trên sông Nhị-hà trông thấy xanh-dì đằng xa, bên này sông là dãy Tam-đảo, bên kia sông là ngọn Ba-vì, -- và xét sự sinh-hoạt hằng ngày trong dân-gian, có thể đoán được tấm hồn cố-hữu của loài giống. Ấy sách sở-dĩ có giá-trị cũng là bởi tác-giả biết khéo tả những việc tầm-thường hằng ngày xảy ra trong dân quê xứ Bắc-kỳ mà biểu-lộ được tình-tình tâm-lý cùng những tư-tưởng xa, phong-thói cũ của một dân-tộc đã sinh-trưởng trên cõi đất này trong hơn hai mươi thế-kỷ nay, khiến cho người đọc có một cái cảm-giác như gần như xa, như mắt thấy tai nghe những sự hiển-nhiên trước mắt mà tinh-thần mơ-tưởng những truyện cổ-tích đời xưa...

Truyện là một bức tả-chân cái tình-cảnh dân nhà quê ở Bắc-kỳ, truyện rất tầm-thường, tưởng tóm-tắt lại cho người An-nam ta nghe thời không có thú-vị gì, vậy mà có một cái ý-nghĩa sâu-xa ở đó. Truyện như thế này.

Bố-dĩ Nguyên là con nhà nghèo làm ruộng, ở một làng trong tỉnh Hà-đông, thủa nhỏ cha mẹ đặt tên là « Thằng Cò ». Lên năm đã phải thay chị gái là « Cái Đĩ » đi chăn trâu. Lên chín cho đi học thày đồ trong làng, để biết năm ba chữ mà ngày sau thay cha già khấn-vái tổ-tiên những ngày giỗ-tết. Nhưng nhà nghèo không lấy đâu học được nhiều, được ít lâu phải về đỡ cha làm ruộng, tập lấy cái nghề nhọc-nhằn cực-khổ là nghiệp nông-phu ở nước Nam này. Trên nắng trang-trang, dưới bùn đến bẹn, hò trâu kéo cầy, suốt ngày đến tối ; hai bữa được mấy bát cơm hầm, mấy quả cà chua, tối nằm trong nhà tranh vách đất ; thân-phận kẻ làm ruộng ở nhà quê thiệt cũng khổ lắm thay. Nhưng Nguyên vốn sinh-trưởng ở chốn thôn-quê, đã chịu quen sự khó nhọc, cũng an-phận, không phàn-nàn. Song nhà nghèo quá, có được mảnh vườn với mấy thửa ruộng, cha con trần-lực ra làm mới gọi là tùng-tiệm đủ ăn, có đâu là dư-dật. Một hôm tình-cờ, Nguyên bắt được con khướu đen biết nói, nhân ngày phiên đem lên chợ bán được chục bạc, trở về mua cho cha một cái quan-tài bằng gỗ giổi. Phận làm con mong báo hiếu cho cha mẹ, lo được chút này cũng khoan-khoái trong lòng. Nguyên đã mười sáu tuổi, cha mẹ định lo vợ cho. Ông chú là ông Xuân mách có con gái lớn ông Rị làm thợ ngói, nhà nghèo nhưng con bé cũng ngoan, vả lại biết làm mũ-mã, sau này có thể đỡ chồng kiếm thêm được ít nhiều. Đem trầu cau sang hỏi, ông Rị nhận lời, được ít lâu xin cưới. Hai nhà cùng nghèo, lễ cưới làm xoàng cho đủ lệ mà thôi, nhưng họ-hàng làng nước cũng thết-đãi được

phu-pha cả, không đến nỗi để cho người ta nói vào. Vợ chồng mới cũng có ý thương yêu nhau. Bố-đĩ Nguyên ngày đi làm, tối về chuyện-trò cùng vợ cũng khuây-khỏa được những nỗi nhọc-nhằn. Chợt trong vùng ấy xảy ra bệnh dịch tả: không đầy một tuần, hai ông bà cùng với chị con gái lớn đều mắc bệnh chết. Gặp lúc cát-cứ, lại vừa lo cái cưới phí-tổn mất nhiều, trong nhà khánh-kiệt, không lấy đâu mà tống-táng cho phải phép, thôi thì đưa ông bà và chị ra đồng, gọi là đào sâu chôn chặt. Trong nhà ba cái tang luôn, một đồng một chữ không có, thật cũng bực mình. Một hôm nhân ngày tuần, Bố-đĩ Nguyên đem vài cái vàng-mã ra mộ đốt, khi trở về thấy con lợn của Bố-đĩ Thục bên láng-giềng sang rũi bừa cả mấy luống khoai nhà mình. Hai nhà vốn xưa nay vẫn bất-bình nhau. Nguyên thấy thế càng tức lắm, sẵn cái thuổng ở đấy, vác nện cho con lợn một cái gẫy chân. Nghe tiếng lợn kêu, vợ-chồng con-cái nhà Thục chạy ùa ra, nào chửi nào rủa om-sòm cả lên. Xong rồi Bố đĩ Thục cậy có của dọa Bố-đĩ Nguyên rằng: « Tao lên huyện thưa quan cho mày xem. » Ông Xuân nghe rõ đầu đuôi, gọi nhỏ Bố-đĩ Nguyên vào bảo: « Mày phải đi kiện trước mới được. » Rồi ông thảo cho cái đơn thưa quan và cho vay năm đồng bạc đến ngày mùa trả. Nguyên ngay đêm hôm ấy lên thẳng huyện để sáng được vào hầu quan sớm. Đến huyện đưa cậu lệ hào bạc được vào hầu ngay. Đầu đơn trước quan, lại kèm thêm mấy đồng bạc lễ, quan phụ-mẫu nhận đơn thu bạc, rồi truyền cho về, hai ngày nữa sẽ xử. Hai ngày thời quan sức về xử hòa, vì một bên chết mất con lợn, mà một bên thiệt mấy luống khoai. Người làng ai cũng lấy làm lạ, vì vẫn chắc rằng Bố-đĩ Thục giầu hơn tất được kiện. Thục cũng tức lắm, cố-chí báo-thù. — Bấy giờ giữa mùa nước lên, trống hộ-đê đánh liên-thanh như ếch kêu. Đương đêm có lệnh hỏa-tốc của quan về sức kíp bắt dân-phu lên đắp đê, vì nước sông lên mạnh quá, dã thẩm-lậu qua đê. Nguyên nghèo không có tiền chuộc, cũng phải vác xẻng cuốc theo dân làng lên đê. Trên đê hơn một nghìn con người làm nhật-dạ luôn sáu ngày sáu đêm. Sau dần-dần không thấy nước thấm nữa, quan truyền cho dân làng nào ở xa về trước. Nguyên được vào số thải trước. Về đến cổng làng người ta mách: « Anh Nguyên, nhà anh có việc gì mà trẻ con trong làng đến xem đông cả? » Tất-tả chạy về, kinh-ngạc trông thấy một ông Tây và hai người lính nhà Đoan, thấy chủ nhà vế nắm ngay cổ áo, dẫn đến góc vườn, chỉ vào hai chĩnh bã rượu giấu ở dưới đống khoai sọ. Trời đất ôi! nhà Bố-đĩ Nguyên xưa nay nấu rượu lậu bao giờ mà kẻ nào độc-ác vu-oan giá-họa cho như thế! Vợ chồng van lậy ông Tây và hai thầy đội, ông không nghe, truyền giải ngay về Hà-nội. Một thầy lính vào nắm lấy chực điệu đi. Nguyên tức quá nóng tiết lên văng khuỷu tay vào mũi thầy đồ máu cam ra. Nàng chạy sao được, bị nắm lại, lấy khăn trói dật cánh khỉ, rồi áp-điệu đi như thằng giặc thằng cướp vậy. Đi qua cửa nhà Bố-đĩ Thục, thấy trong nhà khúc-khích cười. Bấy giờ mới tỉnh-ngộ: oan này là tự tay nhà Thục gây ra! — Về Hà-nội bỏ vào nhà pha Hỏa-lò. Thế là từ nay Bố-đĩ Nguyên là một anh nhà quê hiền-lành lương-thiện, bỗng-dưng thành một kẻ tội-nhân của xã-hội, bị giam cầm trong ngục tối, rồi đến đem thân đi vùi-rập ở chốn đèo-heo hút-gió. Thương thay! — Vào Hỏa-lò, thầy cai coi nhà pha hỏi có tiền thời đưa thầy mười đồng để thầy chạy ông Phán Bùi làm thông-ngôn ở tòa-án cho, chắc được tha. Nhưng Bố-đĩ Nguyên thật-thà, chắc bụng rằng mình oan, thế nào quan Tây cũng minh-sát

cho. Ngờ đâu đến bữa ra tòa bị quan tòa xử phạt bạc năm trăm quan tiền tây, phạt giam sáu tháng tù, vì tội đánh lính nhà Đoan. Năm trăm quan tiền tây, cả tiền lệ-phí thành bốn trăm năm mươi đồng-bạc, Bố đĩ Nguyên làm đến già đời cũng không sao có được món tiền ấy, lấy đâu mà nộp phạt bây giờ ! Nhưng không có tiền thời phải chịu tù một năm rưỡi. -- Từ khi vào tù, chỉ cầu-nguyện một điều, là Trời đề cho đừng chết, để mãn-hạn về làng, trả thù Bố-đĩ Thục mới cam-tâm. Chợt có lệnh Nhà-nước thấy nhà-pha Hỏa-lò chật quá, truyền tù nào phải quá một năm thời đem lên mạn ngược để làm đường. Sáu mươi tên phải đem lên Hà-giang, Nguyên vào số đó. Thượng-du ma thiêng nước độc, lam-chướng hại người, trước những nghe nói đến đã rùng mình, nay phải lên khổ-sai trên ấy, kinh-hãi biết dường nào ! Sáu mươi tên đi, lên đến Hà-giang, chết dọc đường mất năm, còn có năm-mươi-nhăm tên. Tới nơi phân-phát mỗi toán một việc. Nguyên cùng mấy tên nữa phải lên núi khoan đá để đánh cốt-mìn. Núi có thần thiêng, người vùng ấy sợ-hãi lắm, nhưng làm thân thằng tù đi khổ-sai, sai đâu đi đó, dẫu nguy-hiểm mà dám từ. Vậy ngày đi khoan đá, tối về nằm cùm, lắm khi đêm khuya nằm trong ngục tối, sốt rét cầm-cập, nghĩ đến thân, nghĩ đến vợ, nghĩ đến cửa nhà làng nước, nghĩ đến cha mẹ tổ-tiên nay vắng người giỗ tết phụng-thờ, càng nghĩ càng đau lòng xót ruột, bồi-hồi bồi-hồi. Chỉ cầu Trời cho khỏi chết để về trả-thù Bố-đĩ Thục cho cam ! Một buổi đi làm về, thấy thầy Cai nhà tù đưa cho cái thư ở nhà gửi lên, thư quan đã bóc để kiểm-duyệt rồi. Thư này của ông Xuân là ông chú viết. Trong thư nói rằng từ khi Nguyên bị án thời ở nhà được giấy tỉnh sức tịch-ký gia-tài, đem bán đấu giá, để lấy tiền nộp phạt : cái nhà bán được 20 đồng, thửa ruộng 25 đồng, con trâu già với con lợn con 15 đồng, được bao nhiêu lý-dịch thu nộp vào Nhà-nước hết. Vợ Nguyên và em Nguyên thời về ở nhà ông. Ông vốn không có con trai, định nuôi thằng Cu Ba là em trai Nguyên làm con nuôi, rồi cho ăn thừa-tự. Còn vợ Nguyên thời ở nhà được nửa tháng xin đi, sau được tin rằng thày đội Bính làm đội-lệ ở huyện lấy làm vợ hai. Ông cũng muốn đi kiện thày đội cướp vợ người ta, nhưng thày đội vừa có tiền vừa có quyền, thế ông địch không nổi, đành phải chịu vậy. Ấy tình-cảnh ở nhà từ khi Nguyên đi là thế. — Nguyên đọc thư xong toát mồ hôi ra. Thôi, thế là thôi ! Nhà mất, ruộng mất, vợ mất, còn sống làm chi nữa ? Nhưng mà không, phải sống để báo-thù, thù này mà chưa trả được, thời chết đi cũng đến mang nặng oan-hồn. — Một hôm bọn tù đương khoan đá trên núi, một tên lính Thổ canh ngồi buồn kể cho nghe truyện thần-núi ấy. Thần này là một vị long-sà, giữ một kho vàng ở trong động núi. Bây giờ lên đào-sẻ trên núi, làm động long-mạch như thế này, chắc có tai-họa. Vừa nghe truyện, bọn tù vừa khoan xong mấy lỗ. Thày đội cho nạp cốt-mìn, châm bấc cháy, rồi ai nấy tránh xa ra. Nhưng cả thảy có bốn lỗ, mà chỉ nghe thấy ba tiếng nổ, đợi mấy phút không thấy gì, thày đội sai Nguyên lại gần xem. Tới nơi thời vừa nổ, nghe tiếng « đùng » một cái, ai nấy chạy lại, thấy Nguyên nằm soài trên đá, toạc mất cánh tay, vừa rên vừa khóc, nghĩ trong bụng rằng: « ông Long-thần làm hại ta ». Khiêng vào nhà thương, quan thày thuốc bảo phải cắt cánh tay đi. Trời ôi ! cắt cánh tay đi thời sau này làm ăn bằng gì ? Đến phải đi ăn mày giọc đường mất thôi ! Nhưng thày anh-phia-mê bảo nhỏ rằng : « Mày cứ để quan cắt, rồi

sau Nhà-nước nuôi mày, chở gì! » Nguyên cũng tưởng thật. Nhưng từ khi cắt tay thời mỗi ngày một sốt nặng lên, thường khát nước quá, trông thấy chén nước chè trên đầu giường mà thày anh-phia-mê không cho uống, nhất-định đòi hai su một chén! ... Bệnh mỗi ngày một tăng, thuốc-thang không có, một hôm thày anh-phia-mê đi thăm sớm thấy tên tù số 41 (tức là Nguyên) đã chết cóng tự bao giờ. Sờ trong thắt lưng thấy được hai đồng kẽm, thày bỏ túi, rồi cầm chén nước chè vẫn để trên đầu giường từ bữa trước, hắt ra ngoài cửa sổ, xong chạy lên trình quan. — 5 giờ chiều hôm ấy, bốn tên tù với hai người lính khố xanh đem một cái xác bó chiếu lên chôn trên cái đồi cạnh đó : xác ấy là xác Bố-đĩ Nguyên, người làng Ngọc-Kiệu tỉnh Hà-đông vậy....

Sách tuy kể luôn là một truyện, nhưng có thể chia làm ba phần. Phần tóm-lược đó là phần thứ nhất, đến hồi Bố-đĩ Nguyên chết ở nhà thương Hà-giang là hết. — Phần thứ nhì kể về em Nguyên là Cu-Ba, từ khi sang làm con nuôi chú là ông Xuân, ở với chú hết đạo làm con, vẫn có cái chí muốn làm nên công nọ việc kia để trước là chấn-khởi nghiệp nhà, sau là được bằng-dẳng như người ta, khỏi phải làm thân đàn em suốt đời ; sau đi lính nhà nước, tòng-chinh bị thương, được thưởng tòng-bát-phẩm đội-trưởng, dự ngôi kỳ-mục trong làng ; thế là sự hi-vọng bình-sinh đã được thành-đạt, duy còn chút bận lòng, là hài-cốt anh còn bị bỏ trên đường ngược, không kẻ đoái người thăm, phải làm thế nào đem về dưới này được thời mới yên lòng, vậy khánh-kiệt gia-tài, mướn chiếc thuyền buôn, mượn người chỉ nẻo, vượt thác qua đèo, lên đến Hà-giang, bốc được di-hài anh đem về ; thật là tỏ ra một người trung-hậu đáng khen. — Phần thứ ba là kể về Thị-Lục là con người con gái ông Xuân, tức là cháu gọi ông Bát (tức Cu-Ba) bằng bác, bố mẹ nghèo, hồi ông Xuân mất phải đem bán cho bà hàng quán lấy tiền để cùng với ông Bát (bấy giờ chưa được là ông Bát, còn đương làm lính ở Hà-nội) làm ma ông ; sau ở với bà quán, một hôm gặp mẹ mìn trông thấy xinh-xắn dỗ đem đi bán cho Khách, ông Bát cậy thày cậy thợ đi tầm-nã mãi mới tìm thấy cùng với mấy đứa con gái nữa ở trong một cái cù-lao trong vịnh Hà-long, giữa lúc mẹ-mìn sắp giao cho tên Khách buôn người chở thuyền đem sang Tàu ; sau về nhà, đến năm mười ba tuổi, gả cho ông Chúp người thôn trên làm vợ lẽ, v. v... — Phần trên đã tóm-tắt rõ-ràng, hai phần dưới gọi là nói qua-loa như thế, cho độc-giả biết đại-ý mà thôi.

Coi đó thời biết truyện rất là tầm-thường giản-dị, toàn là những việc hằng ngày xảy ra trong dân-gian nhà quê. Cứ lấy từng việc một thời không có gì là lạ, nhưng gồm cả bấy nhiêu việc, như kết sợi thành tấm, thời tổ-chức nên một tấm thân-thể rất là bi-đát thảm-thương, khiến cho chúng ta nghĩ đến số-phận kẻ đồng-bào ở chốn thôn-quê không thể không tự-nhiên nẩy ra một mối thương-tâm vô-hạn vậy. Ấy sự sinh-hoạt của dân nhà quê ta bần-cùng eo-hẹp, khốn-nạn long-dong như thế. Mà số dận ấy có phải là số ít đâu. Người nước ta mười phần thời ở thành-thị chỉ một phần, ở nhà quê đến chín phần, trong chín phần ấy, làm ăn no-đủ, không đến nỗi thiếu-thốn khó-khăn, họa may được bốn phần, còn năm phần là như Bố-đĩ Nguyên cả. Như vậy thời nửa phần người An-nam ta đều như để thân trong cái cảnh-huống oan-uổng khốn-cùng ấy cả. Có lẽ suốt trong thế-giới không dân nào làm-ăn khổ-sở mà hưởng sống hẹp-hòi như dân ta. Mà cái cảnh-huống ấy có phải

mới bắt đầu tự bây giờ đâu, cái cảnh-huống ấy đã có tự bao giờ rồi, hầu thành như một cảnh vô-cùng-tận vậy. Mà cái cảnh-huống ấy có phải lỗi tại dân ta đâu, lỗi tại thiên-nhiên một phần, lỗi tại bọn thượng-lưu ta bội-phần vậy. Nào lụt, nào hạn, nào ôn-dịch, nào trộm-cướp (trộm cướp cũng có thể cho là bởi thiên-thời được, vì chỉ những năm mất mùa đói kém mới có giặc-cướp nhiều), không kể những nỗi cực-khổ làm ăn hằng ngày, đời người nhà quê thật là một sự khủng-hoảng vô-hồi vô-hạn. Nhưng thứ nhất là lỗi tại bọn thượng-lưu không có lòng thương kẻ đồng-loại, chỉ biết lợi-dụng cho kỳ-cùng, biến người nhà quê thành con vật để đóng góp, thành cái máy để làm công ! Ôi ! phương-ngôn có câu : « có bột gột nên hồ » ; dân là gốc của nước, muốn cho quốc-gia mạnh phải có quốc-dân tốt ; dân ta thật là một dân tốt quá, cần-cù, nhẫn-nhục, kính-cẩn, trung-thành, thứ nhất là dễ bảo dễ dạy, tưởng trong thế-giới không có một dân nào thuần và dễ dạy như dân ta, vậy mà bọn thượng-lưu có trách cầm nước từ xưa đến nay không biết khéo dùng để mà gây-dựng lấy một quốc-gia phú-cường, không những thế, lại đè-nén, lại áp-chế, để cho ngu-dốt, không chịu khai-thông, đặt ra những tục-lệ tần-phiền khả-ố để giam-cầm bó-buộc cho không mở mặt cất đầu lên được, đến nỗi uổng mất nhân-tài, lỡ mất cơ-hội, để nước nhà vào một địa-vị kém-hèn, đặt dân em vào một cảnh-ngộ eo-hẹp, kẻ sĩ-phu trong nước ta từ xưa đến nay thật đã phạm tội nặng đối với đồng-bào, với tổ-quốc vậy...

Ký-giả nhân đọc bộ tiểu-thuyết mới của ông MARQUET mà ngồi nghĩ lan-man như vậy, bất-giác thấy có cái cảm-tình vô-hạn. Vậy có lời cám ơn tác-giả đã làm được bộ sách hay, không những làm bộ sách hay, mà lại làm được một việc có ích nữa, có ích cho cái tiền-đồ sự giao-thiệp của hai giống Pháp-Nam ta. Gần đây, nhiều người xướng chủ-nghĩa Pháp-Việt đề-huề ; chủ-nghĩa ấy vẫn là hay lắm, nhưng muốn cho hai giống đề-huề thời người hai giống phải am-hiểu nhau, phải biết tính-tình phong-tục của nhau. Xưa nay người Tây vẫn phàn-nàn rằng tính-tình người Nam-Việt khó hiểu lắm, khác nào như có cái màn che kín mít, người ngoài khó lòng mà trông qua được. Nếu quả như vậy thời ông MARQUET viết bộ tiểu-thuyết này thật đã hé được cái màn cho người quí-quốc trông thấy cái tình-cảnh đáng thương của kẻ nông-dân ở nước Việt-Nam này vậy.

THƯỢNG-CHI

— Ký-giả gần đây mới được tiếp chuyện ông MARQUET, ông hỏi ý có nên dịch bộ tiểu-thuyết trên này ra quốc-văn không. Ký-giả ngờ không biết lối tiểu-thuyết mới như thế người mình có ưa đọc và xuất-bản có tiêu-thụ được chăng ; vậy nhân đây xin tư-vấn các bạn đọc báo.

T.-C.

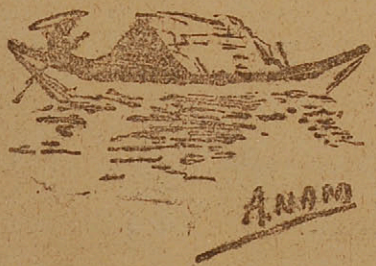

Cuộc du-lịch các phái-viên Nam-kỳ ở vịnh Hà-long

Hồi tháng chạp năm ngoái (1920), các phái-viên Nam-kỳ nhân ra Hội-Chợ Hà-nội có đi du lịch vịnh Hà long, đi bằng tàu « Hồng-bàng » của Công-ti Bạch-thái. Trong khi du-lịch có chụp mấy bức ảnh làm kỷ-niệm.

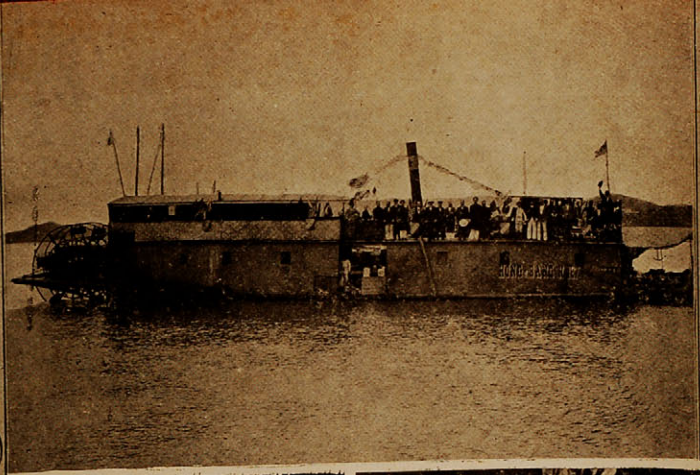

HƯƠNG-CHÍNH HƯƠNG-TỤC

CẢI-LƯƠNG TÂN-KHOÁN-ƯỚC

Lời biện-nguyên

Hương-thôn là một bộ-phận đoàn-thể nhỏ ở trong một khu-vực, hoặc họp phần nhiều các gia-tộc lại làm thành ra một làng lớn, hay họp phần ít các gia-tộc lại làm thành ra một làng nhỏ, chính là nơi chôn rau cắt rốn, quê cha đất tổ của các gia-tộc vậy. Vì các gia-tộc đã hợp thành ra một đoàn-thể nhỏ để tương-bảo, tương-trợ, tương-phù-trì mà cùng ở với nhau, thời tất phải có kỷ-cương, khoán-ước, để giàng-buộc lấy nhau, đó tức là dân-chính. Trong chốn hương-thôn lại thường có cái phong-thói lưu-truyền để cùng ăn ở xum-họp với nhau, đó tức là dân-tục.

Dân-chính là những việc gì? là những việc chi-thu, bổ-liễm, cảnh-sát, vệ-sinh, vân vân, đó là những chính-sách tự-trị trong một làng, nên gọi là dân-chính.

Dân-tục là gì ? là những việc ma-tray, cưới-xin, đình-đám, tế-tự, phong-tục tập-quán riêng từng làng một, nên gọi là dân-tục.

Cổ-giả dân-tục mà được nhiều làng có mĩ-tục khả-phong là vì dân-chính có người trông-nom chấn-chỉnh. Nay muốn cho dân-tục được tốt thời trước nhất phải sửa lại dân-chính cho hoàn-toàn. Dân-chính là cái tạo-nhân mà dân-tục là cái kết-quả, hai cái đó xưa nay hay dở vẫn theo nhau vậy.

Nay muốn bàn đến sự cải-lương hương-chính thời trước nhất phải có người, mà xưa nay cầm quyền hương-chính trong làng ấy là ai?

Xét sách Trần-sử, thời năm Thiên-ứng chính-bình thứ mười một (1233), ở các xã có đặt ra chức *đại-tiểu-tư-xã* 大小司社 và *xã-chính* 社正, *sử-giám* 史監, quan từ ngũ-phẩm trở lên, thời làm *đại-tư-xã* 大司社; tự lục-phẩm trở xuống thời làm *tiểu-tư-xã* 小司社, gọi là *xã-quan* 社官, coi việc sổ-sách, đinh-điền, khai-báo việc quan. Đến đời nhà Lê năm Thuận-thiên (1428) cũng có đặt chức *xã-quan*. Xem đó thời biết các hương-chức khi xưa là tôn-trọng, mà có tôn-trọng như thế, thời mới có những người cao-minh kiến-thức, những bậc phẩm-vọng thanh-liêm ra làm để chấn-chỉnh hương-phong. Đến năm Cảnh-thống (1498) đời vua Hiến-tôn nhà Lê mới đặt mỗi xã một người *xã-trưởng* 社長, từ đó chức *xã-quan* mới đổi ra chức *xã-trưởng*. Năm Cảnh-trị (1662) ông Phạm Công-Trứ 范公著 có phụng-mệnh đặt ra bốn mươi giáo-điều, đó tức là cái hương-ước trong hàng xã, xã nào cũng có đặt quan, cứ đến ngày tết nguyên-đán và ngày tế xã-điền thời họp dân lại tuyên-bố các pháp-luật khoán-ước ở trong giáo-điều ấy.

Đó là tự đời Trần, Lê trong các hương-thôn đã có đặt ra các *xã-quan*, hay là *xã-trưởng*, trao cho cái chức-trách tôn-trọng như thế, là để thay mặt các gia-tộc mà chấp-chính trong các hương-thôn, lại có đặt ra giáo-điều để duy-trì lấy phong-tục. Đó là các gia-tộc biết tự đương lấy cái chính-sách tự-trị trong quê-hương mình, mà sửa-sang chấn-chỉnh cho được dân-thuần tục-mĩ.

Chức *lý-trưởng* bây giờ tức cũng như chức *xã-trưởng* ngày xưa, chức-trách chẳng là trọng lắm ru! Song các gia-tộc trong làng bây giờ không mấy người nghĩ đến cái chính-sách tự-trị của dân làng là trọng, nên những người ra làm lý-trưởng hình

như chỉ tranh lấy cái ngôi - thứ ẩm-thực, giành lấy cái quyền-lợi nhỏ-nhen mà thôi ; đối với dân làng thời lý-trưởng là một tay thầu-khoán chỉ tài nghề ăn bớt tinh-ma ; đối với quan nha thời lý-trưởng là anh mối hàng chỉ quen thói dắt mồi hối-lộ ; vả lại cái quyền-hạn của lý-trưởng ở trong làng xưa nay vẫn không có giới - hạn nào, hoặc có làng lý-trưởng là người vũ-đoán thời tha-hồ mà đè-nẹt con em, làm lắm sự lạm-quyền ; hoặc có làng lý-trưởng là người nhu-nhược, thời bị kẻ cường-hào họ kiềm-chế quá mà không có quyền gì, thậm-chí quan trên lại coi lý - trưởng là một hạng người « đầu chầy đít thớt ». Ấy cái chức-trách của lý-trưởng đã không được long-trọng như xưa, mà người làm lý-trưởng cũng không biết tự-trọng. Đến khi mẫn-hạn từ-dịch tức là một bác kỳ-mọt già ở trong dân.

Vả lại trong dân lại lắm kẻ cường-hào, hoặc cậy họ nhiều người mà quyền-hành áp-chế, hoặc kết thành bè-đảng mà kiện-cáo điêu-toa ; lại có kẻ hút-sách bê-tha, chỉ mượn tiếng thân keo hào kiết mà bới quanh ăn quẩn ; nếu mà họp những ông kỳ cụ cựu ấy mà lập thành hội - đồng, thời họ chỉ tạ-thế cường-hào mà thông-đồng tác-tệ. Dẫu có kẻ đàn anh học-thức, song gà đàn hạc độc, xướng-suất vô-quyền, cũng không thể bổ-cứu được đổi phong tệ-tục.

Ấy hương-chức trong các làng xưa nay đã sinh tệ ra như thế, thời hương-chính tài nào mà chấn-chỉnh cho hay được.

Nay muốn bàn đến việc cải-lương thời trước nhất phải phân ra hai mối : 1°) là hương-chính, 2°) là hương-tục, mà cầm quyền hương-chính thời chuyên-ủy cho một hội-đồng, mà hội-đồng ấy thời các gia-tộc trong làng họ nào cũng được cử người tộc-biểu, hễ họ lớn thời cử ra hai ba người, họ nhỏ thời cử ra một người. Gia-tộc nào cũng có người tộc-biểu ra dự chân hội-đồng, thời cái quyền chuyên-chế của kẻ hào-cường mới phân bớt đi, mà cái thói man-trá của kẻ hương-nguyện [1] mới chừa bớt đi, hễ các gia-tộc mà được nhiều người học-thức, giỏi-giang, không bị cái thế hào-cường bè-đảng nó dìm đi, thời hương-chính mới có thể thực-hành được.

Các điều-khoản xin thiển-nghĩ như sau này.

I

Hương-chính

1. — Tộc - biểu

1) *Thể-lệ bầu-cử tộc-biểu.* — Các gia-tộc trong dân cứ kể từng nóc họ, họ nào cũng được cử một người tộc-biểu, chỉ trừ họ nào ít đinh quá chỉ có một hai người mà không có học-thức gì thời thôi ; còn họ nào nhiều đinh từ 30 đinh đến 60 đinh thời được cử hai người, từ 60 đinh đến 120 đinh thời được cử 4 người, nghĩa là cứ ba bốn mươi đinh cử một người. Song họ nào cử hai ba người thời phải tuyển ở từng chi trong họ mà cử ra, thí-dụ như trong họ có chi Giáp chi Ất thời mỗi chi một người, chớ không được cử cả trong một chi hai người.

2) *Làm đơn bầu-cử.* — Trong họ phải chọn người có học-thức, có hạnh-kiểm, xưa nay không có tai-tiếng tham-lam, không có can án-khoản gì, mà phải tự hai-mươi-lăm tuổi trở lên, đồng-tộc làm đơn ký-kết bầu-cử, hoặc họ nào có người khoa-mục, phẩm-hàm, chức-sắc, chánh phó-tổng cựu, chánh phó-lý

(1) Hương-nguyện 鄉愿 là người giả cách đạo-đức cẩn-thận mà kỳ thực là trí-trá.

cựu mãn - lệ từ-dịch, hoặc người có văn-bằng tốt-nghiệp tân-học; tạm-thời các người có văn-bằng tuyển-sinh, hoặc người có bằng sơ-đẳng tốt-nghiệp tiểu-học cũng được dự vào số bàu ấy. Song phải theo đúng như niên-lệ và có đủ tư-cách như đã kể ở trên mà bầu-cử, đồng-tộc thuận cử rồi đem đơn trình đồng-dân công-nhận, lý - trưởng áp-triện hiệp-cử vào đơn bàu ấy đệ-trình quan phủ huyện sở-tại chứng-nhận. Nếu lận-cử thiên-tư không được chính-đáng thời lại phải làm đơn cử người khác.

Đơn bàu-cử ấy, trong họ tráng-đinh từ 18 tuổi trở lên nếu bằng lòng cử ai thời đều được ký vào đơn ấy cả, phải được già nửa phần người họ ký cho mới được, càng nhiều người ký thời càng hay.

Đơn ấy bằng chữ nho, chữ nôm hay chữ quốc-ngữ, làm ra ba bản: một bản lưu-nha, một bản giao về đồng-dân, một bản giao cho người tộc-biểu được bàu ấy chấp-chiếu.

3) *Lận thành hội-đồng tộc-biểu.* — Các gia-tộc đã ký-kết cử ra được là ngoại 10 người, hay 20, 30 người tộc-biểu (tùy làng nhiều họ hay ít họ) gọi là hội-đồng tộc-biểu.

4) *Hội-đồng tộc-biểu đầu-phiếu bảo-cử chánh phó-hương-nghị.* — Trong số hội-đồng tộc-biểu ấy theo cách bàu-cử lý-phó, bỏ phiếu kín mà cử lấy hai viên chánh-hương-nghị và phó-hương-nghị, còn thư-ký, thủ-quĩ, hai viên kiểm-sát và bảy viên nghị-viên là: tài-chính, học-chính, vệ-sinh, cảnh-sát, nông, công, thương, thời do chánh phó-hương-nghị chọn ở trong các tộc-biểu mà tự lận-cử lấy, nếu lận-cử có điều ngăn-trở thời lại dùng cách đầu-phiếu bảo-cử như trên; khi đã bàu hay là lận-cử xong rồi thời các viên ấy hiệp với chánh phó-hương-nghị gọi là *Hội-đồng trị-sự.*

5) *Chấm danh-sách bảo-cử.* — Trước khi hội-đồng đầu-phiếu thời phải làm một bản danh-sách biên tên những người tộc-biểu, khi bàu phải có lý-trưởng và một người kỳ-mục làm thư-ký để chấm sổ danh-sách những người đầu phiếu, hễ ai bàu thời lý-trưởng xem tên thẻ thuế-thân rồi chấm tên sổ bầu.

6) *Chánh-tổng hay phó-tổng giám-bàu.* — Khi bàu phải đính ngày mời chánh hay phó-tổng (người làng khác) đến làm giám-bàu, nhất là có quan phủ huyện sở-tại đến chứng-kiến thời càng hay, hễ ai bỏ phiếu thời giao tay cho ông giám-bàu bỏ ngay vào hộp phiếu. Khi bỏ xong phiếu thời ông giám-bàu mở hộp kiểm phiếu, ai được một phần phiếu là đủ số bàu. Hễ ai hơn phiếu nhất thời là Chánh-hương-nghị, kém thời là phó-hương-nghị. Nếu bằng nhau thời kể tuổi hơn kém mà phân-định.

Khi bảo-cử xong thời ông giám-bàu (chánh hay phó-tổng) lập tờ biên-bản (hai bản bằng chữ nôm và 2 bản bằng quốc-ngữ) rồi áp triện chứng-nhận và cả lý-trưởng thư-ký cũng ký tên chứng-nhận và các tộc-biểu đều ký vào biên-bản ấy, rồi trình quan phủ huyện sở - tại một bản chữ nôm, một bản quốc-ngữ lưu-nha, còn hai bản giao về hội-đồng dân.

Việc giám-bàu đã ủy - giao cho chánh phó-tổng coi xét, thời phải làm cho công-bình, cho cả đồng - dân thỏa-thuận, nếu có ý thiên-tư, hoặc nghe kẻ bằng-đảng tư-bàn, sau này có giác-xuất sự những - lạm gì đến quan, thời cứ chiếu lệ bảo-cử phi-nhân ra, chạnh phó-tổng cũng phải can-cứu.

7) *Danh-dự tiên-chỉ.* — Còn như trong làng có viên chức - sắc nào đương tại-chức, hoặc đương tùng-sự

các công-tòa, công-nha hoặc buôn-bán tại các tỉnh có phẩm-hàm cao hơn nhất có lòng lưu-tâm đến việc công-ích cho dân thời đồng-dân suy-tôn làm danh-dự tiên-chỉ.

8) *Quyền - chức của ông danh-dự tiên-chỉ.* — Ông danh-dự tiên-chỉ tuy không giữ một trách-nhiệm riêng gì về việc công-dân, song những công-việc lớn-lao, quan-trọng như là bảo-cử hội-đồng, tu-lý đình chùa, bổ thuế, vào đám, lập tràng học, cùng các việc công-ích, vân vân . . .; việc nào phải chi-phí đến nhiều tiền, đều phải trình ông danh-dự tiên-chỉ thẩm-định mới được thi-hành ; hoặc là khi nào có đại-hội-đồng thời ông ấy được làm tọa-chủ để quyết-định các công-việc.

9) *Trách-nhiệm ông chánh phó-hương - nghị.* — Chức chánh phó-hương-nghị phải chọn người công-liêm, học-thức đứng đầu giấy ký-kết việc quan, thời phải quản-cố cả sổ-sách, tiền-bạc, chi thu trong dân và cung-ứng việc quan cùng các việc công-dân quan-trọng đều phải trông-nom đến cả,

10) *Trách - nhiệm thư-ký.* — Thư-ký phải chọn người thông-hiểu chữ nho và chữ quốc-ngữ, chuyên giữ sổ xuyến-không (măng-đa răng cưa), Hội-đồng có quyết-nghị chi về việc gì, thời thư-ký phải khai vào giấy xuyên-không ấy viết cả hai nửa cho rõ rồi lấy chữ ký ông chánh-hương-nghị ; nếu ông chánh-hương-nghị vắng thời phải có chữ ông phó-hương-nghị ký thay, thư-ký cũng ký vào giấy ấy rồi giao một nửa giấy cho người cán - sự ký tên vào đấy, do thủ-quĩ lấy tiền. Thủ-quĩ nhận lấy giấy ấy giao tiền thời phải vào ngay sổ chi-xuất.

Những khi hội-đồng bàn định về nhưng việc gì thời thư-ký phải làm tờ biên-bản lấy chữ các viên hội-đồng có mặt ký vào, để lưu-chiểu và để trình ông danh-dự tiên-chỉ.

Thư-ký lại phải làm hai quyển : một quyển để biên chép những tờ biên-bản trong các kỳ hội-đồng ; một quyển để biên chép những chỉ-dụ, nghị-định và công-văn của quan trên lục-sức về. Chỉ trừ những tờ tạp-sức việc vặt thời chỉ ghi qua ngày tháng là đã làm xong việc ấy rồi.

11) *Trách-nhiệm thủ-quĩ.* — Thủ-quĩ phải chọn người vật-lực, cẩn-thận, thức-tự, chuyên-giữ tiền công-quĩ và thóc nghĩa-xương, phải làm ra ba quyển biên-lai : một quyển biên tiền, hai quyển biên thóc, hễ khi nào nhận tiền, thóc về khoản gì của ai thời biên vào quyển biên-lai ấy cả hai nửa rồi xé ra một nửa đưa cho người giao tiền hay giao thóc làm bằng, còn một nửa lưu-chiểu mà vào sổ thu.

Ai nộp tiền hay thóc về khoản gì thời phải lấy chữ biên-lai của thủ-quĩ, nếu không thời món tiền ấy kể như chưa nộp.

Lại có ba bản số, 1 bản chi thu về công-quĩ, hai bản chi thu về nghĩa-xương. Hễ khi nào chi ra thời vào sổ chi, thu vào thời vào sổ thu. Cuối tháng phải cộng lại xem còn tiền thóc là bao nhiêu, đem trình hội-đồng sát thực cho đủ.

Hôm hội-đồng đầu tháng, thủ-quĩ phải đem sổ-sách trình hội-đồng kiểm-sát. Xét đúng thời hội-đồng ký chữ đã xét đúng. Nếu làm sai lầm mà thiếu-thốn mất đi thời thủ-quĩ phải đền. Nếu tự tiêu thất đi mất nhiều, thời thủ-quĩ phải đền mà lại phải can-cứu truất ngôi, không được dự hội-đồng, nhược bằng để tri-hoãn mãi không đền thời phải trình quan tịch-ký lấy nhà cửa ruộng-nương cho đủ số tiền công, lại phải xóa sổ ngôi vị-thứ trong làng không được dự gì vào việc dân cả.

12) *Trách-nhiệm kiểm-sát* — Kiểm-sát thời chọn lấy hai người cần-cán, minh-mẫn, thức-tự, chuyên xét việc sổ sách tiền thóc chi thu và các việc công-cán về phần các chức-dịch làm, hễ người nào làm xằng hay là trễ-nải thời kiểm-sát đều có quyền củ-soát cả. Cứ một tháng hay là hai tháng bất-kỳ lúc nào hội-đồng sẽ cử hai viên kiểm-sát về việc tiền, thóc, sổ-sách, công-quĩ.

13) *Trách-nhiệm tài-chính nghị-viên.* — Tài-chính nghị-viên thời ủy người biết kế-toán, cẩn-thận, phàm các việc quan-hệ đến tiền, thóc, sưu thuế, bổ liễm, chi thu, sổ sách, thời chức tài-chính nghị-viên này giúp việc với lý-trưởng mà trông nom tính-toán, biên chép cho phân-minh. Hoặc có việc gì cần đến tiền thóc thời viên này cũng được điều-trần ý-kiến mà trù-liệu.

14) *Học-chính nghị-viên.* — Học-chính nghị-viên thời ủy người học-thức, xem xét về việc phổ-thông giáo-dục, phàm những việc lập trường học, mua sách vở, cùng các khoản chi-phi sắm sửa về việc học, đều do viên này trông-nom quản-cố.

15) *Vệ-sinh nghị-viên.* — Phàm các việc thuộc về vệ-sinh chung trong làng, hay thuộc về vệ-sinh riêng từng nhà, đều do viên này xem xét, hiệp với phó-lý mà bảo-ban dọn-dẹp cho được sạch-sẽ, lại còn việc y-tế như cách phát thuốc, phòng bệnh, việc lập nhà thương, vân vân, đều do viên này trông-nom.

16) *Cảnh sát nghị-viên.* — Phàm các việc thuộc về cảnh-sát như là cầm-phòng, đốc-bát phu-phiên, đều do viên này hiệp với phó-lý mà quản-đốc.

17) *Nông nghị-viên.* — Viên này coi việc nông-chính như là : chấp thủy, phóng thủy, đắp bờ vệ-nông, cùng các việc khai-hoang, khẩn-thổ, vân vân.

18) *Công nghị-viên.* — Viên này coi về công-chính như là : sửa-sang cầu cống cùng các việc kiến-chúc, các việc công-nghệ, hoặc nên sửa-sang, khai-thác đều do viên này trù-liệu.

19) *Thương nghị-viên.* — Chuyên coi về việc thương - nghiệp trong dân, hoặc nên mở bến, mở chợ, hoặc nên lập các xưởng kỹ-nghệ như là xưởng dệt vải vóc tơ lụa, xưởng đan mây, đan chiếu, để cho con-em có công việc làm ăn v. v.

Các chức nghị-viên trên này hễ có ý-kiến gì hay giúp về việc công-ích thời đều có phép điều-trần cho hội-đồng biết. Song làng nào nếu có độ chín mười người tộc-biểu hay là ít người đủ tư - cách làm được xứng-đáng, thời các chức nghị-viên trên này hãy tạm cho một người kiêm cả hai ba chức cũng được.

20) *Tiền cấp cho thư-ký, thủ-quĩ.* — Các viên - chức trị - sự trong tòa hội-đồng trên này ra giúp việc công-dân, đó là cái nghĩa-vụ của mình đối với chốn quê - hương, ai cũng phải lần lượt theo lệ làng ra đảm-đang lấy chức-trách, chớ không mong gì tư-lợi. Song thủ-quĩ, thư-ký là hai viên quan-trọng và bận nhiều công-việc, dẫn nên lấy tiền công-quĩ cấp cho hai viên ấy đồng-niên là mười hai đồng (12 $ 00).

21) *Niên-hạn.* — Các viên hội-đồng trị-sự trên này phải giữ chức-trách trong ba năm, hết hạn lại bầu lại một lần. Nếu chưa hết ba năm mà có người xin từ hay vì cớ gì mà khuyết, thời khuyết về họ nào do các tộc-biểu họ ấy cử người xứng-đáng khác thay vào.

Trong những viên hội-đồng trị-sự ấy nếu trong khi làm việc mà ai không làm hết chức-trách, phải hội - đồng giác-xuất, đàn-hạch là có lỗi, thời phải truất ra ngay, chớ không đợi hết ba

năm. Còn ai làm việc hết hạn ba năm mà được hoàn-hảo cả, muốn tái lưu-nhiệm cũng phải có các tộc-biểu tái-cử cho đủ phiếu mới được.

22) *Đại Hội-đồng.* — Mỗi năm cứ trong thượng-tuần tháng giêng ta họp đại-hội-đồng một lần, trước ba ngày phải thông-báo cho các tộc-biểu và cả đồng-dân thượng hạ tề-hội tại đình, để tuyên-độc khoán-ước và tuyên bá các số chi-thu năm trước còn lại bao nhiêu và thi-hành các việc năm sau.

Còn như công-dân có việc gì quan-trọng phải họp đại-hội-đồng thời do chánh phó-hương-nghị trình với ông danh-dự tiên-chỉ mà định ngày hội-đồng và thông-báo cho đồng-dân biết trước ba ngày để mà họp-tập.

23) *Hội-đồng thường kỳ.* — Trừ ra khi nào có việc cần, thời chánh phó-hương-nghị mới báo-cáo mở kỳ hội-đồng bất-thường, còn cứ mỗi tháng họp thường-hội-đồng hai kỳ: ngày mồng một và ngày rằm, các trị-sự-viên đều ra họp tại đình, kỳ nào họp cũng có lý-trưởng hay phó-lý dự vào; người nào đã dự chân hội-đồng thời lúc hội-đồng không được khiếm-diện người nào cả, chỉ trừ người nào trở-sự hay có bệnh thời phải có tờ cáo trước. Nếu không cáo mà tự khuyết-tịch đến ba lần thời truất hẳn ra.

24) *Hội-đồng qui-chế.* — Khi hội-đồng thời dọn bầy một bên đình kê một cái bàn dài với độ mươi lăm cái ghế là vị-thứ các viên trị-sự hội-đồng ngồi bàn việc. Trên nhất là chánh phó-hương-nghị, rồi đến thư-ký, thủ-quĩ và các nghị-viên, vân vân; còn các chức-sắc nghị-viên, kỳ-mục cũ có ra nghe bàn thời cứ chiếu vị thứ mà ngồi riêng ra. Ai có điều gì công-ích thời cũng có phép điều-trần, hoặc làm đơn trình hay là nói trần-thuyết, phải cho có lễ-phép minh-bạch; nói phải lẽ thời hội-đồng nghe, nói không phải lẽ thời hội-đồng bỏ đi. Cấm không được vô-lễ nói hỗn, nói càn, hay là ngồi quá vị-thứ thời lập-tức bị trục-xuất ra ngoài sở hội-đồng.

Khi hội-đồng có định công-chi việc gì chỉ có quyền chi công-quĩ độ ba mươi đồng bạc 30 $ 00 trở xuống, nếu quá số ấy thời phải trình ông danh-dự tiên-chỉ cho phép hay trình quan sở-tại cho chữ mới được chi. Những kỳ hội-đồng bàn việc hễ quá nửa số các viên trị-sự cùng hợp-ý thời đem thi-hành. Nếu không được đồng-ý thời dùng cách bỏ phiếu kín, sòng một phiếu của ông chánh-hương-nghị thời kể làm hai, hễ phần nào được nhiều phiếu là hơn.

Khi hội-đồng chỉ dùng giầu nước chi độ 5 hào hay 3 hào trở xuống, chớ không được bày ra thuốc phiện rượu chè ăn uống gì cả.

Kỳ đại-hội-đồng thời cả dân-đinh thượng-hạ đều được đến dự nghe cả. Song phải ngồi riêng ra gian bên kia cho tĩnh-túc.

Hội-đồng thời chỉ bàn định những việc cung-ứng công-vụ như là: việc đê-điều, sưu-thuế, tạp-dịch, và việc công-ích trong dân như là việc: chấn-chỉnh phong-tục, vệ-sinh, cảnh-sát, vân vân, cấm không được nói đến việc chính-trị và tôn-giáo.

25) *Đầu-thư-quĩ.* — Ngoài trước cửa tòa hội-đồng nên đặt một cái hòm thơ gọi là đầu-thư-quĩ để nhân-dân trong làng ai có ý-kiến công-ích gì hay thời được phép bỏ thư vào đấy, thư phải ký tên. Trong thư phải cứ theo lẽ công-bình mà điều-trần về việc công-ích, cấm không được chỉ-trích việc riêng hay là nói phạm đến danh-giá riêng của một người nào, nếu bắt được thư ấy hội-đồng xét ra đích-sác là thư của người nào bỏ, thời sẽ trình quan chiếu-luật nặc-danh đầu-thư mà trị tội.

Chìa khóa hòm thư này giao cho thư-ký giữ đến kỳ hội-đồng thời mở ra lấy thư, hội-đồng sẽ xét trong thư có ý-kiến gì hay thời lưu vào biên-bản, không thời thôi. Những lời trên này phải niêm-yết ra trên mặt hòm thơ.

26) *Kỳ bảo-cử hội-đồng trị-sự.* — Sau này cứ ba năm một lần lận-cử hay bảo-cử một hội-đồng khác để thay, song phải trước một tháng khi hội-đồng trị-sự cũ sắp hết hạn, chừng vào khoảng tháng một ta thời hội bầu theo như thể-lệ đã nói ở trên.

27) *Xưng-hiệu.* — Trong ban trị-sự hội-đồng hễ ai làm việc hết hạn ba năm mà không có tai-tiếng nhũng-lạm gì, đến khi cáo về có dự đến hương-sự, ký-kết vào đơn-từ khoản gì, vẫn được xưng là « Cựu-chánh hay phó-hương-nghị » hay là « Cựu thư-ký, cựu thủ-quĩ », vân vân. Còn như làm việc trì-trệ, hoặc có tiếng nhũng-lạm phải quan cách-bãi, thời sau ký tên không được xưng là « Cựu-hương-nghị » hay là « Cựu-thư-ký, thủ-quĩ » gì cả. Hoặc người nào can-phạm trọng-khoản quá thời phải truất xuống tráng-hạng.

28) *Tưởng-khuyến.* — Trong ban hội-đồng trị-sự hễ ai làm việc hết hạn mà không có tai tiếng, dân-tình tín-phục, hoặc làm được việc gì đặc-biệt công-ích cho dân, như là : khai ngòi, đắp cừ, dẫn-thủy nhập-điền, mở chợ lập bến, để cho ích-lợi về sau, hay là lập nhà thương, mở nhà học, lập nghĩa-xương để phòng cơ-hoang, cùng là trù-tính chi-tiêu kiệm-ước để dư được nhiều tiền công-quĩ, vân vân, làm được những việc trên này mà có công-hiệu trác-dị thời đồng-dân sẽ trình quan tưởng-thưởng.

29) *Làm sổ chi-thu.* — Đệ-niên cứ thượng-tuần tháng 11, hội-đồng trị-sự hội-họp dự tính các khoản tiền công năm sau, thu vào ước được bao nhiêu, chi ra ước độ bao nhiêu, số chi không được quá số thu, viết ra hai bản dự-toán (quốc-ngữ và chữ nho), năm sau hội-đồng trị-sự cứ theo thế mà tuân-biện.

Lại làm các sổ như sau này :

1° Làm ra bốn quyển sổ : 1 quyển nhật-ký chi-thu tiền ; 3 quyển biên thóc (1 quyển thu, 1 quyển phát, 1 quyển lĩnh-hải) giao cho thủ-quĩ để thu vào phát ra.

Sổ chi-thu nhật-ký này cứ tháng nào cộng đi tháng ấy, rồi nhặt ra từng khoản một, khoản nào cộng về khoản ấy, rồi lấy số cộng từng khoản[1] một, lại biên vào sổ tổng-kết hàng tháng để cho tiện khi hội-đồng thường-kỳ ông chánh phó-hương-nghị hay kiểm-sát có soát đến thời biết ngay sổ chi-thu xuất nhập tiền và thóc trong hàng tháng là bao nhiêu cho rành-mạch. Rồi cứ sáu tháng lại xét tính một lần, nghĩa là từ tháng giêng cho đến tháng sáu là xét tính lần thứ nhất, từ tháng bảy đến tháng chạp là xét tính lần thứ hai. Hai lần này phải có chữ chánh phó-hương-nghị và kiểm-sát ký thị-thực.

Nếu ai giác-xuất có sự hà-lạm gì, thời sau khi xét tính ba tháng còn có phép trình-khiếu, nghĩa là lần thứ nhất kể từ tháng bảy đến tháng chín, lần thứ hai kể từ tháng giêng đến tháng ba ; còn ngoại ba tháng trở đi, nếu vì hiệp hiềm bới-móc thưa-kiện thời hội-đồng trị-sự không xét nữa.

2° Làm hai quyển biên-lai cũng giao cho thủ-quĩ để khi nhận tiền hay thóc thời biên-lai cho người ta.

3° Làm một quyển sổ xuyên-không (măng-đa răng cưa,) giao cho thư-ký giữ, khi chi-phí về việc gì thời thư-ký làm măng-đa, có chữ chánh hay

(1) Xem mẫu sổ sau này sẽ tường.

phó-hương-nghị ký tên thời thủ-quĩ mới được phát tiền.

Phàm những sổ sách phải giữ cho cẩn-thận, biên chép cho phân-minh, không được xóa chữa lèm-nhèm, nếu không theo như thể-thức thời người giữ chức-trách phải can khiển-trách.

Những sổ-sách, biên-lai, măng-đa, trên này đều phải đóng số trang là bao nhiêu tờ cho phân-minh và phải có chữ lý-trưởng ký và áp-triện nhận-thực.

Đến kỳ tất-niên, hội-đồng trục-tính cả năm chi thu là bao nhiêu, công-quĩ hiện còn bao nhiêu phải chiếu ở sổ tổng-kết hàng tháng mà khai ra hai bản «đồng-niên chi-thu tổng-kết-sách» đem trình quan và trình cả sổ tổng-kết; sổ lại lĩnh về hội-đồng lưu-chiểu, còn hai bản tổng-kết-sách : 1 bản lưu-nha, 1 bản giao cho lý-trưởng sao ra, yết cho đồng-dân chu-tri.

Các sổ sách đính theo kiểu mẫu sau này:

1º Sổ chi-thu nhật-ký.
2º Sổ tổng-kết hàng tháng.
3º Giấy biên-lai tiền.
4º Giấy măng-đa.
5º Giấy nộp tiền sương-túc.
6º Giấy thu thóc nghĩa-xương.
7º Sổ thu thóc nghĩa-xương.
8º Sổ phát thóc nghĩa-xương.
9º Sổ lĩnh-thải nghĩa-xương.

I

Sổ Chi-thu nhật-ký

Năm 192..... **Khải-Định năm thứ.....**

Lời dặn làm sổ chi thu

Bên thu

Số (1) Biên ngày thu tiền.

« (2) Biên rõ giấy biên-lai là số thứ mấy.

« (3) Biên rõ là khoản thứ mấy. Thí dụ : trong một ngày thu tiền lan-nhai thời khoản lan-nhai ở số bảy (xem sổ tổng-kết hàng tháng thời biết) thời biên số 7, thu tiền kỳ-táng thời khoản kỳ-táng ở số mười, thời biên số 10; thu tiền cấp lương thày giáo thời khoản tiền lương thày giáo ở số hai thời biên số 2, v. v. Hễ thu khoản nào thời biên khoản ấy, không thời thôi. Đến hết tháng thời trích ra từng khoản mà tính cộng thử ra ngoài cho đúng rồi mới biên vào sổ tổng-kết hàng tháng từng khoản một cho rành-mạch.

số (4) Biên tên người nộp.

« (5) Biên khoản tiền thu ấy về việc gì, ví dụ như việc lan-nhai, việc kỳ-táng, vân vân.

số (6) Biên số tiền việc thu là bao nhiêu.

Bên chi

Bên chi cũng phải làm như bên thu

(Đây là mẫu ngoài bìa, những lời dặn trên này cứ chiếu như những chữ số đánh dấu ở trang sổ bên sau này thời hiểu.)

Mẫu bìa sổ

Làng.....

Tổng.....

Huyện hay Phủ.....

Tỉnh.....

Nhận thực sổ chi thu này .....

.....trang

Ngày....tháng.....năm.....

Lý trưởng ký áp triện.

Năm.....Tháng.....

Tiền thu

Ngày	Số giấy biên-lai	Số khoản	Tên người nộp	Thu về việc gì	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Tiền tiêu

Ngày	Số giấy mang-da	Số khoản	Tên người lĩnh	Tiêu về việc gì	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Sổ tổng-kết hàng tháng

Làng.....tổng..... ....huyện.....tỉnh.... .....

Năm..... tháng.....

Sổ thu **Sổ chi**

Số khoản	Khoản tiền thu	Số tiền	Số khoản	Khoản tiền chi	Số tiền
	Tiền tháng trước còn lại.....		1	Tiền nộp các thứ thuế của nhà-nước.....	
1	Tiền thu thuế đinh điền, tiền ngoại phụ, tiền thục công-sưu, tiền nộp thay thuế đò chợ..		2	Tiền chi lương thầy giáo...	
			3	Tiền chi lương trạm-tráng.....	
2	Tiền thu để cấp lương thầy giáo.....		4	Tiền cấp cho lính khố-đỏ, khố-xanh, lính-cơ...	
3	Tiền thu để cấp cho trạm-tráng.....		5	Tiền cấp cho lý, phó-trưởng, thư-ký và thủ-quĩ.	
4	Tiền cho thuê hồ ao và ruộng đất công-dân...		6	Tiền phí-tổn cấp cho kỳ lý đi việc quan.....	
5	Tiền cho thuê ruộng đất thần-từ phật-tự giỗ hậu.		7	Tiền mua bút giấy, giấy in và sổ biên-lai....	
6	Tiền thu để vào đám và tế lễ chung trong dân..		8	Tiền tiêu vào đám và tế lễ chung.....	
7	Tiền lan-nhai.....		9	Tiền sửa-sang đường-sá và các sở công... ...	
8	Tiền thu để cấp cho lý-trưởng, thủ-quĩ và thư-ký		10	Tiền sửa-sang đình chùa.....	
9	Tiền bán vị-thứ và nộp các lệ ăn uống.....		11	Tiền cấp cho tuần-tráng.....	
10	Tiền kỳ-làng.....		12	Tiền chi bất-thường.....	
11	Tiền thu thóc sương.....				
12	Tiền thu bất-thường.....			Tổng-cộng số chi.....	
	Tổng cộng số thu.....			Thị thực	
	Trừ số chi.....			Ngày.....tháng.....năm.....	
	Tiền còn lại.....			*Chánh Hương-nghị ký* *Phó Hương-nghị ký*	
	Thủ-quĩ ký			*Kiểm-sát ký*	

Sổ này mỗi tháng 1 tờ, 12 tháng 12 tờ, mỗi tờ có 12 khoản. Đến hết tháng phải trích từng khoản ở sổ nhật-ký khoản nào riêng ra khoản ấy, đem số cộng khoản ấy mà biên vào từng khoản trên này.

Mẫu giấy biên-lai tiền

.... xã.... Số giấy biên-lai.....

Biên-lai tiền :

Nhận của tên (1).....

nộp về khoản (2).....

một món tiền là (3).....

.....

Năm Khải-Định thứ.. ngày.. tháng..

Thủ-quĩ ký.

Phần bên này đóng liền vào sổ, phần bên kia xé ra giao cho người nộp làm giấy biên-lai nhận tiền.

..... xã..... Số giấy biên-lai.....

Biên-lai tiền :

Nhận của tên (1).....

nộp về khoản (2).....

một món tiền là (3).....

.....

Năm Khải-Định thứ.... ngày.... tháng..,

Thủ-quĩ ký.

(1) Tên người nộp
(2) biên rõ là tiền khoản gì
(3) số tiền nộp phải viết rõ bằng chữ quốc-ngữ hay chữ nôm, chớ đừng viết chữ số không.

Mẫu giấy xuyên-không (măng-đa)

.....xã.....Số giấy.....

Măng-đa :

Khai chi-tiêu về việc.....

giao tên.....

nhận.....đồng.....

.....

Năm Khải-Định thứ.. ngày.. tháng..

Thư-ký ký.

Chánh hay phó-hương-nghị ký,

Người nhận tiền ký,

..... xã..... Số giấy.....

Măng-đa :

Khai chi-tiêu về việc.....

giao tên.....nhận.....

đồng.....

.....

Năm Khải-Định thứ.... ngày.... tháng..

Thư-ký ký.

Chánh hay phó-hương-nghị ký.

Người nhận tiền ký,

Mẫu giấy nộp tiền sương-túc

.....xã.....Số giấy.....

Giấy nộp tiền sương-túc

Tên (1).....

trình (2).....(3) mẫu.....(4) sào

ở xứ đồng (5).....nộp

tiền sương (6).....

Năm Khải-Định thứ...ngày...tháng...

Phó-lý ký,

Bên này giữ lại, bên kia giao cho người nộp.

.....xã.....Số giấy.....

Giấy nộp tiền sương-túc

Tên (1).....

trình (2).....(3) mẫu,.....(4) sào

ở xứ đồng (5).....nộp

tiền sương (6).....

Năm Khải-Định thứ.....ngày....tháng....

Phó-lý ký,

(1) Tên người trình.
(2) Gặt lúa hay giữ hoa-mầu.
(3) Mấy mẫu.
(4) Mấy sào.
(5) Biên rõ tên xứ đồng.
(6) Biên rõ là bao nhiêu tiền.

Mẫu giấy thu thóc nghĩa-sương

.....xã.....Số giấy.....

Giấy thu thóc nghĩa-sương

Nhận của tên (1).....

nộp thóc (2).....phương (3)

.....đấu.....

Năm Khải-Định thứ...ngày,..tháng....

Sương chính ký

Thủ-quĩ ký

Bên này giữ lại, bên kia giao cho người nộp.

.....xã.....Số giấy.....

Giấy thu thóc nghĩa-sương

Nhận của tên (1).....

nộp thóc (2).....phương (3)

.....đấu.....

Năm Khải-Định thứ....ngày....tháng....

Sương-chính ký

Thủ-quĩ ký

(1) Tên người nộp,
(2) Mấy phương,
(3) Mấy đấu.

30) *Bàu-cử lý phó.* — Bàu-cử lý-trưởng, phó-lý theo như lệ nhà-nước đã định, song khi có giấy quan sức khuyết, thời hội-đồng trị-sự phải thông-báo đồng-dân, ai muốn ra làm thời phải trình hội-đồng biết, xem có đủ tư-cách như lệ nhà-nước, thời hội-đồng trị-sự họp cả kỳ-mục lại tả đơn ký-kết cho những người ra ứng-bàu. Hoặc hai người ra ứng-bàu, hoặc ba người ra ứng-bàu, hội-đồng cũng tả đơn cho cả ; song ai ra ứng-bàu lý-trưởng thời bỏ vào công-quĩ 10 đồng bạc, phó-lý 5 đồng bạc.

Khi tả đơn xong thời cả ba người hay hai người ấy đều vào làm lễ thần, rồi dùng cách rút thăm, xem ai trúng thời hội-đồng giao cái đơn ký-kết ấy cho để trình quan, đến hôm quan về giám-bàu thời cả đồng-dân cứ theo khóan-ước bỏ phiếu cho một người ấy, chớ không được kết đảng tranh nhau.

31) *Thí-dụ cách tả đơn.* — « *Làng ..... nhân vì khuyết lý-trưởng (phó-lý), nay có tên ..... tình-nguyện ra ứng-bàu lý-trưởng (phó-lý), xin bỏ vào công-quĩ 10 đồng bạc (5 đồng bạc). Song xin theo lệ đồng-dân tại trước thần-linh rút thăm, hễ rút trúng thời dân giao đơn bàu ấy cho ra ứng-cử mà dân đầu-phiếu cho. Nếu không rút thăm trúng thời cũng không được rút số tiền ấy ra nữa, chớ không dám nhạo-sự tranh nhau, vân vân. Ngày..... tháng ..... năm..... tên mỗ ký và kỳ-dịch ký.....* »

32) *Thí-dụ cách rút thăm.* — Ví như có ba người ra ứng-bàu thời viết tên ba người ấy mỗi tên vào một miếng giấy trắng nhỏ viên bỏ vào cái lọ bên hữu, bên kia cũng viên ba miếng giấy, hai miếng để trắng, một miếng có đề hai chữ « lý-trưởng » (phó-lý) bỏ vào cái lọ bên tả, rồi cho hai đứa bé gắp ra : bên hữu gắp tên, thời bên tả gắp giấy. Nếu bên hữu gắp ra tên *giáp* mà bên tả gắp ra hai chữ *lý-trưởng* (phó-lý) thời tức là tên *giáp* được, dân cứ đầu-phiếu bàu cho tên *giáp*.

Cách rút thăm trên này là chỉ rút để phòng làng nào hay có thói tranh nhau ra ứng-bàu thời mới dùng đến, cho khỏi bè đảng tranh nhau, đỡ hại tiền về sự hối-lộ ; đến khi ra gánh-vác việc dân mới bởi sự hà-lạm mà làm hết chức-trách. Còn làng nào không có thói tranh nhau thời không cần phải dùng cách rút thăm ấy, cứ theo lệ mà bàu-cử.

Bàu-cử xong rồi, thời từ ngày bàu-cử cho đến ngày lĩnh bằng, ngày nào kỳ-mục phải đi lại khai-báo, phí-tổn bao nhiêu thời người ra làm phải chịu, nhưng mỗi ngày mỗi người chỉ được chi số ba hào trở xuống mà thôi.

Người nào thành-danh lĩnh bằng về thời phải trình hội-đồng trị-sự, hội-đồng sẽ lấy tiền công-quĩ mừng cho lý-trưởng năm đồng bạc (5$00), phó-lý hai đồng (2$00).

33) *Trách-nhiệm lý-trưởng.* — Phàm các việc binh-lương, đinh-điền, cấm-phòng, đê điều và các tạp-phái việc quan đều là phận-sự lý-trưởng cả. Trong làng có việc gì nên làm, hội-đồng ủy cho lý-trưởng làm cũng không được từ-nan. Lý-trưởng làm mãn-lệ ba năm hay quá hạn từ-dịch không có can khoản gì, thời được ngôi kỳ-mục, nếu phải cách bãi hay can-án gì thời không được.

34) *Tiền cấp cho lý-trưởng.* — Đồng-niên cấp cho lý-trưởng xã lớn độ năm mươi đồng (50 p.), xã nhỏ độ ba mươi đồng (30 p.). Dân nào lý-trưởng đã có bút-điền rồi thời thôi cấp.

35) *Bổ-thuế.* — Đệ-niên đến kỳ sưu thuế, lý-trưởng lĩnh được măng-đa, bài-chỉ về, thời tường-trình hội-đồng trị-sự, và họp điền-hộ dân-đinh tại đình

hội bồ. Cứ chiều số bạc trong chỉ-bài bồ về đinh-sưu, điền-thổ thị-độ thuế là bao nhiêu và các khoản tạp-tiêu, khoản nào nên bồ về đinh, khoản nào nên bồ về điền, cùng khoản phụ-cấp cho lý-trưởng chi-phí đi việc quan là bao nhiêu, tổng-cộng làm ra hai bản bài-bồ, ký-kết trình quan sở-tại, một bản lưu-nha, một bản lý-trưởng đem về sao ra, niêm-yết trước bảy ngày tại công-điếm cho đồng-dân biết là quyết-định ngày nào thu, hễ ai đến nộp thời lý-trưởng đã có giấy biên-lai (răng cưa) phải biên-lai lại cho đúng.

Nếu người nào quá hạn không nộp thời lý-trưởng khai tên ra, trình hội-đồng bắt nộp cho đủ, nếu để chậm ngày nào thời mỗi đồng bạc mỗi ngày phải chịu lãi ba su. Người nào không chịu thời trình quan mà cắm lấy nhà, đất, ruộng-nương, và xin quan bắt phạt.

Trong khi thu thuế, bất-hạnh người nào chết đi, thân-thích không ai bồi được, sẽ lấy tiền công-quĩ bồi cho.

Lúc bồ thuế chỉ dùng giầu nước mà thôi, không được bầy ra rượu chè gì cả.

Lý-trưởng thu thuế, nếu còn thiếu thời phải tha-thải hay vay công-quĩ nộp cho kịp hạn ; nếu hành-thu bất-lực thời lý-trưởng phải bồi.

36) *Tiền lộ-phí.* — Khi nào có việc công-dân mà lý-trưởng và kỳ-mục phải lên huyện hay lên tỉnh, ước chừng ngoại năm ki-lo-mét thời mỗi người mỗi ngày mới chi độ ba hào (0 p. 30), còn tiền xe-hỏa tính ngoài. Nhưng hội-đồng phải chiếu ngày đi việc quan mà chi, chậm lắm là chỉ trong ba ngày mà thôi, chớ không được quá nhiều ; còn người nào có việc riêng mà phải nại đến kỳ-lý đi, thời phải chịu phí-tổn.

37) *Trách-nhiệm phó-lý.* — Phó-lý cũng theo như lệ đầu-phiếu bảo-cử, mãn-lệ ba năm hay quá hạn từ-dịch không có can khoản gì thời được gọi là kỳ-mục.

Phó-lý phải tùy-tòng với lý-trưởng, cũng là một viên cảnh-sát, phải giúp về việc cầm-phòng, đê-điều, cầu cống và các việc vặt.

38) *Trách-nhiệm cảnh-sát.* — Tùy làng lớn nhỏ đặt ra 12 hay 15 người tuần-phiên, và kén lấy quản-tuần 1 người, trương-tuần 2 người, để trông-nom việc tuần-phòng trong 1 năm.

Trai dân tự 18 tuổi trở lên đều phải lần lượt ra tuần cả, chỉ trừ người nào hiện đương tùng-học tại công-trường, hay người nào đã có văn-bằng tân-học và các hạng chức-sắc, chánh phó-tổng, chánh phó-lý cựu [1] mà thôi.

Kén trong trai dân, người nào cường-tráng, cần-mẫn, thời bầu làm trương-tuần, hay quản-tuần một năm mãn-lệ.

Quản-tuần, trương-tuần thời đốc-suất trai tuần, chia làm hai bọn canh-phòng : nội hương-ấp, ngoại đồng-điền, cho được yên-ổn và theo với lý-trưởng phó-lý mà kiểm-sát những việc phi-pháp, như là cờ bạc, rượu lậu, thuốc phiện lậu, trông-nom những việc vệ-sinh chung như là : đường-sá, cầu cống phải cho sạch-sẽ, vân vân, hoặc khi nào trong làng có phát-hỏa thời phải động-hiệu đến ứng-cứu.

39) *Thay tuần.* — Đệ-niên cứ đến trung-tuần tháng chạp là sắp hết lượt tuần, thời hội-đồng trị-sự hiệp cùng lý-trưởng chọn lấy đinh-tráng trong dân mà đổi lượt tuần và bàu quản trương-tuần lượt khác để thay.

40) *Nộp tiền tuần.* — Còn trai dân người nào yếu-đuối hay đi buôn bán

(1) Làng nào ít đinh cắt tuần lượt, thời vẫn có tục cả chánh phó-lý cựu cũng phải ra làm quản-tuần.

nơi xa không ra tuần được thời phải nộp mười đồng, bạc vào công-quĩ để thay vào lệ hành-tuần.

41) *Thu tiền sương-túc.* — Đệ-niên đến đầu tháng tám, hội-đồng trị-sự chiếu số ruộng làm một quyển phái biên-lai (răng cưa), mỗi tập ước độ một trăm hay hai trăm tờ có đóng số cả, giao cho phó-lý thu tiền sương-túc. Người làng ai cấy bao nhiêu đến ngày gặt phải trình phó-lý mà khai rõ ở xứ sở nào, cứ mỗi mẫu phải nộp sáu hào (0$60). Người biệt-xã phụ-canh thời phải nộp mỗi mẫu một đồng hai hào (1$20); phó-lý nhận tiền sương-túc ấy rồi phóng-phái cho người điền-chủ đem tường cùng tuần-phiên chứng-tri, rồi mới được gặt lúa.

Còn như xuống mạ thời nộp sáu su (0$06) một sào, hoa mầu ngô khoai thời nộp ba su (0$03) một sào; biệt-xã phụ-canh thời phải nộp bội nhị. Những tiền ấy cũng do phó-lý nhận-thu mà phóng-phái cho điền-chủ đem tường tuần-phiên, thời mới được giữ được nhổ.

Phó-lý nhận xong tiền sương-túc về vụ nào thời phải trình ngay với hội-đồng kiểm-sát mà nộp vào công-quĩ.

42) *Thu tiền kiến-ốc và trâu bò.* — Tiền kiến-ốc chia làm ba hạng: hạng nhất nhà ngói 0$15, hạng nhì nhà gỗ lợp lá 0$10, hạng ba nhà gianh 0$05. Còn nuôi trâu thời 0$30, bò thời 0$20. Đệ-niên cứ đến trung tuần tháng chạp hội-đồng làm phái biên-lai giao cho phó-lý phái tuần đi thu, được bao nhiêu cũng nộp vào tiền công-quĩ.

Còn như nhà nào thuê trâu bò đem về để ở nhà thời phải trình tuần, mỗi tối trâu 0$03, bò 0$02. Trâu bò quá-vãng đình-trụ cũng phải trình tuần nộp mỗi tối là bốn su 0$04, bò trâu cũng vậy.

43) *Lương tuần.* — Đồng-niên chi lương cho tuần mỗi người là 10 đồng, quản-tuần 15 đồng, trương-tuần 12 đồng, cứ đệ-niên phát cho hai kỳ: rằm tháng sáu và rằm tháng chạp, hội-đồng làm măng-đa lấy tiền công-quĩ ra để chi-phát. Hễ ai lĩnh tiền lương thời phải ký tên vào sổ cho phân-minh.

Những tiền lương tuần trên này phải chiếu theo số ruộng từng làng nhiều ít, thu thóc sương và tiền kiến-ốc được bao nhiêu mà chước định tiền lương cho tuần, chớ không hẳn theo như thế.

44) *Luật thưởng phạt hàng tuần.* — Tuần-phiên người nào bắt được đạo-tang, thời hội-đồng thưởng cho ahi đồng bạc, bắt sống được kẻ cướp hay đánh chết được kẻ cướp thời thưởng cho mười đồng. Nhược bằng đánh cướp mà phải khinh-thương thời hội-đồng cho năm đồng làm tiền phục-dược; phải trọng-thương thời cho mười đồng; không may mà chết thời cho hai mươi đồng làm ma tống-táng và cắt kỳ-lý đi đưa đến mộ; lại cho một người con làm nhiêu-nam được miễn trừ tạp-dịch chung-thân, hoặc không con thời cho em hay cháu. Những tiền thưởng ấy đều lấy ở công-quĩ mà chi. Hội-đồng lại làm đơn trình quan tưởng-lục cho những người có can-đảm đánh cướp.

Nếu tuần-phòng bất-lực, trong làng nhà ai mất trộm, ngoài đồng mất mạ, mất lúa, mất hoa-mầu, thời hội-đồng chiếu tang bắt đền tuần-phiên phải bồi một nửa, nhà chủ chịu một nửa.

45) *Đánh cướp.* — Trong làng hay ngoài đồng hoặc khi nào có quân cường-đạo đến cướp-phá, hàng tuần nổi hiệu ngũ-liên, thời trai dân phải tận-suất, từ người 49 tuổi trở xuống, 18 trở lên đều phải mang trúc-trượng khí-giới tề-tựu tại công-điếm-sở, theo với lý-dịch hàng tuần ra đánh cướp, nếu ai khiếm-diện thời phải phạt ba hào.

Còn như lệ thưởng phạt hay cấp cho tiền cũng theo như lệ hàng tuần ở trên.

46) *Tu-bồi đường-sá.* — Các con đường trong các xóm thông ra đường cái lớn, hễ lân-cận đâu thời tuần-phiên đốc bắt người trong xóm ấy quét dọn bồi đắp cho bằng-phẳng sạch-sẽ. Còn đường cái lớn thuộc về công-dân và các đường khuyến-nông ngoài đồng, để chấp-thủy phóng-thủy, các con đường trên đó chỗ nào có cầu cống hoặc nên bắc, hoặc nên khai, hoặc khuyết-liệt nên tu-bổ, thời viên công-chính coi về những việc đường-sá cầu-cống ấy phải trông-nom mà đốc-suất tuần-phiên sửa-soạn cho được tiện-lợi, và trình với Hội-đồng trị-sự để trù-khoản mà sửa-sang tu-bổ.

Phàm trong làng ai muốn tháo nước qua con đường nào thời phải trình lý-trưởng cho phép, xong lại đắp lại như cũ. Nếu ai làm hủy-hoại đường công-dân hay là tham-lam cuốc vạt, xâm-chiếm, thời phải phạt tự hai hào đến một đồng bạc.

Phàm đương mùa lúa hay mùa mạ, hễ ai chăn trâu bò gà vịt thời không được thả dong. Nếu để tổn-hại đến các ruộng lúa ruộng mạ, thời phải phạt tự một hào cho đến hai hào, mà phải đền thiệt-hại cho nhà điền-chủ.

47) *Lập nhà học.* — Tiền công-quĩ mỗi năm phải trữ-tích ra một món tiền độ 150p00 đồng bạc, để chi về việc học : mua địa-đồ, sách vở, và đón một thày giáo về dạy học tại đình ; theo như chương-trình học-qui của nhà-nước mà dạy.

Con trai trong làng độ 6, 7 tuổi lên đến 13 tuổi là phải ra học cả.

48) *Qui-thức lập trường.* — Dân làng nên tìm lấy một miếng đất công rộng-rãi ở vào khoảng trung-độ, họa thành đồ-bản nhà-trường, và trù khoản trình quan xin lập một nhà trường Pháp-Việt theo như qui-chế. Tiền trù-khoản ấy hoặc khuyến-quyên các thân-hào phú-hộ trong làng, hoặc trích lấy tiền cho thuê công-dân điền-thổ mà giúp-đỡ vào tiền lập trường. Viên học-chính phải làm sổ-sách chi-phí cho phân-minh, khi khánh-thành thời lập bia tại nhà trường để làm kỷ-niệm.

49) *Học-điền.* — Dân có công-điền thời nên để lấy 15 mẫu làm học-điền để chi-phí riêng về việc học.

50) *Duyệt-thư-phòng.* — Trong nhà trường nên để một phòng riêng để làm chỗ xem sách xem báo. Viên học-chính phải kê biên các tên sách quốc-ngữ cần dùng, và sách tây sách nho như là những sách luân-lý, địa-dư, lịch-sử, vệ-sinh, vân vân ; cùng các báo quốc-ngữ đều mua cho đủ, để tại tủ sách trong thư-phòng, đính giờ mở cửa cho các người đến xem sách, xem báo, chớ không được mượn về nhà. Nếu mượn thời chỉ trong một tuần-lễ, mà phải có tiền ký-cược, đúng như giá sách, đem trả phải lấy tiền thuê mỗi ngày là 2 su.

51) *Tuyên-báo kỳ.* — Mỗi tháng hai kỳ : mồng một, ngày rằm, hội đồng-dân tại đình tuyên-đọc những bài báo quốc-ngữ có ích về phong-tục, luân-lý, lịch-sử, vệ-sinh cho cả đồng-dân nghe.

52) *Từ-thiện hội.* — Các vãi già trong làng nên lập làm một hội Từ-thiện để làm những việc phúc-đức, hễ ai mới vào chân hội thời đóng một đồng bạc, sau mỗi tháng đóng hai đồng. Bà nào cho năm mươi đồng trở lên thời tôn là bà danh-dự. Còn bà nào cấp cho mười đồng trở lên thời miễn-cấp, về sau không phải đóng tiền nguyệt-cấp nữa. Trong hội cử một bà làm hội-trưởng, một bà làm thủ-quĩ, một bà làm thư-ký, sổ-sách cho

phân-minh, song phải có hội-đồng trị-sự giúp vào.

53) *Ấu-trĩ viên.* — Hội Từ-thiện lấy nhà chùa làm nơi hội-sở ; sân vườn chùa mở rộng ra, làm ấu-trĩ-viên, dọn vườn cho sạch-sẽ, trồng đu để làm chỗ cho trẻ chơi đùa, và sắm đồ chơi cho trẻ con. Nhân những gian tả-hữu-vũ nhà chùa làm thêm ra mấy gian, đặt giường mắc võng để cho chỗ trẻ con ăn ngủ ; may vài chục áo quần con trai bằng vải nâu đỏ, vài chục áo quần con gái bằng vải nâu vàng. Trong làng trẻ con nhà ai, tự lên hai cho đến lên năm sáu tuổi, được phép đem ra gửi ở Ấu-trĩ-viên, trong một ngày từ 6 giờ sáng đến 6 giờ tối. Song phải nộp tiền phí là 0$03.

Các vãi cắt lấy hai bà có đức-tính thuần-hòa làm mẫu-sư để dạy những lũ trẻ học đi học nói, và dạy học truyền-khẩu cho con trai những câu khuyến-hiếu, con gái những câu nữ-châm, và nói truyện cổ-tích luân-lý cho nghe, như là truyện « quạ con mớm mẹ, gà mái nuôi con, v. v » ; buổi chiều hay buổi sáng chỉ độ trong một giờ. Hai bà trông về quần áo rặt-rịa tắm rửa sạch-sẽ, hễ trẻ ngoài đem đến gửi thời thay ngay quần áo mà rặt đi cho nó đến tối lại mặc giả. Hai bà trông về cơm, sữa, quà bánh cho trẻ ăn ba bữa.

Các vãi cứ trong hai ba ngày cắt thay đổi nhau lần lượt mà giúp việc. Trong hàng ngày thời nhà-sư cũng phải trông-nom giúp-đỡ với các vãi.

54) *Sở y-tế.* — Trong làng nên trích lấy một món tiền độ mươi đồng để mua trữ thuốc tây và thuốc tàu chữa những bệnh tứ-thời cảm-mạo, giao cho phó-lý nhận giữ để phòng ai có bệnh cần đến thời phát thuốc cho. Còn như nhà thương, nhà đẻ, hễ dân có dư tiền công-quĩ sẽ xin nhà-nước sáng-lập cho.

2. — Nghĩa-sương.

55) *Điều-ước nghĩa-sương.*— Chiếu theo lệ năm thứ 18 vua Tự-đức lập ở làng một kho nghĩa-sương, thu thóc của các nhà điền-hộ để dùng làm việc công-nghĩa trong dân-xã, như là : mất mùa kém đói thời chẩn-thải, hoặc cho vay để giúp người túng-bấn ; khi dịch-lễ thời mua thuốc phát cho người nghèo.

56) *Các viên-chức nghĩa-sương.* — Đặt ra một viên sương-chính, một viên thủ-quĩ và một viên thư-ký, cũng lấy ở các viên trị-sự hội-đồng mà kiêm giữ những chức trên này ; song nếu bảo-cử được người khác có đủ tư-cách mà ủy-nhiệm cho có chuyên-trách cũng được. Niên-hạn và trách-nhiệm cũng theo như lệ trị-sự hội-đồng.

57) *Kỳ thu thóc.* — Đệ-niên cứ đến mùa tháng mười, thư-ký cứ chiếu điền-bạ kê những tên nhà điền-hộ cấy cấy ruộng công hay là ruộng tư là bao nhiêu, biên ra một quyển sổ, hễ ai cấy một sào trở lên thời góp vào nghĩa-sương 1 đấu (1 cân tây), một mẫu thời góp vào 10 đấu (10 cân tây), vân vân ; cứ mỗi năm kỳ tháng mười giao cho phần thu cầm sổ đi thu một lần, hễ ai đóng rồi thời tự biên ngay vào sổ là « ngày ấy đã góp mấy đấu thóc » để làm bằng-cứ, nếu không biên thời là người chửa đóng. Sau này mà thành ngạch, thời ai cấy bao nhiêu cứ đem thóc đến thủ-quĩ mà nộp lấy biên-lai, thời càng tiện.

Phần-thu cứ đấu nghĩa-sương mà đi thu, hễ thiếu thời phải bồi, thu quá lệ thời có lỗi. Ngày nào được bao nhiêu đem về giao thủ-quĩ kiểm-nhận chứa vào kho, rồi biên vào sổ chính và ký biên-nhận vào sổ thu.

58) *Hạn số thóc chứa.* — Thủ-quĩ chỉ giữ thóc đến 500 phương (20 đấu

là 1 phương) trở lại mà thôi. Nếu ngoại số ấy thời phải trình hội-đồng trị-sự định kỳ bán thóc để lấy tiền trữ vào công-quĩ, nếu khi nào nhiều tiền chưa dùng làm việc gì công-ích thời sẽ làm giấy gửi nhà ngân-hàng.

59) *Tiền tạp-phí.*— Khi nào có chi-phí về việc nghĩa-sướng, như là mua sổ-sách, giấy bút, các đồ dùng khác, cùng là thuê người giúp đỡ thời sẽ lấy tiền bán thóc chi phát. Song thư-ký phải khai ra chi về khoản gì lấy chữ sương-chính ký-nhận thời mới được chi-phát. Nếu không phải chi tiêu về việc nghĩa-sương mà mạo khai mạo ký thời phải đền.

60) *Hạn số chi phát.*— Viên sương-chính chỉ được bán thóc hay chi phát thóc trong số 200 đấu trở lại mà thôi. Ngoài số ấy thời phải có họp hội-đồng quyết-nghị.

61) *Kiểm-soát.* — Mỗi năm hai kỳ : rằm tháng sáu và rằm tháng chạp, hội-đồng trị-sự họp xét sổ-sách và kho nghĩa-sương, hay là bất-kỳ lúc nào hội-đồng phái hai viên kiểm-sát đến xem xét, nếu làm sổ sai-suyễn, hay thiếu số thóc, hay để thóc mục lép thời thủ-quĩ phải bồi.

62) *Thóc bù hao.* — Thủ-quĩ giữ thóc phải thường phơi-phóng, tất có hao hụt, nên phụ-cấp cho thủ-quĩ một năm là mấy phương để bù vào số hao ấy. (Lúc làm đến sẽ tính)

63) *Cho vay thóc.* — Những khi tháng ba ngày tám, vào độ giáp hột, phàm những người trong làng và người có phụ-canh ruộng làng mà xưa nay có đóng thóc nghĩa-sương tử-tế, thời lệ được vay thóc : mỗi một gia-chủ cấy một mẫu ruộng thời được vay 10 phương thóc (mỗi phương 20 đấu nghĩa-sương), nghĩa là cứ một sào được vay một phương. Song khi có nhiều người vay, thời lại phải tùy số thóc kho với số người vay nhiều ít, mà cho vay cho đều, chớ không cứ phải theo như đủ lệ trên đó.

64) *Người bảo-lĩnh.* — Người nào vay thời phải mượn một người có điền-sản bảo-lĩnh thời mới được vay, mà hạn đến mùa gặt sau là phải trả xong. Nếu để quá hạn không trả thời người bảo-lĩnh phải đền, mà lần sau không được vay nữa.

65) *Thóc lãi.* — Thóc cho vay hạn từ mùa nọ đến mùa kia (như tự cuối mùa tháng năm đến tháng mười) thời chỉ lấy lãi ba phân. Nếu để quá mùa thời phải tính tháng, mỗi tháng là ba phân.

66) *Thóc hoa-hồng.* — Thóc lãi ba phân ấy nộp vào nghĩa-sương hai phân, còn một phân để làm thóc hoa-hồng cấp cho thủ-quĩ.

67) *Cho mượn thóc.* — Những người không có ruộng-nương, vào độ tháng ba ngày tám, không có công-việc làm, thời nghĩa-sương có lệ phát thóc cho mượn, để làm gạo say, gạo sáo, cho có công-việc khỏi túng-bấn. Song cũng phải có người bảo-lĩnh. Mỗi lần mượn được 10 phương mà thôi, giá thóc thời theo thời-giá mà tính ra tiền, hạn trong 10 ngày bán gạo xong, lại đem tiền trả nghĩa-sương, mới lại được mượn thóc khác. Nếu tiêu đi mất thời bận sau không được mượn nữa, mà người bảo-lĩnh phải đền.

68) *Định kỳ bán thóc.*— Thóc nghĩa-sương khi nào chứa được nhiều mà không phải dùng đến, hễ đến ngày giáp hột thóc cao thời viên sương-chính phải họp hội-đồng trị-sự lại định kỳ cho phép thủ-quĩ bán thóc lấy tiền, đến mùa gặt xong thóc hạ, thời lại giao cho thủ-quĩ đong lấy thóc tốt mà chứa vào nghĩa-sương cho được ích-lợi.

69) *Thóc lưu lại.* — Số thóc nghĩa-xương ba phần bao giờ cũng phải để

lại một phần, chớ không được chi-phát hay bán đi hết.

70) *Cách trừng-giới.* — Kho nghĩa-sương là của chung trong dân, nếu người nào biển-lận, không tuân lệ góp thóc, thời gọi ra hội-đồng khuyên-bảo, nếu không nghe thời sương-chính phải biên tên ra trình đồng-dân biết, mà các việc công-ích như là vay mượn, chẩn-thải, vân vân ; nhất-thiết không được dự gì đến cả.

71) *Cách tưởng-khuyến.* — Nếu người nào có lòng bỏ vào nghĩa-sương 100 phương thóc trở lên thời được gọi là danh-dự-viên, về sau không phải góp nữa.

72) *Cách báo-thường.* — Viên sương-chính và thủ-quĩ, thư-ký, là người chức-dịch coi về việc nghĩa-sương, trông-nom sổ-sách phải cho chu-tất, không được thu đầy phát vơi, để đến tai-tiếng, đến tất-niên đồng-dân sẽ có báo-thường, là sau khi nghĩa-sương thành-lập đã có hiệu-quả rồi, thời cứ cuối năm phải để ra một phần thóc 100 đấu biếu viên sương-chính, thư-ký, thủ-quĩ mỗi viên 50 đấu.

73) *Cách nghiêm-phạt.* — Phàm các viên-chức nghĩa-sương nếu ai tham-lam, tiêu thất thóc công, thời phải truy-trách bồi-thường, mà lại trình quan trị tội.

74) *Lập bia kỷ-niệm.* — Trong làng người nào có ơn to với dân như là : lập trường học, lập nghĩa-sương hay là quyên trợ giúp về việc công-ích, vân vân, cùng là người nào có nghĩa như là : đánh cướp mà chết, tận-trung với dân, thời dân phải lập bia kỷ-niệm khắc tên người ấy dựng ở đôi bên đình tả, hữu vũ, hợp-tự cả các tổ tiên các họ trong làng ở đó, hễ đến ngày đông-trí thời trần-thiết nghi-trượng, hiến cúng hương hoa ở các gian đình-vũ ấy, hội họp đồng-dân, cử một người đọc bài diễn-văn truy-niệm công-đức.

75) *Tu-lý đình-vũ.* — Những đình miếu trong làng xưa kia thuộc về phần giáp nào hay về phần công-dân tu-lý thời cứ theo lệ dân như cũ.

Song những công-việc tu-lý chi-phí ít thời về phần giáp nào giáp ấy tự tu-bổ ; còn như tu-lý nhiều thời hội-đồng phải trù-tính phân-minh, làm sổ ra trình ông danh-dự tiên-chỉ quyết-định, hoặc trích tiền công-quĩ ra chi-biện, hoặc khuyến quyên đồng-dân giúp đỡ.

76) *Làm sổ công-tư điền-thổ.* — Hội-đồng trị-sự làm ra một quyển công-bạ biên những người mua bán công-tư điền-thổ cho phân-minh, giao cho chánh-hương-nghị phụng-thủ, hễ người nào mua tư điền thổ phải trình Chánh-hương-nghị xét biên số văn-tự vào sổ công-bạ, cứ một trăm đồng bạc, phải nộp vào công-quĩ một đồng, thủ-quĩ biên-lai, lý-trưởng mới được hạ-triện. Người mua công điền thổ chỉ cố-hủy một năm cũng phải trình văn-tự vào sổ công-bạ như trên, công-điền nộp quĩ mỗi mẫu 0p.50, công-thổ mỗi sào nộp quĩ 0 p. 30. Người nào không theo lệ nộp tiền vào sổ, ngày sau có việc lôi thôi, hội-đồng không xét.

77) *Cho đấu chưng công-dân điền-thổ.* — Phàm ruộng đất công cùng hồ ao trong dân xưa nay vẫn chia làm phần khẩu-phân cho các dân-đinh. Song chia ra mỗi đinh-suất không được là mấy, nên để cho một hai người trong làng lĩnh chưng mỗi hạn là 2 hay 3 năm, ai thầu được giá cao, thời làm rồi lấy tiền cho thuê ấy cấp giúp sưu-thuế cho các đinh-suất, hay là để thuê khoán các việc đê-điền tạp-dịch đỡ cho dân-đinh.

78) *Biên sổ sinh tử giá thú.* — Sổ sinh tử giá thú giao một viên thư-ký

biên chép và lý-trưởng trông-nom. Hễ ai trình thời phải trước-bạ ngay, song mỗi tháng mồng một, ngày rằm là kỳ hội-đồng, cũng phải đem sổ ấy ra tại đình, trong làng ai sinh hay tử, hay giá-thú, phải ra trình trước-bạ, không có mất tiền, hễ ai ẩn-lậu không khai mà lý-trưởng phải cho gọi ra khai, hội-đồng bắt khoán một hào (0 p. 10). Nếu nhất-định không khai thời trình quan nghĩ-phạt.

3. — Vệ-sinh chung

79) *Sở quét dọn.* — Tuần phiên cắt lượt nhau đốc bắt con em luân phiên quét-dọn sửa-soạn các con đường cái lớn công-dân cho bằng-phẳng sạch-sẽ, các rãnh phải khai cho thông. Còn các đường-lối, cửa ngõ lân-cận về đâu, thời người ở đấy mỗi buổi sáng phải quét-dọn.

80) *Đào hố đổ rác.* — Định một chỗ đất tha-ma cách xa làng đào hố chứa rác. Chế ra lối xe chở rác, thuê phu cứ buổi kéo qua dọn các đường ngõ và đổ cho các nhà đổ rác, rồi chuyên đi đổ ra hố rác ngoài đồng.

81) *Lấp các hồ rãnh bẩn-thỉu.* — Phàm các chuôm ao hồ rãnh có nước tù-hãm thời dọn-dẹp hay lấp đi cho sạch-sẽ.

82) *Quét vôi.* — Các nơi công-sở và chợ quán phải dọn cho sạch, mỗi năm hai lần quét vôi.

83) *Xây giếng nước ăn.* — Giếng nước ăn của công-dân phải xây gạch chung-quanh miệng giếng mà xây cho cao. Phải làm dây xích sắt và thùng múc nước chung, treo giòng sẵn ở miệng giếng để dùng chung, cấm không được bạ gầu nào cũng vục xuống giếng.

Phàm các việc trên này, việc nào thuộc về công-dân thời do vệ-sinh nghị-viên hiệp cùng phó-lý và quản-tuần đốc-sức tuần-phu trông-nom sửa-sang. Còn những nơi thuộc về nhà tư thời sai tuần-phiên gọi bảo từng nhà phải theo lệnh, nếu ai không tuân, mà để bẩn, hoặc phóng-uế ra đường, thời phải trình hội-đồng bắt phạt 0 p.20 nộp vào công-quĩ.

84) *Lập nghĩa-địa chung.* — Chọn một khu đất xa làng để làm nghĩa-địa chung, phân ra hai khu : một khu để chung, một khu để riêng cho những người chết về bệnh dịch truyền-nhiễm, mà phải chôn sâu ngoại ba thước.

85) *Bệnh truyền-nhiễm.* — Những người phải bệnh truyền-nhiễm như là bệnh hủi, bệnh hạch, bệnh tả, lý-trưởng phải xét mà trình quan đem đi nhà thương. Nếu người nào bất-hạnh mà chết về bệnh truyền-nhiễm, thời phải bắt chôn ngay và đốt hết cả giường, chiếu, đồ dùng của người bệnh ấy đi. Nếu ai không tuân thời bắt khoán một đồng bạc nộp vào công-quĩ. Lý phó hay quản tuần có ý ẩn-lậu giấu đi cũng phải phạt như thế.

86) *Thú-vật chết.* — Những con thú vật như là trâu bò, vân vân, mà chết thời phải bắt đem chôn ngoài đồng, chỗ xa làng, chôn sâu 3 thước rồi đổ vôi bột vào cho khỏi khí-độc truyền-nhiễm, nếu ai không tuân thời bắt khoán một đồng bạc nộp vào công-quĩ.

87) *Nghiêm-cấm trộm cướp, cờ bạc, rượu lậu và thuốc phiện lậu.* — Những kẻ nào gian-phi trộm cướp, thời lý-trưởng bắt giải nộp quan trị tội mà truất bỏ ngôi hương-ẩm.

Những sự gá chứa cờ bạc, sóc-đĩa, rượu lậu, thuốc phiện lậu, đều là nghiêm-cấm, lý-dịch quản-tuần phải trông-nom, dò-xét, nếu bắt được quả tang thời phải trình quan xử-nghĩ, mà lại bắt khoán người can-phạm nộp vào công-quĩ 2 đồng bạc. Nếu lý-dịch, tuần-phiên có ý ẩn-nặc, hễ phát-giác ra, thời lý-dịch tuần-phiên phải can-cứu.

Những kẻ cắp trộm măng tre, hễ tuần-phiên bắt được quả-tang thời bắt khoán hai hào nộp vào công-quĩ.

88) *Đấu-ẩu tạp-tụng.* — Những kẻ nào đánh nhau chí-mạng thời lý-trưởng phải trình quan khám-biên cứu-xử, bên nào bị cữu thời phải chịu những sự dân đi khai-báo phí-tổn, và phải bắt khoán nộp vào công-quĩ tự bốn hào đến ba đồng bạc 3p. 00.

Những kẻ cãi nhau to tiếng, đánh nhau thương-tích thường, thời lý-trưởng bắt ra hội-đồng mà hòa-giải rặn cấm, phạt mỗi bên tự một hào đến bốn hào nộp vào công-quĩ, nếu không chừa mà tái-phạm thời phạt bội-nhị.

Trong làng người nào bất-bình với nhau hay có sự gì tranh-dành, không được việt-khống, phải trình hội-đồng xét cho, hội-đồng cứ theo lẽ công-bằng mà phân-xử, và theo luật làm tờ hoà-giải, hai bên phải nghe, nếu không nghe mà đi thưa kiện đến công-nha, quan trên xử cũng như hội-đồng dân xử thời chiếu điều thứ hai « *Vi-dân-khoán-ước* » sau này, bắt khoán nộp vào công-quĩ tự hai đồng đến tám đồng bạc.

Còn việc nào can-phạm đến hình-luật, hội-đồng không có lệ hòa-giải, song người sự-chủ cũng phải trình hội-đồng làm biên-bản trình quan cứu xét, chớ lý-dịch tuần-tráng không được sách-nhiễu nhà sự-chủ.

89) *Cấm-chỉ dâm-phong.* — Phàm những thói du-dãng dâm-bôn, nhất-thiết nghiêm-cấm, nếu con trai mà phạm luật hòa-gian (là quyến-dũ nhân-thê nữ-tử), con gái đàn bà mà phạm luật hoang-thai (là con gái hay đàn bà goá chửa hoang, tiền dâm hậu thú), những sự can-phạm luân-lý ấy thời chiếu điều thứ nhất « *Vi-dân khoán-ước* » sau này mà bắt phạt cả hai bên trai gái mỗi bên tự năm đồng đến mười đồng bạc nộp vào công-quĩ.

90) *Vu-cổ tà-thuật.* — Phàm những sự đồng cốt quàng-siên, bùa-bèn vu-hoặc, là phạm luật bất-kính thần-minh, nên trong làng nhà nào có điện tĩnh thờ-tự, khi nào có đánh trống phụ khảo thời phải xin phép lý-trưởng và nộp vào công-quĩ bốn hào, nếu nhà nào không tuân thời chiếu điều thứ ba « *Vi-dân khoán-ước* » sau này bắt khoán tự một đồng bạc đến sáu đồng nộp vào công-quĩ.

Kính-lục Hoàng-Việt luật-lệ ban-hành từ ngày 12 tháng sáu năm Gia-long thứ 11.

« Điều thứ 143. — *Định về luật tế-tự rằng : tiết-độc thần-minh phải phạt 80 trượng.*

« *Nhà quan và nhà quân dân cứ thả dong cho vợ hay con gái đi hành-hương các đền chùa, thời người chồng phải phạt suy 40 roi. Không chồng thời người bản-phụ phải phạt.*

« Điều thứ 144. — *Trừ ngoại những ngày xuân thu kỳ báo trong các dân-xã, nếu những nhà quân dân trang-tác thần-tượng, đánh chiêng khua trống, mở hội rước-sách thời người vi-thủ phải phạt 100 trượng.*

---

91) *Lăng-mạ tôn-trưởng,* — Người họ nội họ ngoại bằng vai với ông cha gọi là tôn-trưởng, các hạng khoa-trường chức-sắc cũng như tôn-trưởng trong họ. Khi việc họ việc làng mà kẻ ti-ấu nào không biết kính-trọng giữ lễ nói điều vô-lễ bất-tốn, động đến hội-đồng trị-sự phân-xử, thời phải phạt tự một hào đến bốn hào nộp vào công-quĩ, nếu tái-phạm thời phải bội-nhị.

II

Hương - tục

4. — Việc giá-thú

92) *Niên-hạn cưới.* — Trong làng con trai từ 18 tuổi trở lên mới được cưới vợ, con gái từ 16 tuổi trở lên mới được lấy chồng, chớ không nên cưới sớm quá. Nếu vì cớ gì mà muốn cưới sớm thời phải trình hội-đồng biết mà nộp tiền cheo trước, chớ không được thiện-tiện cưới ngay.

93) *Sính-lễ.* — Còn như con trai con gái đã đến tuổi lấy nhau, sính-lễ phải tùy gia phong-kiệm không được quá sách nặng-nề, ăn-uống xa-xỉ, đều phải tuân theo Chỉ-dụ ngày 11 tháng 12 năm Khải-định thứ 4.

Còn như con gái trong làng lấy chồng biệt-xã thời tùy nhà gái chuẩn-định sính-lễ cho phải.

Kính-lục : *Chỉ-dụ ngày 11 tháng 12 năm Khải-định thứ 4.*

Bộ Lễ tâu rằng :

Nay tiếp viện Cơ-mật lục - tư lời Châu-dụ, trong ấy có nói rằng :

« Trị nước dạy dân, vẫn phải nhân « theo phong-tục, nhưng mà việc chánh- « trị cần nên cải-lương mới được. Nước « ta là nước văn-hiến, cho nên phong- « tục nhiều sự phù-xa, tức như những « lễ quan, hôn, tang, tế, thường đặt tiệc « to, và thân-bằng cố-hữu đi khánh-điếu « rất hậu, cho tráng quan-chiêm. Người « giầu-có mà làm như thế thời cũng là « hư-phí, người nghèo-khó mà làm như « thế thời tất phải đi vay mượn. Vì « thế nên định những lễ quan, hôn, « tang, tế phải tùy theo sức nhà phong- « sắc mà làm cho kiệm-ước, khi khánh- « điếu vãng-lai vừa hợp-lễ thời thôi, « vân vân... » Lại tiếp Nội-các có lục tư rằng : ngày 21 tháng 9 nhân có thiết-triều, phụng Diện-dụ : « Trước ta có « dụ về những lễ quan, hôn, tang, tế, « phải theo giản-tiện, như là lễ tang « vô-luận sự đãi khách đã là phiền- « phí, mà người đứng đãi và người đến « ăn uống, đều là không phải cả, lễ tế « thời các giấy mã có thứ đáng dùng, « có thứ không đáng dùng, duy phải « xét thứ gì đáng dùng thời cho dùng, « còn thứ gì không đáng dùng cũng nên « cấm đi. Giao cho bộ Lễ nghị-định « những điều-lệ các lễ ấy cái gì đáng « để, cái gì đáng bỏ, cốt về sự tiết- « kiệm, và thông-lục cho dưới dân đều « biết mà tuân theo. Khâm-thử ! »

Tuân theo những lời dụ trên này đủ thấy đức Hoàng-thượng đã soi-sét tình dân, vì trăm họ mà theo thời sửa đổi, bỏ sự xa-xỉ mà trọng sự tiết-kiệm, lòng trên nghĩ rất là chu-đáo vậy. Vả-chăng sự hôn, tang, tế, lễ, Quốc-triều ta lúc ban đầu đã có thành-qui định sẵn : « Niên-hiệu Gia-long thứ 3 định rằng sự cưới gả phải tùy theo nhà có nhà không, châm-chước trong sáu lễ mà làm, không được viết văn-tự thế đất. Người hương-trưởng thu những tiền cheo, tiền trăng dây, hễ người trong làng thời hạng giầu-có một quan hai tiền, hạng trung sáu tiền, hạng nghèo ba tiền, còn người làng khác đến cưới thời được thu gấp hai. Lễ tang thời dân trong làng phải giúp đỡ nhau, giầu nghèo nhiều ít tùy theo nhà có tang, không ai được viện lệ gì mà hỏi. Đến như sự cúng tế thần phật cũng không được quá xa-xỉ. Còn như khánh-hỉ thời việc lớn cho dùng một con lợn cỗ xôi, không thời đại nộp tiền một quan năm tiền. » Duy ngày tháng đã lâu, lòng người dễ quên, ở dưới dân nhiều chỗ không tuân theo lệ cũ, hoặc thời cậy thế quyền-hào, hoặc thời câu-nệ theo tinh-tục, đua nhau xa-xỉ, tập-nhiễm lâu quen thói, không biết đến đâu là cùng. Nếu không tùy-thời định lại, khiến dân tuân theo, thời tập-tục xa-hoa, càng sinh ra lắm tệ.

Nay xin trục khoản châm-chước bổ-nghị, cốt cho hợp thời và tiện dân tuân theo. Có những điều-khoản kể

ra sau này nhờ Thánh-chỉ tài-định để thông-lục tuân theo mà làm.

Khoản thứ 1. — Thuộc về hôn-lễ. — Từ nay nhẫn sau, phàm hai họ kết-hôn thời từ sau khi đã định-hôn rồi, hạn trong ba tháng cho làm lễ cưới (Trừ có duyên-cớ gì khác thời không kể). Nhà phú-quí thời lễ cưới một đôi hoa-tai vàng, một đôi vòng vàng, một mâm trầu cau rượu, một đôi hoa-chúc; nhà thường thời một đôi hoa tai vàng, một mâm trầu cau rượu, một đôi hoa-chúc, nhà nghèo thời chỉ một mâm trầu cau rượu mà thôi (Trừ những nhà nghèo khổ quá, không thể nào cưới gả được, mua bán riêng với nhau thời không kể). Nhà gái không được yêu-sách nhà trai. Còn như sự tiếp-đãi khách thời tùy theo nhà giầu nghèo, làm cho vừa phải, không được quá xa-xỉ. Ngoại ra những qui-điều khác thời điều y theo nghị-định trong niên-hiệu Gia-long mà tuân-hành.

Khoản thứ 2 — Thuộc về tang-lễ. — Từ nay nhẫn sau phàm có tang thời người có quan-chức trong hạn một tháng, người dân thường trong hạn một tuần phải tống-táng (trừ ra người ở thành-phố và khi nào có bệnh cấp-chứng thời khác); lễ điện thời quan-chức có phẩm-hàm được dùng bò, thứ-dân được dùng lợn, đều là một lễ mà thôi, cốt ở sự kiệm-ước, không được xa-xỉ. Còn như ngày đưa ma thời người làng người họ hay là thân-thích chỉ đến giúp mà đi đưa (trừ ra ở ngụ hạt khác xa-cách làng họ, tùy tiện thuê mướn người ngoài thời không kể). Khi chôn xong rồi, thời nhà giầu không kể là chánh hay ngụ) cho dùng lễ một con bò, nhà thường cho dùng lễ một con lợn, cỗ xôi, nhà nghèo cho dùng lễ một mâm trầu cau rượu; người tang-chủ đứng mà đáp tạ, không được viện theo lệ làng mà yêu-sách ăn uống dầm-dì ở nhà có tang. Khi đưa ma cũng cấm không được dùng cờ trống, bọn hát chèo và đồ minh-khí. Còn như thân-bằng làng họ đi đến phúng-điếu thời người tang-chủ chỉ lấy trầu nước tiếp-đãi mà thôi, nghĩa là cốt về sự tiết-kiệm.

Khoản thứ 3. — Thuộc về lễ tế. — Trừ ra sự kỵ-lạp trong nhà riêng thời được tùy-tình, còn từ nay nhẫn sau phàm những đình miếu các làng thời mỗi năm chỉ cho hợp-tế một lễ kỳ-yên (xuân thu một lễ). Lễ-phẩm thời làng lớn và làng trung cho dùng một con bò, làng nhỏ dùng con lợn cỗ xôi, đều là một lễ mà thôi. Làng nào có văn-chỉ thời trong mỗi năm được dùng một lễ con lợn cỗ xôi, tế văn-chỉ để giữ lấy cổ-điển. Còn như các chùa thờ Phật, thời đồng-niên các lễ cũng chỉ cho dùng hương đèn trầm trè mà thôi. Sự cúng-tế trong dân-gian lâu nay thường dùng các thứ giấy sắc, giấy văn-phúc, giấy vàng bạc, thời nay cũng cho được tùy-ý dùng theo như xưa; nhưng mà nghiêm-cấm không được làm đồ minh-khí và hình-nhân.

Khoản thứ 4. — Thuộc về lễ ăn mừng (tức là thăng-quan, hạ-thọ, lên lão, khao-vọng, vân vân...) — Từ nay nhẫn sau, những người nào được dự những lễ ăn mừng trên này đã kể, trừ ra trong nhà riêng thời tùy lực sở-cập, nhưng mà cũng không được đặt tiệc to ca hát liên-nhật. Còn ở nơi đình miếu thời người giầu chỉ cho dùng một lễ con lợn mâm xôi, người nghèo chỉ cho dùng một mâm trầu cau rượu yết-thần mà thôi. Làng xã không được viện tục-lệ gì mà yêu-sách cả.

Những khoản trên này giao cho quan địa-phương thông-sức những dân hạt-hạ đều tuân theo mà làm; và thường-thường kiểm-xét, nếu người nào không tuân theo thời chiếu theo luật trị tội.

Tờ tâu này phụng châu-phê rằng: « Các lễ quan, hôn, táng, tế, Bộ-thần « nghị-định gần hợp lẽ, chuẩn cho

« thông-lục để mọi người đều biết « mà tuân theo. Nhưng mà phong-tục « dân-gian hãy còn nhiều điều bỉ-tệ. « Triều-đình sửa-đổi cải-lương, không « phải một đôi việc mà đủ được, và lại « phải sửa đổi lần lần. Sau này có « nghĩ-định khoản gì hợp lẽ nữa sẽ « ban dụ thi-hành. Khâm-thử ! »

Ngày 13 tháng 12 năm Khải-Định thứ 4 lại tiếp Nội-các phụng lời sắc rằng : « Bộ Lễ định các khoản về hôn- « lễ, nguyên trong phiếu tâu rằng hai « họ đã kết-hôn, trừ ra có duyên-cớ « gì khác thời không kể, còn thời xin « hạn cho sau khi thành-hôn ba tháng « thời cho làm lễ cưới. Nay cho đổi « lại rằng : trừ ra có duyên-cớ gì khác « thời không kể, còn thời hạn từ một « tháng đến trong một năm sau khi « định-hôn rồi cho làm lễ cưới, để « cho hết tình-lễ, vân vân. Chuẩn « thông-lục tuân-hành. Khâm-thử ! »

---

94) *Tiền lan-nhai.* — Con gái lấy chồng ở trong làng phải nộp công-quĩ một đồng hai hào và 200 miếng trầu trình lý-trưởng và thư-ký trước-bạ giá-thú, trầu thời chia về tiên-thứ-chỉ và các viên trị - sự hội - đồng, chánh phó đương-thứ và kỳ-cựu, vân vân.... Mỗi người một khẩu gọi là chứng-kiến.

Còn con gái lấy chồng biệt-xã thời phải nộp cheo ngoại gấp hai.

Nếu để chậm quá ba tháng mới nộp tiền lan-nhai thời phải nộp thêm vào công-quĩ 3 đồng bạc nữa.

5. — Việc tang-ma

95) *Hạn ngày cất đám.* — Việc tang-ma chỉ hạn trong một tuần-lễ (7 ngày) là thành-phục tống-táng, chớ không được để lâu. Nếu nhà nào vì có con cháu đi làm quan hay làm việc xa chưa về kịp, hay vì cớ gì mà phải để chậm lại thời phải có cớ chánh-đáng mới được.

96) *Đãi người điếu-tang,* — Dân làng cùng các họ-mạc đến thăm viếng, thời khoản-đãi trầu nước mà thôi. Chỉ có những khách xa đến phúng-viếng hay những người thân giúp việc thời tùy nhà gia-chủ khoản - đãi.

Song ngộ khi nào, thời-khí không yên thời cấm hẳn ăn uống, phải tống-táng ngay chớ không theo như lệ trên được.

97) *Phát-dẫn.* — Nhà tang-chủ định ngày giờ phát-dẫn tống-táng thời phải trước 12 giờ đồng - hồ đưa trầu cau túc-suất thông-báo hàng giáp hay hàng thôn, định lấy bao nhiêu đô-tùy thời đương-cai hàng giáp hay hàng thôn cắt trai hàng giáp hay hàng thôn trợ-dịch đi tống-táng.

98) *Tiền nộp lệ.* — Tống-táng xong rồi, tang-chủ biện 100 quả cau hay 200 cau khô tạ hàng giáp hay hàng thôn, còn tiền lệ thời nộp vào công-quĩ có ba hạng; thượng-lệ mười đồng, trung-lệ năm đồng; hạ-lệ hai đồng chớ không ăn uống gì cả.

Ba hạng trên này là định phòng chừng cho từng làng, xưa nay tục-lệ nặng-nề quá thời phỏng theo thế là thích-trung, còn làng nào lệ nhẹ nữa thời càng hay.

99) *Lệ đưa đám.* — Làng nào có những bậc khoa-hoạn, phẩm - hàm văn võ tự tam tứ-phẩm trở lên hay các bậc tiến-sĩ, hoặc bản-thân hay cha mẹ, ông bà hay chính-thất tạ-thế thời việc tống-táng, đồng-dân sẽ theo một cách đặc-biệt trọng-thể.

Còn như tự quan ngũ-phẩm trở xuống và cử - nhân, tú-tài và chánh phó - tổng bá-hộ, tiên thứ - chỉ thời đồng-dân mỗi giáp hay mỗi thôn cắt một người chức-dịch đại-biểu đồng-dân đi đưa đến mộ.

Còn ngoại các hạn trên này thời ở giáp nào hay thôn nào thời giáp ấy hay thôn ấy cắt chức-dịch hàng giáp hàng thôn một hai người đi đưa.

Trong khi đưa đám phải nghiêm-chỉnh.

100) *Lễ phúng.* — Những nhà tiên thứ-chỉ, khoa-trường, chức-sắc có việc tang bản-thân, hay ông bà cha mẹ, hay vợ chính-thất, thời đồng-dân có lệ phúng hai đồng bạc. Cắt người chức-dịch vào phúng làm lễ bái-quan.

101) *Lễ tế.* - Nhà nào muốn theo tục tế-lễ thời khi tống-táng xong rồi vào hôm ba ngày, người nào có chân tư-văn mới được mời hội tư-văn đến tế. Hội tư-văn phải cắt người vào trợ-tế cho đủ số, không được cáo-khiếm. Song chỉ phải đãi các viên trợ-tế trầu nước mà thôi, tế xong thời nộp vào công-quĩ mười đồng bạc, còn như cỗ-bàn bánh-trái phần-phò đều trước hết cả. Nếu không có tế thời số tiền trên ấy đều miễn-nạp cả.

102) *Cát-táng.* — Người làng ai có việc cát-táng tại đồng làng chỉ từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau mà thôi, nhưng phải có cơi trầu trình lý-trưởng xét xem là mộ đề đã lâu ngoại ba năm mà không phải là mộ người chết về bệnh truyền-nhiễm thời mới được cải-cát. Phần mộ thời phải theo luật-lệ mà đề : đo từ trung-tâm trước sau cách nhau 7 thước An-nam, tả hữu cách 5 thước An-nam, chớ không được đề chen, giờ nào an-táng, tuần-phiên phải đến nơi xem xét, không y như thể-lệ không được cho táng.

103. *Ký-táng.* — Người biệt-xã đến xin đất cát-táng, cách-thức đề phần mộ cũng phải theo luật-lệ như trên, song phải trình lý-trưởng mà nộp vào công-quĩ mười đồng bạc lấy giấy biên-lai. Người nào xin đất hung-táng thời nộp gấp hai.

Những người xin đất mai-táng hoặc vào đất ruộng công thời phải trình lý-trưởng, hoặc vào đất ruộng tư thời tùy nhà điền-chủ.

6. — Lệ bán ngôi-thứ và khao-vọng

104) *Ngôi hương-ẩm.* — Lệ hương-ẩm trong giáp hay thôn, nhà nào có con trai từ năm sáu tuổi trở lên ở giáp nào hay thôn nào thời phải đem cơi trầu ra trình giáp hay thôn ấy mà vào sổ hương-ẩm, từ đấy hễ khi tuần tiết nào có việc sự-thần thời được cấp-liễm theo với hàng giáp hàng thôn mà dự ngôi hương-ẩm.

105) *Nhiêu-nam.* — Người nào đến tuổi đóng sưu thụ-dịch muốn mua ngôi nhiêu-nam phải nộp vào công-quĩ 10 đồng bạc, đồng-dân tả-khoán giao cho chấp-chiếu làm bằng, người ấy từ đó được miễn tạp-dịch trong làng.

Hoặc khi nào dân phải cần tiền làm việc công-ích, có lệ gọi những nhà có con trai đã lớn tuổi cũng nộp tiền như trên mà mua nhiêu sẵn trước cũng được. Song lệ bán nhiêu ấy phải có hội-đồng thỏa-thuận mới được thi-hành.

106) *Ngôi tư-văn.* — Hội tư-văn là những người khoa-trường, chức-sắc, chánh phó-tổng, hoặc có làng cả các kỳ-mục lý phó trong làng cũng dự hội, đã có lệ riêng nộp tiền vào hội và có ruộng riêng cứ đệ-niên xuân thu nhị-kỳ tế các vị tiên-hiền tại văn-chỉ ; viên nào có phẩm-chức hơn là đầu hàng tư-văn thời giữ về việc tả-văn. Còn người nào đã có chân nhiêu như là: cai-đội ngũ-trưởng binh-đinh mãn-khóa cùng là quản-tuần, hay là người có chân nhiêu mua, vân vân, thời cũng tùy làng cho được dự vào hàng tư-văn, nhưng phải vọng vào hội tư-văn 3 đồng bạc và 100 quả cau hay 200 cau khô. Hội tư-văn đã có thể-lệ riêng, không phải nói tường ở đây nữa.

107) *Nộp tiền khao-vọng.* — Ngôi-thứ lý phó, quản trương-tuần xưa nay đều có lệ khao-vọng, nay triết nộp vào tiền công-quĩ như sau này : Lý-trưởng

30 đồng, phó-lý 20 đồng, quản-tuần 12 đồng, trương-tuần 10 đồng. Còn như người nào đã có chân kỳ-mục khao-vọng rồi mà dân lại bầu ra làm thư-ký thủ-quĩ, vân vân, thời được trước-trừ, không phải nộp tiền khao-vọng nữa. Nhược bằng người nào chưa có chân kỳ-mục thời phải nộp vào công-quĩ 20 đồng bạc.

108) *Vọng-lão.* — Làng nào có lệ lên lão 50 hay 55 hễ ai đến tuổi thời cứ ngày xuân-tế biện trầu rượu đệ ra đình lễ thần, còn tiền khao thời nộp vào công-quĩ 10 đồng, từ đó thời được miễn trừ đê-điều tạp-dịch. Đến 60 tuổi cũng phải biện lễ trầu rượu như trên ra lễ thần trình dân và nộp tiền công-quĩ 5 đồng bạc, tự đó theo lệ nhà-nước được miễn-trừ sưu-thuế. Còn từ bảy, tám chín mươi tuổi trở lên mỗi một tiết 10 năm thời chỉ phải biện trầu rượu lễ thần như trên, chớ không phải nộp tiền.

109) *Lễ mừng thọ.* — Dân có lệ mừng thọ 60 một đồng bạc, 70 năm đồng bạc, 80 tám đồng bạc, 90, 100 tuổi một chục bạc, để thế vào tiền câu đối và lễ-phẩm.

Các cụ lão từ 60 tuổi trở lên nhà cụ nào gia-tư ước có độ mười mẫu ruộng trở lên, con cháu đề-huề trong các tuần sáu, bảy, tám, chín mươi mươi ấy có muốn làm rượu thọ năm nào cũng được, chớ làng không có lệ bắt-buộc phải làm.

Còn như gia-tư không được như hạng lão trên ấy mà miễn-cưỡng làm rượu, thời dân không ăn.

110) *Vọng vào ngôi quan-viên chức-sắc.* — Các bậc khoa-tràng chức-sắc như là văn võ tự tứ-phẩm trở xuống và thi đỗ tây-học, hán-học tiến-sĩ, cử-nhân, tú-tài cùng là tùng-sự các công-tòa, công-nha như là tham-biện, thông-phán, ký-lục, vân vân, mà có phẩm-hàm, hay là hàng chánh phó-tổng, đến ngày xuân hay thu-tế phải biện trầu rượu ra lễ thần và biện tiền khao nộp vào công-quĩ 20 đồng bạc. Còn sự khao ăn uống là ngoại-lệ, dân có lệ mừng 3 đồng bạc.

Bậc quan-tước tự tam-phẩm trở lên, thời lễ thần trầu rượu bỏ lợn tùy-tâm, bôi-bàn đãi dân thế nào tùy-ý, còn nộp vào công-quĩ tự 50 đồng bạc trở lên.

111) *Lễ mừng.* — Các hàng quan-trưởng có lễ sắc-phong hay lễ phẩn-hoàng, thời dân có lệ mừng 5 đồng để thay vào đối-chướng.

Những lễ mừng trên này là định phác ra thế mà thôi, nếu chế ra được các thứ nội-hóa để làm đồ kỷ-niệm mà mừng thời càng hay lắm.

112) *Lệ thế linh.* — Phàm việc thế linh thời phải theo lệ nhà-nước mà điều-thế lần lượt, kén chọn các họ lấy người mạnh khỏe không can án-khoản gì, tính-hạnh thuần-cẩn, mà ra ứng-tuyển, khi ra dân tả-khoán cho một tên nhiêu còn tiền cấp cho linh cứ theo như lệ nhà-nước mới định.(1)

Người lính nào mãn-khóa hay có làm nên cai-binh, đội-trưởng, ngũ-trưởng, khi mãn về mà chửa có tư đối-hàm thời còn theo về ngôi nhiêu. Nếu có phẩm-hàm bằng-sắc thời được dự vào hàng chức-sắc theo vọng như trên, nộp vào công-quĩ hai mươi đồng bạc và trầu rượu lễ thần.

113) *Người tùng-sự.* — Người nào đi làm các công-sở mà được tư về miễn-trừ, thời phải nộp vào công-quĩ một đồng bạc, để lý-trưởng thay sổ sang hạng miễn-sai.

---

(1) Nghe đâu lệ nhà-nước mới định đồng-niên dân cấp cho một người lính hai mươi bốn đồng bạc chớ không cấp ruộng.

114) *Ngôi lính.* — Trong giáp hay thôn người nào lần lượt ở trên thời vọng làm lính-cả, hay chạ giáp ấy hay thôn ấy, phải biện trầu rượu lễ thần và nộp vào công-quĩ sáu đồng bạc, từ đấy hễ khi nào có tế lễ thời người ấy được dự ngôi lính, hoặc dự làm bồi-tế. Khi trong giáp hay thôn có cấp - liễm về việc công gì cũng do lính-cả đi thu cán-biện, và cũng có khi làm phần-thu giúp lý-trưởng về việc thu - thuế.

7. — Việc tế-lễ

115) *Xuân thu nhị-tế.* — Đệ-niên đến ngày xuân thu chính-tế, chiếu lệ thường thời hoặc đến lượt hàng giáp hay hàng thôn biện lễ, hay lấy tiền công chi-biện lễ-phẩm không được quá mười đồng bạc, đó là theo lệ thường - niên sái-lễ.

116) *Lễ yết, lễ tạ.* — Trước ngày chính-tế là ngày lễ yết, sau ngày chính-tế là ngày lễ tạ, hai lễ này thời không được quá mỗi lễ ba đồng bạc.

117) *Lệ vào đám.* — Năm nào dân được phong-đăng hòa-ốc, định vào đám to, như là có lệ rước nghênh-tống, hay hát-xướng công-dân, hoặc tất cả các giáp hay các thôn có làm lễ bỏ lợn đề tế. Những lễ ấy chi phí mất nhiều tiền, thời độ 2, 3 năm mới vào đám một lần, mà không được quá 3 ngày. Song phải có hội-đồng trị-sự bàn-định, rồi trình ông danh-dự tiên-chỉ và cả đồng-dân cùng thỏa-thuận thời mới được làm ; tiền chi-phí về lễ ấy hoặc lấy tiền công-quĩ hoặc do các giáp hay các thôn quân-bổ, nhưng không được quá một trăm đồng bạc.

118) *Giáp đang-cai.* — Làng có từng giáp từng thôn lần-lượt mỗi giáp hay thôn chịu đang-cai một năm, nhận giữ các đồ tự-khí (nhất là có hòm chứa tại đình-trung) và trông-coi cán-biện các việc tế-lễ trong một năm. Đến sang năm sau hết hạn thời giáp đương-cai cũ giao các đồ tự-khí cho giáp đương-cai mới chiếu nhận. Nếu giáp nào giữ tự-khí bất-cẩn thời giáp ấy phải đền.

119) *Chủ tế và bồi tế.* — Lệ thường thời làng nào có các người khoa-trường chức-sắc hay là kỳ-cựu người nào hơn thời vào làm mệnh-bái, lệ đó tùy theo phong-tục mỗi làng có khác nhau ; ngoài những bậc khoa-tràng chức-sắc ra, hoặc người nào chưa có khao-vọng mà được bầu làm chủ-tế hay bồi-tế thời phải nộp tiền khao : chủ-tế nộp quĩ 10 đồng, bồi-tế 5 đồng. (1)

Chủ-tế, bồi-tế làm trong một năm người nào có tang-chở thời cắt người khác thay vào.

120) *Lệ cắt đi rước.* — Làng có vào đám rước-xách thời cắt trai dân tự 18 tuổi ra chấp-dịch. Còn người đại-tang thời phải đi tuần-phòng trông-nom các đồ nghi-trượng tế-khí.

121) *Tế-lễ phẩm-vật.* — Phàm các tế-lễ phẩm-vật về giáp nào hay người nào biện lễ phải cho cẩn-thận tinh-khiết. Nếu làm bất-cẩn hay không theo đúng lệ, thời phải phạt ba hào cho đến 1 đồng bạc, nộp vào công-quĩ, và cơi trầu tạ-thần.

122) *Tế-nghi.* — Phàm chủ-tế, bồi-tế và các viên chấp-sự khi tế-lễ phải cho kính-cẩn, nếu thất - lễ bất-cẩn thời phải biện cơi trầu tạ-thần.

Những khi tế-lễ, phàm người nào không có đội khăn thâm mặc áo thâm tử-tế, thời không được vào trong đình, nếu bắt được vô-lễ như thế thời phải phạt hai hào bạc.

123) *Các tiết kỵ-đảo và ngày kỵ thần sinh-hóa.* — Phàm các tiết như là :

(1) Viên chủ-tế có làng gọi là hiến-tế hay là tế-đám, hễ ai chịu chức này thời phải tốn-kém khao-vọng rất nặng, lệ ấy nên bỏ đi.

nguyên-đán, thượng-nguyên, trung-nguyên, kỳ-an, thường-tân, thượng-điền, hạ-điền và các ngày kỵ thần sinh hóa, thời tùy biện lễ to chi độ 5 đồng bạc, lễ nhỏ chi độ 3 đồng bạc, hoặc giao về lần lượt các thôn các giáp hay các chạ, chia phần lần lượt nhau mà chu-biện.

124) *Trung-đình, vị-thứ.* — Trung-đình vị-thứ xưa nay làng nào thế nào hãy theo như cũ. Song sau này dân nào có những người khoa-thứ tân-học cao-đẳng văn-bằng như là tham-biện, thông-phán, vân vân, thời sẽ chiếu đối-hàm mà định vị-thứ.

Những khi đình-đám tế-tự hội-họp các hàng cứ theo vị - thứ phẩm-chức và niên - sỉ mà ngồi cho tỉnh - túc, không được hỗn-tạp ồn-ào, say rượu cãi nhau. Nếu trái lễ-pháp vừa thời đem cơi trầu tạ - thần, quá lắm thời bắt khoán tự bốn hào đến một đồng bạc nộp vào công-quĩ.

125) *Yến-ẩm, phần biếu.* — Những khi có việc sự-thần, tế-lễ xong, giáp nào hay thôn nào đem lễ-phẩm về giáp ấy hay thôn ấy thời thôi. Nhược bằng công-dân ngồi ở đình, cứ chiếu số hiện-tại mà thừa thần-huệ, phải chiếu vị-thứ mà ngồi, người tâm-tang tiểu-cớ phải ngồi riêng một sở. Uống rượu mỗi cỗ 4 người không quá 1 chai.

Phàm các kỳ tiết tế-lễ xưa nay lệ có phần biếu các đàn anh, sau này sẽ châm-chước dần, nên cứ lấy khẩu trầu làm cái biểu-hiệu đặc-biệt thay cho phần biếu xôi thịt là hơn.

126) *Thi-hành khoán-ước.* — Quyển khoán này đại-lược phác ra như trên, còn tùy làng châm-chước, biên ra 4 bản, trình thượng-quan duyệt-y, một bản lưu-tòa, một bản lưu - tỉnh, một bản lưu - nha, một bản giao về trị-sự hội-đồng, lý-trưởng phải thông-báo đồng-dân thượng-hạ cùng họp tại đình, đề tuyên-bá, và sao ra chữ nôm niêm-yết các công-sở để đồng-dân tuân theo. Rồi hàng năm ít ra cũng phải một lần tuyên-đọc, sau này có điều nào nên sửa đổi hay nên thêm vào, đồng-dân công-nhận lại làm giấy trình quan để bổ thêm vào.

127) *Vi - dân khoán-ước.* — Trong khoán này nghĩ phạt những người vi-khoán chia làm bốn điều :

Điều thứ nhất là : can-phạm luân-lý, phạt từ năm đồng bạc đến mười đồng bạc.

Điều thứ hai là : can-phạm danh-phận, phạt từ hai đồng đến tám đồng bạc.

Điều thứ ba là : can - phạm bất-kính thần-minh, phạt tự một đồng đến sáu đồng bạc.

Điều thứ tư là : can-phạm tranh-cạnh điền-thổ, tiền-tài, sinh sự đánh nhau, phạt tự bốn hào đến ba đồng bạc.

Những hạng phạt nào đã nói ở trên các điều rồi thời theo như ở trên, còn hạng nào chưa nói rõ, thời tùy theo trong bốn điều trên này mà phán-đoán nghĩ-phạt cho công-bình, những tiền phạt ấy nộp vào công-quĩ.

* * *

Lời tổng-kết

Khoán-ước trên này đại-lược chia ra hai chương : 1° là hương-chính, 2° là hương-tục, hương-chính thời nên thi-hành nhất - luật, còn hương-tục thời nên châm-chước tùy-nghi. Song muốn thi - hành hương - chính thời cốt phải kén lấy những viên tộc-biểu hội-đồng mà ủy trách-nhiệm và định quyền-hạn cho phân-minh. Nếu không chuyên-ủy trách - nhiệm, thời không có người chuyên-trách, người nọ trông người kia, việc này nhẵng việc khác, thành ra công-việc bề-bộn không bao giờ xong, thế cho nên trong hội - đồng trị - sự cần phải chia

ra có trách-nhiệm. Song nếu không định quyền-hạn thời cũng không được, vì cầm quyền hương-chính mà không có hạn-chế, thời có khi các chức-dịch lại làm lạm-quyền quá, hoặc xâm cả quyền-hạn của người khác, hoặc cậy quyền tạ thế mà áp-chế dân-đinh, làm mất cả sự công-bình trong chốn hương-đảng, chẳng hóa ra muốn cầu thói hay mà lại sinh thói tệ, gọi là hương-chính cải-lương mà kỳ-thực chỉ làm mồi cho mấy viên hội-đồng chức-dịch quyền-hành nhũng-lạm mà thôi, thế cho nên quyền-hạn trị-sự hội-đồng phải cho có hạn-chế mới được.

Phải biết rằng trong hương-chính như những việc đấu-ẩu tạp-tụng, thời dân chỉ có quyền hòa-giải ; những việc vu-cổ, gian-dâm, thời dân chỉ có quyền cấm-chấp, chớ không có phép lộng-quyền sách-nhiễu hối-lộ. Hương-tục như những việc cưới-xin, ma-tray, khao-vọng, là cái quyền tự-do của từng người, dẫu rằng không nên giữ thói nợ-miệng mà bắt-buộc nhau phải theo thói cũ, song cũng không nên cưỡng-bách tỉnh-giảm quá mà phạm đến quyền tự-do của người ta. Thế thời phàm những tục-lệ ẩm thực nặng-nề xưa nay không thể nào sửa đổi đi được hay sao? Không lẽ nào cứ để tệ-tục mãi như thế được. Tuy rằng tự hương-chính không có quyền cưỡng-bách tỉnh-giảm, song tùy-thời cải-cách thời hương-tục cần phải cải-lương, cũng có lẽ lấy lễ mà triết-trung và lấy luật mà hạn-chế bớt đi được.

Xét trong *Hoàng-Việt luật-lệ* điều thứ 163 định luật hương-ẩm, khoản thứ ba rằng: « Dân-xã như có việc công tư hội-họp, dụng lễ trầu cau mà thôi, không được tạ-sự việc làng, bổ-bán góp tiền để quần-tụ ăn-uống, hễ vi-luật thời xã-trưởng phải phạt suy 30 roi. » Khoản thứ tư rằng: « Dân-xã hoặc ai được dự khoa-trường, sắc-mệnh, hay đến lượt chùm lão ăn mừng, hay là đến tọa-thứ phải khao-vọng, hễ lễ khánh-hạ to, dùng đến xôi lợn trầu rượu thời thế ba quan tiền ; lễ khao-vọng nhỏ xôi gà trầu rượu thời thế một quan năm tiền. Nếu xã-trưởng theo tục-lệ sách-nhiễu, thời chiếu luật vi-chế nghĩ-tội. » Ấy luật-lệ Hoàng-triều ta xưa kia như thế, thế mà tục-lệ đình-đám trong các hương-thôn, thường khi vào đám đến khi rã đám trong năm bảy ngày, có khi đến nửa tháng, thời bỏ phí thì-giờ làm-ăn biết là bao nhiêu ; không những phí thì-giờ mà thôi, lại còn hao-tốn tiền của, như là : mâm tray cỗ thờ, đua nhau cho to ; gà cân lợn tạ phải cho đúng lệ ; lại còn tục bầu hiến-tế (chủ-tế), tục bầu cai-đám (tổng-cờ), mỗi người đến lượt phải phí tiền sắm-sửa khao-vọng đến hàng một hai trăm bạc. Tục khao-lão thời như là bắt nợ miệng các cụ, nhà nghèo phải đến bán ruộng đợ vườn, ấy cái tục-lệ hư-phí như thế, chẳng qua chỉ cung cái miếng khẩu-phúc cho các hàng kỳ-lý mà thôi.

Còn như tục ma-tray thời cứ trong kinh Lễ-thiên Đàn-cung (檀弓) nói rằng : « Hành điếu chi nhật, bất ẩm tửu thực nhục »(行吊之日不飲酒食肉), nghĩa là ngày đi thăm viếng không uống rượu ăn thịt. Lại rằng: « Điếu ư nhân, tri nhật bất lạc. » (吊於人是日不樂), nghĩa là lúc đi thăm viếng người ta, thời mình cũng cảm thương không vui. Đức Khổng phu-tử cũng có nói rằng : « Thực ư hữu-tang giả chi trắc, vị thường bão giả » (食於有喪者之側未嘗飽也), nghĩa là ăn ở bên cạnh người có tang không ăn được no, đó là lúc đi điếu-tang có lòng thương-xót, cốt là chủ-nghĩa bồ-bặc (1)

(1) Kinh Thi có câu : « Tha-nhân hữu tang, bồ bặc cứu chi » (他人有喪匍匐救之), nghĩa là người ta có tang, phải khúm-núm mà giúp-đỡ.

đến hộ-tang. Thế mà thói dân ta thời một người chết nghìn người say, lại chết thêm mất mấy con trâu bò nữa. Thử hỏi đương khi điếu-tang, quan-tài nằm đó, hiếu-chủ thương-tâm, mà năm ba cụ kỳ ông cựu họp nhau chè chén, cứ chiều lệ làng ra mà hạch-sách như thế có đáng hay không ?

Huống-chi cứ chiều *Hoàng-Việt luật-lệ* điều thứ 162 định về luật tang rằng : « Phàm việc tang ma trong dân, nếu mà tụ-họp diễu-hí, hay bày trò hí-kịch, hoặc dụng đàn sáo bày trò Phật-hí, thời địa-phương-quan phải cấm-chỉ, nếu không tuân thời chiều luật vi-chế trị tội. » Điều thứ 164 định về luật táng-tế rằng: « Táng-tế tùy gia phong kiệm, làng xóm không được viện hương-lệ yêu-sách bò lợn rượu chè, trái lệ thời phạt 30 trượng. » Ấy cái lễ điếu-tang là như thế, mà cái luật tống-táng là như thế, khi xưa tang-tế vẫn theo lễ mà lại có luật để đề-phòng, cho nên phong-tục không đến nỗi đua nhau xa-xỉ, thế mà bây giờ có người lại mượn tiếng hiếu để khoe-khoang, nào là mổ trâu bò, mời khách-khứa, bày ra kèn giải khóc dối, phường chèo đóng đường, nhân lúc thương-đau mà bày trò chơi-nhởn, thử hỏi bụng người hiếu-tử như thế có yên không ?

Còn như việc cưới-xin sính-lễ ở trong luật hôn-lễ điều 164 có định rằng : « Phàm việc giá-thú sính-lễ hậu bạc tùy-nghi, không được tả-khế đợ ruộng; tiền lan-nhai trong luật đã định rõ-ràng, không được quá-sách; lúc hành sính-lễ không được yêu-sách tiền lệ hát-xướng, trái luật thời xã-trưởng phải phạt suy 50 roi. » Ấy luật-lệ xưa kia đã định ra như thế, là để phòng cái thói đua nhau xa-xỉ quá-độ. Vả lại trong Lễ có nói rằng : « Hôn thú nhi luận tài, di lỗ chi đạo giả » (婚娶而論財，夷虜之道也), nghĩa là việc giá-thú mà so-kè tiền-của, là cái thói mọi-rợ, thế thời sính-lễ không nên theo thói xa-hoa mà quá sách nặng-nề mới là phải. Huống chi mới rồi đức Kim-Thượng ta đã có ban-hành Chỉ-dụ, lời dụ quí-báu ấy cốt muốn vãn-hồi dân-phong mà cải-lương tệ-tục ở chốn hương-thôn, quốc-dân ta phải nên theo đường kiệm-ước mà bỏ thói xa-hoa đi mới là phải. Đức Khổng-phu-tử có nói rằng : « Lễ dữ kỳ xa giả ninh kiệm, tang dữ kỳ dị giả ninh thích » (禮與其奢也寧儉喪與其易也寧戚), nghĩa là việc tế-lễ mà xa-xỉ quá, thà rằng kiệm-ước hơn, việc tang ma mà trang-hoàng sắm-sửa quá, thà rằng thương-xót hơn, ấy cái nền kiệm-ước, cái lòng ai-thích, chính là căn bản lễ tang-tế; nếu chỉ đua nhau trục-mạt, tập-thượng phù-hoa, không những là không hợp-lễ mà lại trái cả pháp-luật nữa, quốc-dân ta há chẳng nên tỉnh giấc mơ-màng mà cách-trừ tệ-tục đi hay sao ?

Trong các điều hương-tục trên này, cũng là theo thói dân mà phác-định ra như thế vậy, nhưng cốt tại các viên tộc-biểu ở trong dân, lưu-tâm mà chấn-chỉnh lấy dân-phong, chớ không nên tạ-thế cường-hào mà kết thành bè-đảng, cậy vai huynh-thứ mà đè nẹt con em, hoặc người thời việt quyền-hạn quá mà làm càn, hoặc người thời bỏ trách-nhiệm đi mà không giữ, như thế dẫu có cải-lương khoán-ước cũng như không vậy. *Thập-thất chi ấp, tất hữu trung tín*, tôi xin mong ở các viên tộc-biểu các làng !

Đông-châu
NGUYỄN HỮU-TIẾN
Lạm-nghĩ

* * *

MỤC-LỤC CÁC ĐIỀU-KHOẢN TRONG TẬP HƯƠNG-ƯỚC TRÊN

— Lời biện-nguyên

CHƯƠNG THỨ NHẤT . — **Hương-chính**

THIÊN I.— Tộc-biểu

Khoản 1. Thể-lệ bầu-cử tộc-biểu
» 2. Làm đơn bầu-cử
» 3. Lập thành Hội-đồng tộc-biểu
» 4. Hội-đồng tộc-biểu đầu-phiếu bảo-cử chánh phó-hương-nghị
» 5. Chấm danh-sách bảo-cử
» 6. Chánh-tổng hay phó-tổng giám-bầu
» 7. Danh-dự tiên-chỉ
» 8. Quyền-chức của ông danh-dự tiên-chỉ
» 9. Trách-nhiệm ông chánh phó-hương-nghị
» 10. Trách-nhiệm thư-ký
» 11. Trách-nhiệm thủ-quĩ
» 12. Trách-nhiệm kiểm-sát
» 13. Tài-chính nghị-viên
» 14. Học-chính nghị-viên
» 15. Vệ-sinh nghị-viên
» 16. Cảnh-sát nghị-viên
» 17. Nông-nghị-viên
» 18. Công-nghị-viên
» 19. Thương-nghị-viên
» 20. Tiền cấp cho thư-ký, thủ-quĩ
» 21. Niên-hạn
» 22. Đại-hội-đồng
» 23. Hội-đồng thường-kỳ
» 24. Hội-đồng qui-chế
» 25. Đàu thư-quĩ
» 26. Kỳ bảo-cử hội-đồng trị-sự
» 27. Xưng-hiệu
» 28. Tưởng-khuyến
» 29. Làm sổ chi-thu

Mẫu 1· Sổ chi-thu nhật-ký và bìa
» 2· Sổ tổng-kết hàng tháng
» 3· Giấy biên-lai tiền
» 4· Giấy măng-đa
» 5· Giấy nộp tiền sương-túc
» 6· Giấy thu thóc nghĩa-sương
» 7· Sổ thu thóc nghĩa-sương
» 8· Sổ phát thóc nghĩa-sương
Mẫu 9· Sổ lĩnh thải nghĩa-sương
» 30. Bầu-cử lý phó
» 31. Thí dụ cách tả-đơn
» 32. Thí-dụ cách rút thăm
» 33. Trách-nhiệm lý-trưởng
» 34. Tiền cấp cho lý-trưởng
» 35. Bổ thuế
» 36. Tiền lộ-phí
» 37. Trách-nhiệm phó-lý
» 38. Trách-nhiệm cảnh-sát
» 39. Thay tuần
» 40. Nộp tiền tuần
» 41. Thu tiền sương-túc
» 42. Thu tiền kiến-ốc và trâu bò
» 43. Lương tuần
» 44. Luật thưởng phạt hàng tuần
» 45. Đánh cướp
» 46. Tu-bồi đường-sá
» 47. Lập nhà học
» 48. Qui-thức lập trường
» 49. Học-điền
» 50. Duyệt-thư-phòng
» 51. Tuyên-báo-kỳ
» 52. Từ-thiện-hội
» 53. Ấu-trĩ-viên
» 54. Sở y-tế

THIÊN II. — Nghĩa-xương

Khoản 55. Điều-ước nghĩa-sương
» 56. Các viên-chức nghĩa-sương
» 57. Kỳ thu thóc
» 58. Hạn số thóc chứa
» 59. Tiền tạp-phí
» 60. Hạn số chi phát
» 61. Kiểm-soát
» 62. Thóc bù hao
» 63. Cho vay hóc
» 64. Người bảo-lãnh
» 65. Thóc lãi
» 66. Thóc hoa-hồng
» 67. Cho mượn thóc
» 68. Định kỳ bán thóc
» 69. Thóc lưu lại
» 70. Cách chừng-giới
» 71. Cách tưởng-khuyến

Khoản 72. Cách báo-thưởng
» 73. Cách nghiêm-phạt
» 74. Lập bia kỷ-niệm
» 75. Tu-lý đình-vũ
» 76. Làm sổ công-tư-điền-thổ
» 77. Cho đấu-trưng công-dân điền-thổ
» 78. Biên sổ sinh tử giá thú

Thiên III. — Vệ-sinh chung

Khoản 79. Sở quét dọn
» 80. Đào hố đổ rác
» 81. Lấp các hồ rãnh bẩn-thỉu
» 82. Quét vôi
» 83. Xây giếng nước ăn
» 84. Lập nghĩa-địa chung
» 85. Bệnh truyền-nhiễm
» 86. Thú-vật chết
» 87. Nghiêm-cấm trộm cướp, cờ bạc, rượu lậu và thuốc phiện
» 88. Đấu-ẩu tạp tụng
» 89. Cấm chỉ dâm-phong
» 90. Vu-cổ tà-thuật
» 91. Lăng-mạ tôn-trưởng

CHƯƠNG THỨ HAI. — **Hương-tục**

Thiên IV. — Việc giá thú

Khoản 92. Niên-hạn cưới
» 93. Sính-lễ (có Kính-lục Chỉ-dụ)
» 94. Tiền lan-nhai

Thiên V. — Việc tang-ma

» 95. Hạn ngày cất đám
» 96. Đãi người điếu-táng
» 97. Phát-dẫn
» 98. Tiền nộp lệ

Khoản 99. Lệ đưa đám
» 100. Lễ phúng
» 101. Lễ tế
» 102. Cát-táng
» 103. Ký-táng

Thiên VI. — Lệ bàn ngôi-thứ và khao-vọng
» 104. Ngôi hương-ẩm
» 105. Nhiêu-nam
» 106. Ngôi tư-văn
» 107. Nộp tiền khao-vọng
» 108. Vọng-lão
» 109. Lệ mừng thọ
» 110. Vọng vào ngôi quan-viên chức-sắc
» 111. Lễ mừng
» 112. Lệ thế linh
» 113. Người tùng-sự
» 114. Ngôi linh

Thiên VII. — Việc tế lễ

Khoản 115. Xuân thu nhị-tế
» 116. Lễ yết lễ tạ
» 117. Lệ vào đám
» 118. Giáp đang-cai
» 119. Chủ-tế và bồi-tế
» 120. Lệ cắt đi rước
» 121. Tế-lễ phẩm-vật
» 122. Tế-nghi
» 123. Các tiết kỵ-đảo và ngày kỵ-thần sinh-hóa
» 124. Trung-đình vị-thứ
» 125. Yến-ẩm phân biếu
» 126. Thi-hành khoán-ước
» 127. Vi-ân khoán-ước.
— Lời tổng-kết

HÀNH-TRÌNH MẠN NGƯỢC

TỪ CAO-BẰNG XUỐNG PHÚ-THỌ

Ở vào thời-đại não dữ não tranh này, muốn cho mở-mang trí-tuệ, rộng cách sinh-nhai, thời cần phải lịch-duyệt giang-hồ mới được. Thời bây giờ thủy-lục giao-thông, dù đi đến đâu nữa cũng chỉ mượn những xe hơi tầu thủy, để tiêu-dao mà thưởng-ngoạn cảnh giang-sơn ; thật là một cái thời-buổi năm châu rút đất, muôn dặm một nhà, không có gì làm trở-lực cho sự du-

lịch người ta hết thảy. Làm trai hai mắt ở đời, tuyết sương phải nhuộm lấy mầu quan-san ; có lẽ đâu lại cứ quanh-quất ở chốn thôn-quê, không dám ra khỏi hộ-đình lấy năm ba bước. Bây giờ người ta đi khắp hoàn-cầu, cũng cho làm sự thường hết cả. Huống-chi là cùng trong bang-vực, vẫn nước non nhà, mà ta há lại chẳng nên đi cho biết đây biết đó hay sao ? Nhưng mà đi đã lâu ngày, bên trời thăm-thẳm, dễ ai là không giấc mộng đình-vi ; khi đi thời nhớ cảnh hương-quan, cũng là thường-tình của người ta vậy.

Ký - giả dẫu chưa lấy gì làm lịch-duyệt cho nhiều, nhưng đã từng vượt biển ra khơi, chèo quế lênh-đênh làn sóng biếc ; cũng có lúc lên đèo xuống giốc, roi câu giong-ruổi quẫng rừng xanh ; tiếng rằng trông vời trời biển mênh-mông, chút gánh bồng-tang, vẫn chưa hả tấm lòng du-tử ; — nhưng đàng đi non nước đã nhiều, thời lòng nhớ quê-hương càng nặng. Mây che Tần-lĩnh, tuyết rủ Lam-quan, lúc thâm-canh đọc truyện Triều-châu, thêm nhớ người xưa nơi đất khách. Trải mùi non nước, mà đến khi trở gót ra về, lại trông thấy nhân-dân thành-quách, y-quan văn-vật ở chốn trung-châu, thời lòng mừng-rỡ kể sao cho xiết.

Tháng Octobre 1920 vừa rồi, ký-giả mới ở Cao-bằng đổi về Phú-thọ. Ra về tự hôm 23 Décembre, đến hôm 26 thì tới nơi. Trong 4 hôm trời, từ mạn ngược về đàng xuôi, lịch-duyệt không biết bao nhiêu là cảnh-trí : nào núi cao rừng rậm, vực thẳm hang sâu ; nào khoáng-dã bình-nguyên, danh-lam cổ-miếu ; kìa nơi thành-thị, nọ chốn thôn-quê ; nước non này, phong-cảnh ấy, thực là cảnh rất nên thơ ; tưởng phải có cái tài cao, cái học rộng, cái con mắt tinh đời, cái tấc giạ như boa thêu gấm dệt, cái tay khiến ngòi bút như nước chảy mây bay, thời mới tả hết được cảnh thiên-nhiên của tạo-hóa, kỹ-xảo của nhân-công, thắng-tích của mấy trăm nghìn năm còn để lại. Nhưng tiếc thay, bỉ-nhân đây, bấy lâu lưu-lạc, chữ-nghĩa văn-chương, quá một nửa sao-nhãng đi ở nơi non xanh nước biếc ; mà muốn tả cho hết những cái quang-cảnh đi đàng ấy, tưởng cũng khó thay, rất khó thay ! Giận rằng chẳng có bộ máy chụp ảnh nào mà chụp cho hết con đàng nghìn dặm ấy, để làm kỷ-niệm buổi du-thì. Nhưng câu đó cũng chẳng qua là ảo-tưởng của khách si-tình, chớ mong như thế có bao giờ lại được. Vậy xin cứ sự thực viết ra đây để duyệt-giả chư-quân-tử nhàn-lãm.

Tang-tảng sáng hôm 23, các bạn rót chén thượng-mã-bôi, lúc bấy giờ hành-sắc song-mang, tôi mới khẩu-chiếm mấy câu để tự-biệt :

Một lời từ-giã cảnh san-lâm,
Giã nước Bằng-giang, giã núi Sầm.
Khi ở, khi đi tình những vướng,
Nửa mừng, nửa nhớ gia khôn cầm.
Nhớ khi buông ngựa miền lâm-mãng.
Nhớ cảnh rong thuyền buổi tối-tăm.
Tay cất chén đồng khôn nhắp cạn,
Nghĩ mình lại nghĩ khách tri-âm.

Từ-biệt xong mới bước chân lên ô-tô, thời trong lòng rất là bối-rối : ngại-ngùng một bước một xa, tiễn nhau nhớ khách quan-hà hôm nay !

Ô-tô dần - dần chạy nhanh lên, ngoảnh mặt lại không nhìn thấy thành-phố Cao-bằng, không trông thấy bằng-bối cũ với các học-sinh, thời trong lòng lại càng bối-rối hơn nữa : càng trông lại mà càng chẳng thấy, thấy xanh-xanh những mấy từng non !

Xe chạy càng mau, trông lại nước non cũ lại càng xa-tít. Lúc bấy giờ ngồi một mình nghĩ vơ nghĩ vẩn, nghĩ đến cảnh gió trăng sông Bằng-thủy, hoa cỏ đất Vườn-Cam, thời làm cho cái tư - tưởng mình nó hình như lớp-lớp sóng rồn, không thể nào

mà cầm cho được. Nghỉ xa thôi lại nghỉ gần, nhân mới ngâm mấy câu để tả-tình từ-biệt :

Đàng đi muôn dặm đã chồn,
Trăm nghìn gửi lạy nước non quê người.
Non xanh ở lại cùng ai ;
Già non già nước già người nước non!

Xe chạy đã xa-vời, nhân mới tạm bỏ qua sự nghỉ-ngợi mà nhìn xem phong-cảnh, thời thấy núi sông như vẽ, cảnh-trí chiều người, rõ ra một bức tranh thủy-mạc tự-nhiên của tạo-hóa. Về đông-tiết thời khí-hậu ở mạn ngược rất lạnh-lùng, mà ngày hôm ấy đi xe được ấm-áp dễ chịu lắm. Mà sao vẫn nước non này, cũng phong - cảnh ấy, mà khi ra về thời trông thấy cái gì cũng là xinh là đẹp, khác hẳn với cái quang-cảnh khi mới đổi lên ; cả đến nghe tiếng chim kêu đỉnh núi cũng tưởng hình như nó mừng-rỡ mà chào-mừng khách qua đàng ; nước non vẫn nước non này, xưa sao ảm-đạm mà nay vui-vầy, tẻ-vui bởi tại lòng này !...

Khi đi qua dẫy núi ở Nậm-Nàng, lại sực nghỉ đến mới hôm nào cùng với một người đồng-sự, buông cương giong-ruổi, lúc nửa đêm qua ở quãng rừng này ; lại gặp lúc mây kéo mịt trời, mưa to gió lớn, cái cảnh phong-vũ trần-ai, hãy còn in rành-rành ở trong não-giới.

Lên đèo xuống giốc lần-lần, một xe trong cõi hồng-trần như bay, 9 giờ tới Đông-khê, nhìn xem những dân Thổ xúng-xính vòng tay vòng cổ, lại tưởng đến khi gieo cầu khi chuốc chén, bạn « lục-xao » [1] rất mực nước non này.

12 giờ trưa tới phủ Thất-khê, nghỉ-ngơi ở đấy có một nửa giờ rồi lại đi. Đến ngót 4 giờ chiều thời tới Đồng-đăng. Đến đấy vào nghỉ nhà một ông giáo, vừa uống cạn chén nước thời có hai người khách đến chơi, ông giáo Đồng-đăng mới giới-thiệu cho tôi biết đấy là các ông giáo ở Lạng-sơn. Cùng nhau chung cuộc gõ đầu, khi thân chẳng lọ là cầu mới thân : câu truyện đàm-tâm, dẫu nhất-kiến đã là tương-đắc lắm. Một lát ông chủ giây-thép đến chơi, mời chúng tôi đến nhà ăn vẫn - thiện. Cơm xong chúng tôi lại cùng nhau tản - bộ, ngắm lại cảnh - trí ở nơi nước biếc non xanh một lần nữa, rồi cùng về nghỉ ở nhà ông giáo. Về đến nơi có được tiếp truyện ông châu với mấy người tòng-sự ở đấy, nói truyện khuya lắm mới đi nghỉ.

9 giờ rưỡi sớm mai là ngày hôm 24, thời tôi với hai ông giáo Lạng-sơn cùng lên xe lửa, đến ga tỉnh Lạng, hai ông giáo cố mời tôi xuống để về chơi nhà Phạm-quân là bạn đồng-song cũ của tôi. Tới tỉnh Lạng thời có các ông giáo với nhiều những ông tòng - sự tỉnh này, cũng có đến chơi nói truyện cả. Tôi rất lấy làm cám ơn các ông ấy đã có lòng ân-cần mà đến thăm tôi, là một người khách qua đàng chưa từng quen biết.

Nghỉ-ngơi một lát, 1 giờ chiều hôm ấy đi ngoạn cảnh Tam-thanh. Buổi đi hôm ấy có đủ mặt các ông giáo trường Lạng - sơn, ông Châu - giáo Đồng-đăng cùng với một bọn thiếu-niên học-sinh, mỗi cậu học-sinh tay cầm một bó đuốc : thực là một cái cảnh « đồng-tử ngũ lục nhân, quán-giả lục thất nhân », phảng-phất như khí-tượng đối-thời hành-lạc của cụ Tăng-Điểm khi xưa vậy. Khi qua cầu Kỳ-lừa, thấy một con hổ bằng đá ở giữa sông, tục truyền đấy là con hổ để trở khách sang đò. Cho hay cảnh-trí dị-kỳ, sơn-quân mà cũng có khi chở người !

(1) *Lục-xao* là con gái thổ.

Đi độ ngót hai ky-lô-mét thời tới động. Thoạt-tiên tới động Nhất-Thanh. Trong động có thờ Tam-giáo, bàn thờ ở trên một cái tảng đá rất thiên-nhiên. Động ấy tuy không lấy gì làm rộng-rãi cho lắm, nhưng cảnh-trí lạ-lùng, từng đá chon-von, trông rất ngoạn-mục : an-bài một cảnh san-khê, nhìn xem phong-cảnh có bề thanh-thanh. Tên động gọi là Thanh, thực phải lắm.

Rồi vào xem động Nhị-Thanh. Trước động có đề chữ « Duyệt-quân-đình », là chỗ các quan Triều-đình khi xưa tập quân ở đấy, đứng nơi cửa động, hãy còn như văng - vẳng nghe thấy tiếng « ầm-ầm trống trận, rập-rình nhạc quân.» Ở' trong động thời bốn bề tuyền là chất đá trắng tinh, nào thạch-bàn, nào thạch-nhũ, nào hình nhân-vật, nào hình hổ-báo, nào hình hoa-cỏ, tuyền bằng chất đá rất tinh sạch cả. Ở' trong động có tạc hình cụ Ngọ-phong Ngô Thời-Sĩ là quan trấn-thủ ở Lạng-sơn về Lê-triều khi trước. Cụ là một bậc gồm cả đạo-đức, văn-học, chính-trị, đã nổi danh sử-học ở nước Nam ta, thực là một bậc tuyệt-đỉnh nhân-vật vậy. Khen thay cụ đã chọn một nơi cảnh-trí rất thanh-cao mà cụ ngồi lên ở đấy; in hình cụ ở đấy không những là in cái chân-dung bồn-tướng của cụ ra, mà thực là in hết cả cái tâm-sự của cụ, cái tính-tình tư-cách của cụ nữa. Cái chân-dung bồn-tướng của cụ, cái tâm-sự của cụ, cái tính-tình tư-cách của cụ, cái tài sử-học có thể so-sánh với Mã-sử Lân-kinh của cụ, cái tài chính-trị thi-thố ra khi ở triều-đường, khi ở biên-cương của cụ, thực đáng cùng với non sông này không bao giờ mai - một đi được : còn trời còn nước còn non, ngàn thu ghi nhớ hãy còn danh thơm. Xem tượng của cụ thực đáng làm cho người ta khởi lòng kính - mến, lại nhớ đến một bậc lão-thần trọng-vọng, văn-học trước-danh, tưởng hình như cái anh-linh của cụ hãy còn phảng-phất đâu ở nơi san-thanh thủy-tú, ở nơi bắc-quan tỏa-thược này vậy. Nhìn thắng-tích ở một nơi danh-động, xem chân-dung của một bậc danh-nhân, có thể làm cho mình phát-hiện ra những tư-tưởng thanh-cao, quên bẵng mọi truyện ở trong trần-gian tục-lụy.

Lại nhình đến tượng của quan Emmérich là chánh công-sứ ở Lạng-sơn khi trước. Rõ thực đường-đường một đứng danh-thần, trị-an đủ chước kinh-luân gồm tài. Vẻ dung-quang còn ghi tạc với non sông, thực đã làm cho người Nam ta nhớ-mến không bao giờ quên được vậy. Sách có chữ « Tây-phương bỉ mĩ » (西方彼美), tưởng nên đề ra đây để tỏ rõ một bậc qui-quan danh-vọng như ngài.

Xem ở ngoài rồi, dần - dần đi vào trong thời tối lắm, bấy giờ phải thắp đuốc lên ; tưng-bừng ngọn đuốc như sao, sáng soi cho tỏ lối vào thiên-thai. Đi vào trong thấy nước khe trong vắt, hai bên đá tuyền là sắc trắng, khi lên cao khi xuống thấp, càng đi vào càng lấy làm vui-thích lắm, lòng thơ lai-láng bồi-hồi, quên mình trần-tục hay người bồng-lai. Có một chỗ bàn đá đẹp-đẽ và nhẵn lắm, ở trên có chữ đề là chỗ cụ Ngô Ngọ-Phong cùng với khách uống rượu ở đấy, thi tửu ở chỗ này, thật là tiên-cách lắm. Rõ thực :

Rượu vui có bạn càng vui,
Dưới trần mấy kẻ biết mùi đào-nguyên!
Núi khe vui thú thiên-nhiên,
Dễ ai được cảnh lâm-tuyền này chăng ?

Ở' gần đấy có hòn đá thành hình cái giếng con, lúc nào cũng đầy nước mà nước trong như lọc, tương-truyền là nơi tiên-tỉnh, cụ Ngọ-phong khi uống rượu xong thời rửa tay ở đấy. Ở' trong đời có ba cái không biến mất là : lập-đức, lập-công, lập-ngôn ; như cụ Ngọ-phong thời gần kiêm được cả ba bậc

ấy, cho nên không những cái chân-dung của cụ còn lại, mà cả đến bàn đá cụ uống rượu, giếng nước cụ rửa tay, cũng còn lưu-truyền ở bia miệng người đời mãi mãi.

Trong động này các bậc danh-nhân tài-tử, đề-vịnh cũng nhiều, có một bài phú khắc vào đá, nhưng nét mực lờ-mờ, trông không rõ chữ.

Chơi động Nhị-thanh, vào một lối đến lúc ra lại một lối khác. Rồi lại vào động Tam-thanh, đằng trước động có non Tô-thị, Vọng-phu-thạch tức là chốn ấy. Thấy phong-cảnh đẹp, nhân mới ngâm rằng :

Giạo chơi qua núi Nàng Tô,
Nhìn xem một bức dư-đồ như tranh.
Khen thay non nước hữu-tình,
Liền nhau một giải Tam-thanh động [trời.

Trong động có bàn thờ Phật, nhưng tuyền là nhân-công xây-đắp nên cả. Ở gần cửa động có một cái bia khắc thơ của đức Kim-Thượng tạ khi ngự-giá bắc-tuần, và một cái bia khắc thơ của hai bậc hộ-giá đại-thần là cụ Phù-Quang-Bá và cụ Ninh-Lãng-Nam. Các bài thơ ấy xin dịch ra đây :

I

Thơ Ngự-chế

寒山深處電輿來
Xe điện lần theo khoảng núi xanh,
路指三青陟彼嵬
Từng-từng giạo bước tới Tam-thanh.
峒隔雲扃標樂土
Vui miền lạc-thổ mây san-động,
石穿風竅達天台
Trỏ nẻo non Thai gió thạch-bình.
岩連疊景鍾奇勝
Non nọ phô-bầy bao cảnh-trí,
寺傍叢凹巧築培
Chùa kia xây đắp mấy công-trình.
車轍甫經周覽跡
Giấu xe từng trải du-quan khắp,
大明安忍後陰崖
Hang tối rầy soi đuốc đại-minh.

II

Thơ của cụ Phù-Quang-Bá

天排勝景迓宸遊
Cảnh lạ bầy nên đón Cửu-trùng,
山水奇觀峒裏收
Động đào đủ hết vẻ non sông.
賦刻二青留古筆
Nhị-Thanh mực cũ ghi nghìn thủa,
祠開三教憶前修
Tam-giáo đền xưa trải mấy đông.
珠如探窟猶藏頷
Ngậm miệng, châu chưa phun đấy tá?
石若能言爲點頭
Gật đầu, đá biết nói hay không?
更喜文明際會闓
Mừng nay gặp buổi văn-minh mới,
登臨韻事足千秋
Mà cảnh đăng-lâm khéo lạ-lùng!

III

Thơ của cụ Ninh-Lãng-Nam

三青山水自青青
Non nước Tam-Thanh một sắc xanh,
扈鸞登臨此日經
Mừng theo Ngự-giá buổi du-hành.
豪傑聲名留峒口
Động đào còn nức danh hào-kiệt,
太平景象遍岩扃
Non thắm dường phô cảnh thái-bình.

有 懷 岳 降 多 生 佐
Nhạc-giáng mơ-màng người quốc-sĩ,
正 喜 嵩 呼 共 効 靈
Tung-hô văng-vẳng tiếng sơn-linh.
鄉 國 千 年 新 韻 事
Cảnh vui dường ấy, giang sơn ấy ;
可 無 一 語 石 閭 銘
Tạc đá vài câu giãi chút tình.

Nước non như vậy, lại thêm được những lời vàng-ngọc trong thơ Ngự-chế, những bài đề-vịnh của bậc đại-thần, thực đủ làm cho nơi danh-thắng thêm vẻ-vang ra vậy.

Đi quá vào trong thấy nhiều những kỳ-hình dị-trạng, kể không xiết được.

Có một chỗ gọi là « hang rồng ấp », tức là con rồng bằng đá nằm ở trong hang. Đi cùng mãi vào trong đến một chỗ gọi là « lối lên trời », phải chèo lên năm bảy bậc cheo-leo quá, bước lên một bước một cao, đến lúc lên đến tuyệt-đỉnh tức là chỗ cửa động thông ra ngoài, đứng ở đấy có thể trông thấy phố xá Lạng-sơn với lại đồng-điền mông-mênh ở chung-quanh nữa. Sách có chữ : « bất đạp kỳ-sơn thiên vạn trùng, văn-chương vị năng miễn tục.» (不踏奇山千萬重,文章未能免俗), nghĩa là : ngàn trùng chưa chải nước non, nghề văn dù tập vẫn còn chưa tinh. Tưởng cái cảnh đăng-lâm cũng là trợ-lực cho bút mực làng văn vậy.

Xem xong ba động rồi lại vào xem một cái động nữa, tục gọi là « hang Bánh-tây »; động này chừng là tên mới đặt ra. Cửa động tuy không to, nhưng đi vào trong thời rộng-rãi lắm, có đủ cả thạch-nhũ thạch-bàn, quang - cảnh ở trong trông cũng đẹp.

Khi ở động ra, lại đến xem thành nhà Mạc. Thành ấy ở vào giữa hai quả núi, hai mặt thời lấy núi làm thành, chỉ phải xây có hai mặt, thành này xem ra có vẻ hùng-cường, Tiếng rằng trải bao phen vật đổi sao dời, mà nền cũ còn đây, khách bằng-điếu xiết bao lòng khái-tưởng !

Đứng ở mặt thành, trông trời đã ngả bóng; cùng nhau vội kíp dời chân, Kỳ-lừa trở nẻo buồng văn ra về. Gió trăng lưng túi đề-huề, thỏa tình thưởng-ngoạn núi khe hôm này. Về tới nhà thời mặt trời gác núi, chiêng đà thu không. Cơm nước xong lại còn nói truyện khuya lắm mới đi nghỉ, vì rằng anh em đồng-học, mà bấy lâu nam bắc đàng xa, nên lời tan-hợp, truyện riêng tây, dẫu nói đến suốt năm canh vẫn còn chưa chán.

Vì nhà Phạm-quân ở xa nơi hỏa-xa-điếm, mà xe tay ở gần đấy thời không có, nên sáng hôm sau (là ngày 25) khi 4 giờ rưỡi đã phải ra đi. Lúc bấy giờ vừng trăng còn tỏ, mà gió thổi hắt-hiu, sương sa chật đất; lại cám-thương cho cái thân mang sao dội tuyết, giãi gió giầu sương, cũng chỉ vì chút lòng danh-lợi. Đến gần 6 giờ, từ-giã bạn rồi lên xe lửa, được gặp người phán-sự ở Lạng-sơn xin phép về, người ấy đã từng phen sang bên Quí-quốc, ngồi nói truyện những hành-trình ngoài bể với phong-cảnh Âu-tây, trong khi ngồi xe-lửa cũng rộng thêm kiến-văn được một chút. Đến gần Phủ-lạng trông thấy những cánh đồng rộng mông-mênh, lại hồi-tưởng đến cảnh ở nơi nước biếc non xanh, thời chan-chứa không biết bao nhiêu là cảm-tình :

Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu-lạc lại nhiều gian-truân.
Người xa, xa đã về gần,
Bõ lòng tưởng nhớ từ phần bấy lâu.

Từ Phủ-lạng trở về đến ga nào cũng gặp-gỡ nhiều những anh em quen biết, gặp nhau mừng-rỡ trăm bề, mừng người xa-cách đã về gần đây.

Qua cầu Giốc-gạch, tới ga Hàng-cỏ, bước chân xuống thành-phố Hà-nội, lại nghĩ đến cái cảnh mấy năm học-tập, đi về này những lối này năm xưa, thời cái cảm-tình lại càng lai-láng, không biết thế nào mà tả ra cho được nữa. Xe đi từtừ trong các phố, mình ở xa-xôi về tưởng như một nơi cực-lạc vậy : bấy chầy non nước xa khơi, thẹn mình đường ngược lạ người phồn-hoa !

6 giờ chiều hôm ấy lại dự tiệc tại hàng cơm tây, tiệc hôm ấy có nhiều những anh em cùng làm giáo-chức. Đến quá 8 giờ đến rạp hát. Xem những con hát đứng nơi sân khấu, trông những vẻ yêu-kiều non-nớt, nghe những giọng thánh-thót nỉ-non, lại nghĩ đến khi ở thượng - du thời không bao giờ có cái quang-cảnh ấy.

Sớm mai là ngày 26 lại lên xe lửa ngược Phú-thọ. Đến Vĩnh-yên thời xuống xe, vào chơi nhà một người bạn. Vừa tới nơi thời lại gặp một ông giáo ở trường Phú-thọ cũng đến chơi, thật là duyên hội-ngộ may-mắn lắm. Chơi Vĩnh-yên đến gần 4 giờ chiều, thời tôi với ông giáo ấy lại cùng lên xe lửa. Vì nghỉ lễ sinh-nhật đến ngày hôm ấy là hết hạn, nên trong chuyến xe lửa ấy được gặp nhiều những nam-nữ giáo-viên cùng các ông tòng-sự ở Việt-ri, Phú-thọ và Yên-bái, trong một chuyến xe mà nên quen hết cả. Đến 5 giờ rưỡi thời tới Phú-thọ. Tỉnh này tuy là mới mở ra, nhưng trên bến dưới thuyền, cảnh cũng sầm - uất. Trong tỉnh-hạt có đền Hùng núi Thắm, cũng là những nơi danh-thắng đã có tiếng. Việc thương-mại, việc kỹ-nghệ, tuy chưa được mở-mang cho mấy, nhưng nhờ có các quan cai-trị hết sức khoáng-trương, chắc mai ngày cũng thành một nơi phồn-phú.

Nghĩ mình chìm nổi bấy lâu, non nước chồn chân, phong-trần rát mặt, nay đã được về nơi Trung-châu gần-gũi, lại sực nghĩ đến cảnh-trí Cao-bằng khi trước, bao nhiêu tình xưa nghĩa cũ, hãy còn như phảng-phất giấc chiêm-bao.

Tranh niềm nhớ cảnh quan-hà,
Hành-trình ký-sự gọi là làm ghi.

Thái-Phong Vũ Khắc-Tiệp
Huấn-đạo trường Pháp-Việt Phú-thọ

TÙNG-ĐÀM

I

ĐẠO VỆ-SINH TRONG XÃ-HỘI

Trời đã phú-dữ cái sinh-mệnh cho một vật nào, tất cũng phú-dữ cho đủ trí-thức, tài-năng mà giữ-gìn lấy cái sinh-mệnh đó. Cho nên con thú biết đào hang, con chim biết làm tổ, biết kiếm của nuôi mình được mà ăn, biết tìm nơi yên thân được mà ở ; lại còn biết khí-hậu, biết nắng mưa, như thế gọi là thiên-nhiên vệ-sinh, ở giống vật cũng như giống người ta vậy.

Duy sinh-mệnh người ta có hai phần : một là phần hình-thể, hai là phần tinh-thần ; hình-thể thuộc về vận-động, tinh-thần thuộc về trí-thức; vận-động cho khỏe mạnh, trí-thức cho khai-thông, cả hai phần ấy đều được tốt-tươi, thời sinh-mệnh người ta mới được trọn-vẹn. Ấy các nước văn-minh đều chú-ý về đạo vệ-sinh là vì thế. Như nước uống phải cho lành sạch,

đồ ăn phải có tư-bổ, không-khí phải cho trong, ánh sáng phải cho đủ, khí-hậu cho được ôn-hòa, vận-động cần có điều-độ, là những điều thiên-nhiên vệ-sinh thuộc về hình-thể. Đến như tinh-thần vệ-sinh : trí-thức muốn cho ngày một khai-thông, chủng-loại muốn cho ngày một tiến-hóa, lại là những điều có học mới biết, có tập mới hay, sở-dĩ loài người khác với loài vật, văn-minh khác vời dã-man là tại thế.

Nước ta gây-dựng tự hơn bốn nghìn năm đến giờ, sinh-tụ ngày càng đông, thế-lực ngày càng mạnh ; nếu không có vệ-sinh, tất đã gầy-còm tiêu-duyệt từ đời nào, có đâu đã nên một nước văn-hiến, đất rộng dân nhiều, rực-rỡ ở trong cõi Đông-Dương như ngày nay. Song cứ trông xa trông gần, ngẫm đi ngẫm lại, sự tiến-hóa mình hãy còn trì-trệ, chủng-loại mình hãy còn yếu-hèn. Đến đâu có đoàn-thể đấy, tình liên-lạc mình không bằng người Tàu ; ba mươi năm duy-tân, chí tiến-thủ mình không bằng người Nhật ; có gan tự-cường tự-lập mình không bằng người Xiêm ; có nết thành-thực giữ phép mình không bằng người Ấn. Xét ra cho kỹ cũng vì mình biết vệ-sinh hình-thể mà chưa biết vệ-sinh tinh-thần. Nay lược bày mấy cái thông-bệnh thiển-cận như sau này, thời biết kết-quả có di-hại đến toàn-thể. Nếu không khảo-cầu được phép vệ-sinh đặc-biệt nào, chưa dễ mà cứu được cái bệnh di-truyền cho xã-hội.

1° là không biết bảo-hộ đầu-não

Đầu-não là chốn thần-minh tụ-hội, trí-thức người ta đều ở đấy mà ra. Thế mà người ta không bảo-hộ đầu-não. Nhất là đàn-bà ở miền Nam-hạ có thói quen lấy đầu đội nặng : có người đội hai ba thúng gạo chồng lên làm một, cân được năm sáu yến nặng. Đàn ông nhà quê hay cạo đầu chọc, đi làm ở ngoài nắng, không nón cũng không khăn. Gân óc là một chất non và yếu, đã phải nặng đè nắng nẫu mất dần cái tính cảm-giác đi. Những người đã không có hiệu-dụng về tinh-thần, tự-nhiên sản-dục ra những giống ngu và xuẩn.

2° là giá-thú sinh-dục sớm quá

Con trai con gái trong hai mươi tuổi hãy còn là đồng-niên, khí-huyết chưa được sung-thịnh, dù có sinh-dục cũng không được những giống mạnh-khỏe. Người ta có thói quen lấy vợ gả chồng cho con sớm quá. Có nhà con lên 10 tuổi đã có nàng dâu, lấy nê là lấy dâu sớm để dạy bảo cho quen. Có nhà con trẻ 14, 15 tuổi đã sinh con, lấy nê là sớm có cháu có chắt là hạnh-phúc trong gia-đình. Biết đâu là cây bói sớm là giống quả còn non, và con cháu nhiều mà giáo-dục không đủ lại là một cái hại lớn trong gia-đình. Người ta hôn-giá sớm lại sớm phải gánh vác một cái gia-đình, nhân thế mà phế-nghiệp cũng nhiều, nhân-thế mà yểu-triết bệnh-tật cũng lắm.

3° là lớn bé tập điều giả-dối

Óc người ta như một tờ giấy trắng, đã in vào một mầu gì không còn phai ra được nữa. Xã-hội ngày nay là một cái xã-hội giả-dối, người tiêm-nhiễm trong một đời giả-dối có ra người chân-chính được chăng ? Lúc còn nhỏ đi học đọc những truyện hoang-đường, lúc đã lớn ra ngoài giao-tế những lối hàng chợ, văn-chương thù-tạc chẳng qua những việc sức-nguỵ. Lại còn ông sư bà cốt, thày-bói thày-bùa, gặp ai cũng là kẻ săn người, cửa thế cửa quyền, tiệm chơi tiệm bạc, đến đâu cũng là nơi bẫy người. Nói tóm lại, quá nửa phần người trong nước cứ lập những nghề giả-dối mà kiếm ăn. Có còn người nào ngay-thật cũng phải rác máu đục sương còn mong cho tạo thành một bọn quốc-lưu chân-chính làm sao được.

4° là sửa phạt hay dùng roi-vọt

Hình-phạt là đồ giúp việc giáo-dục, không có cũng không được. Song lạm-dụng rot-vọt thực đã làm cho tiêu-duyệt cái tinh-thần người ta đi. Một đời người lúc nhỏ đi học ông thày dùng roi-vọt làm học-qui, lúc ở nhà cha anh dùng roi-vọt làm gia-pháp. Thường thấy trong một trường học thày đồ ngồi giữa, tay cầm cái roi-song thật dài. Nghe tiếng vi-vút luôn-luôn, con trẻ ngồi chung quanh vừa quẫn-quại vừa học, như một đám bắt tà vậy. Cũng có nhà cha mẹ phũ-phàng, nhân cơn nóng giận, cứ đem con ra mà vùi-rập. Chỉ biết thế là thỏa cái quyền-pháp mình, không nghĩ đến cái liêm-sỉ cha con, cũng nhân thế mà thành cái ác-cảm trong luân-lý. Lại còn trong các nhà tổng-lý, các cửa nha-môn, nào túi roi tay thước, nào vồ nọc cùm kẹp, làm cho con em dân-sự những trông thấy cũng đã ghê thịt rùng mình, còn đâu là tinh-thần hoạt-bát, còn đâu là nhân-cách cao-thượng.

5° là thề-nguyền chửi-rủa

Trong gia-đình, trong làng xóm, những kẻ hạ-lưu, có gặp việc bất-bình với ai, quen dùng lời thề-nguyền, câu chửi-rủa. Đang lúc nồng-nàn hăng-hái, lại càng dùng những câu cùng-cực độc-ác, những tiếng cùng-cực ô-uế. Làm cho người ta nghe lắm quen tai, lâu lâu mất cả cái tính tu-sỉ. Người ta có nói : « Nam đạo nữ xướng » là điều tu-sỉ thứ nhất trong loài người. Thế mà trong xã-hội ta ngày nay kẻ cắp có phường, có chùm có trưởng, làm đĩ có thổ, có kẻ chứa, có người trương, không những là không cần giấu-giếm, lại còn minh-minh bạch-bạch khoa-diễu trước mặt mọi người ; xem thế thời biết cái tính tu-sỉ người mình còn hay là hết ! Suy-nguyên kỳ-cố, cũng là vì quen thói thề nguyền chửi-rủa đã dưỡng-thành ra một giống người mặt dạn mày dầy, thế-gian còn biết cái gì là cái xấu !

6° là hay tin mệnh-vận

«Lạc-thiên tri-mệnh», là đức tốt của người ta, là nói người ta phải biết phận mình không nên vọng-cầu phú-quí. Song người ta lại có thói quen mở miệng là nói đến hai chữ « nhờ Trời ». Bằng nhường lấy hết mọi sự ở đời bởi trời mà sinh ra, thời hết mọi sự rủi may cũng là tự trời giun-giủi. Học trò đi thi may mà đậu, ấy là nhờ trời ; không may mà hỏng, cũng không cho là nhân-sự. Kẻ đi buôn may mà có lãi, ấy là nhờ trời, không may mà lỗ, cũng không nhận là nhân-sự. Người táo-bạo, biết việc không nên làm cũng cứ làm, vì đã lấy hai chữ «nhờ trời» làm bảo-lĩnh ; kẻ dút-dát, biết việc nên làm cũng không dám làm, vì đã có mấy chữ « còn nhờ trời » mà hồ-nghi. Lớn từ việc nước, nhỏ đến việc nhà, lúc thịnh lúc suy, đều là nhờ mệnh-vận. Lúc đắc-ý thời ơn trời, lúc thất-ý lại oán trời, bấy giờ mới sinh ra đi bói đi khoa, đi cầu đi cúng, mơ-tưởng những sự họa-phúc trong mịt-mù ; trăm nghìn điều mê-hoặc đều bởi cái lý-tưởng ấy mà ra cả.

Ấy là những cái ác-tập phổ-thông, tiêm-nhiễm đã lâu vào trong trí trong óc người ta, đã thành ra thói quen trong xã-hội. Ai cũng đã công-nhận là quốc-tục, ai cũng đã công-nhận là tôn-giáo ; không ai dám xâm-phạm đến, không ai dám bàn-bạc đến. Dù nhờ Bảo-hộ Chính-phủ đã sửa bỏ cho được nhiều, mà cái ác-tập di-truyền đã lâu đã thành ra cố-tật. Tưởng không có một khoa vệ-sinh đặc-biệt, chưa dễ mà sửa-đổi cái óc cũ cho người ta đi được. Nếu cứ nay xuất quyền vệ-sinh này, mai ra phép vệ-sinh khác, chỉ chủ-ý về một phần hình-thể, mà không nói đến phần tinh-

thần, dù có sinh-tụ cho nhiều, cũng chỉ để làm trâu hay làm ngựa, có khỏe mạnh cho lắm, cũng chỉ đủ để cầy đất hay kéo xe. Chúng ta còn trông mong vào mấy nhà chuyên-môn về học vệ-sinh lưu-tâm mà thể-sát.

II

VIỆC HÀNH-LẠC Ở CHỐN NÔNG-THÔN

Người ta từ sáng đến tối lao-lao lục-lục, về việc doanh-sinh, phải có một đôi khi hành-lạc để an-ủy tâm-thần, để thư-xướng thân-thể ; không cứ kẻ giàu người nghèo, kẻ quí người tiện, ai cũng có tính-tình ấy, ai cũng có thị-dục ấy, ấy là lẽ đương-nhiên, mà cũng là đạo dưỡng-sinh của người ta phải như thế.

Hiện-trạng nước ta ngày nay, những nơi thành-thị, tập-tục văn-minh, theo thói xa-xỉ, nào xe ngựa lầu-đài, nào ca-trường hí-kịch, nào vàng ngọc gấm vóc cho sướng thân, nào tửu-quán trà-lâu cho thích khẩu, chợ ngày chưa chán lại còn chợ đêm ; tưởng cái thú hưởng-thụ của loài người đến thế đã là mĩ-mãn. Thế mà những chốn nông-thôn, còn đương chân lấm tay bùn, đầu tắt mặt tối, cùng ngày đến tối mưu-sinh chửa xong, còn biết cái gì là cái hành-lạc. Cũng vì người cùng của hiếm, sinh-kế gian-nan. Tức như mấy tỉnh trung-châu Bắc-kỳ triết-trung mỗi làng ước có 500 mẫu đất, đồng-niên sản-lợi, đủ nuôi nam đồng phụ lão được 1000 người ; tựu-trung hào-cường bao-chiếm, phú-hộ xâm-canh, một nhà 10 miệng ăn ước chỉ có 2, 3 sào đất. Lại còn sưu-thuế cấp-liễm, trăm mối chưng-cầu, năm được mùa vẫn có người chết đói là thế. Này thử đến một cái chợ nào mà xem thấy người đói khó rách rưới thời thật nhiều, còn kẻ no lành thì có mấy ; nay thử vào một làng nào mà xem, thấy nhà tranh vách đất thời có nhiều, còn nhà gạch cây mít thời thực ít. Lại thử ra khỏi thành-phố, về chốn nhà-quê, vô-luận già trẻ gái trai, gọi một người nào đến mà hỏi : « Việc làm-ăn của các ông các bà ở chốn nông-thôn có khá không ? Thú sinh-hoạt của các anh các chị ở chốn nhà-quê có vui không ? » Chắc là trăm miệng một lời : « Chúng tôi ở chốn điền-gian làm ăn vất-vả lắm, cả đời nào biết cái vui cái thú là gì. » Thật vậy, người nông-thôn đã khổ vì ăn kham uống khổ, lại khổ vì cuốc nắng cầy mưa, đã khổ vì kiến-văn hẹp-hòi, tai mắt bế-tắc, lại khổ vì tài hèn sức yếu, đàn-anh đè-làn ; trăm nghìn cái thống-khổ ở đời, một thân kẻ nông-dân chịu cả. Cũng có nơi có công-điền công-sản, nào trích ra làm của phụng-sự nhà thánh, làm tiền phụ-cấp lý-trưởng, làm tiền nuôi lính nuôi tráng, làm tiền cung-ứng việc quan. Còn đâu mà lo đến việc hành-lạc cho kẻ cùng-đinh hạ-hộ.

Có chăng những ngày tiệc-lễ, sự thần, hội chùa, tế tổ, trẻ già trai gái mới thấy ca-vũ hoan-hô ; hoặc có nhà ma-tray khao-vọng, chiếu ngôi hương-ẩm mới có chén rượu miếng phần. Thông-tính trong năm đã được mấy lần họp mặt. Thế mà gần đây cái phong-trào cải-lương đang muốn xô đẩy đi cho hết, muốn triết can lấy tiền, đem vào công-quĩ, muốn bóp mồm bóp họng mấy đứa đàn em để làm danh-dự cho kẻ có thế-lực.

Than ôi ! việc nông-tang là cái phú-nguyên trong nước, chốn hương-thôn là nơi cung-cấp ra kẻ nhân-tài, nay để cho nông-dân tinh-thần ngày một u-

uất, thể-lực ngày một tiêu-hao, thật là điều ẩn-ưu cho nước nhà, di-hại cho xã-hội.

Vả nông-dân đã mộ chốn thị-thành là vui-thú, đà lấy nghề-nghiệp khác làm an-nhàn, thế-tất tìm lối mà tán-cư đi các nơi, đua nhau mà đi làm thuê làm mướn nghề khác. Dù ở đâu cũng là quốc-dân, làm gì cũng là thực-nghiệp; song chỉ sợ chốn hương-thôn kẻ khỏe-mạnh lương-thiện đã lưu-tán mà đi bốn phương, còn kẻ ở lại lại là những người xấu-ác yếu-ớt, đà không hay yên phận cần-lao, lại sinh ra cờ-bạc trộm-cướp, có khi ruộng đất bỏ cho hoang-vu, phong-tục để cho đồi-tệ, hết mọi sự gian-tham khi-trá, tham-nhũng kiện-cáo, ăn hiếp kẻ yếu, làm hại người lành, trăm nghìn điều tệ cũng tự đó mà ra cả. Nay cứ đến từng làng, cứ thực điều-tra, dân làm ruộng có ít mà dân vô-sản-nghiệp thời thực nhiều, người sinh-lợi thời có ít mà người phân-lợi thời thực là nhiều. Như thế còn mong chấn-hưng nông-nghiệp, còn mong cải-lương hương-tục thế nào được nữa.

Hết mọi làng trong xứ ta là những làng làm ruộng, mà dân làm ruộng điêu-tàn đã làm nên cái nguyên-nhân cho mọi sự hủ-bại trong làng như thế; vậy muốn cải-lương hương-tục, trước phải cải-lương tinh-thần. Tinh-thần là gì? — Là phải duy-trì lấy sự hành-lạc.

Những ngày xuân-thu kỳ-phước, trai-thần yến-lão, là những ngày hành-lạc ở chốn nông-thôn : cấy cấy vừa xong, việc đồng đã vãn, cha con anh em, đỡ già giắt trẻ, thượng-hòa hạ-mục, họp mặt làm vui, trong việc tụ-lạc mà ngụ-ý tôn-thân, ấy là cái quốc-túy phải duy-trì là một. Còn những việc xôi lần cỗ lượt, xa-phí đua-tranh, đem của mồ hôi nước mắt cả năm, cung-cấp cho cả làng một bữa bô-suyết, lại còn nhân hứng-tửu sinh ra đánh nhau, nhân hơn thiệt sinh ra kiện-tụng, là cái lưu-tệ phải sửa đổi cho hết.

Những ngày tiệc-lệ có bày ra trò vè chèo hát, cũng là cách hành-lạc ở chốn nông-thôn ; đàn hát cho vui tai, áo siêm cho vui mắt, đem những sự trung-hiếu tiết-nghĩa đặt làm ca-dao, diễn ra kịch-bản, cho kẻ nông-dân càng dễ cảm-hóa, cuộc hành-lạc mà có ảnh-hưởng đến dân-phong, ấy là cái quốc-túy ta phải duy-trì là hai. Còn những tiếng dâm lời tục làm cho bại-hoại phong-hóa, trò gian thuật quỉ làm cho loạn-hoặc lòng người, đều có hại đến dân-phong, cũng phải bỏ đi cho hết.

Đến những việc ăn uống chính-đáng như ngày tiệc-lệ, ma-tray, khao vọng, tuyệt-đối không nên can-thiệp. Vì sự ăn-uống là sự hành-lạc thứ nhất của kẻ nông-dân. Người ta nói : « Một miếng giữa làng bằng sàng só bếp », nắm xôi miếng thịt, mà thực là cái danh-dự vị-vọng của người ta. Xưa Khổng-phu-tử bỏ Lỗ mà đi, cũng vì không có miếng thịt biếu, Mục-Sinh bỏ Sở mà đi cũng vì không có chén rượu lễ. Thánh-hiền vị lễ có khi cũng quí đến cái uống cái ăn là thế. Vả « hương-ẩm-tửu » vốn là cổ-lễ di-truyền đã lâu ; thánh-hiền cũng phải thuận nhân-tình mà chế lễ. Tức như cách văn-minh Âu-Mĩ bây giờ, những ngày hội-họp hoan-nghênh, cũng phải có tiệc trà tiệc rượu để liên-lạc nhân-tình, để phấn-sức lễ-mạo. Có lẽ nào việc ăn-uống ở người văn-minh là hay mà ở chỗ quê-mùa là dở ; ở nhà phú-quí thời nên duy-trì mà ở nhà nghèo hèn thời phải cấm-đoán. Dân nhà-quê cả đời những cà chua mắm mặn, có nơi ngô khoai cũng chưa đủ mà ăn, lọ là phải cải-lương, có khi không còn có gì ăn mà cải-lương được nữa. Có nhà hai anh em. Anh ở nhà quê làm ruộng, em đi ra tỉnh mà làm thuê. Ít lâu về nhà, anh em gặp nhau. Người em nói : « Tôi cũng muốn cho anh ra ở tỉnh cùng tôi.

Cách doanh-dưỡng các anh ở chốn nhà-quê, thực không bằng kẻ đi làm thuê ở kẻ chợ. » Lời nói này dù là thật-thà quá, mà chính vẽ ra cái tình-trạng và tâm-lý những kẻ nông-dân chúng ta ngày nay. Phàm kẻ có nhân-tâm phải nên chú-ý.

Tuy-nhiên, xã-hội ngày nay đang xu-hướng về đường văn-minh tiến-bộ, thời việc hành-lạc chốn nông-thôn cũng không nên hạn-định cứ theo lối cũ. Phải tùy thời-thế, thuận phong-trào. Nghĩa là có điều duy-trì quốc-túy, cũng có điều phải tham-thủ văn-minh, trong đạo dưỡng-sinh mà ngụ-ý giáo-dục. Khiến cho kẻ nông-dân cũng có ít nhiều trí-thức, để ứng-phó với mọi sự biến-đổi hiện-thời.

Những cách hành-lạc ở nơi thành-thị đã không thích-hợp cho chốn hương-thôn; vả chốn hương-thôn cũng không có tài-lực mà trù-biện cho được. Chỉ nên châm-chước tổn-ích cho hợp trình-độ kẻ nông-dân, vậy có hai cách thiết-thực như sau này :

1° là sở « Trần-thiết». Người nông-dân cả đời không đi đâu đến ngoài, học-vấn đã không, kiến-văn cũng ít, nhờ có sở Trần-thiết mà được xem sự tân-kỳ ở đời, đã vui con mắt lại mở trí khôn, thời khoái-lạc biết là dường nào. Sở trần-thiết phải chọn những đồ có quan-thiết đến việc nông-phố, việc kỹ-nghệ, các của sản-vật, các tranh phong-cảnh. Nếu không có thể sưu-cầu được đồ thực, cũng nên kiếm những họa-đồ tranh vẽ, chưng bày cho nhiều, cho dân làng đến xem và cắt người giảng-giải cho rõ.

2° là hội « Diễn-thuyết ». Mở trí người ta không gì bằng đọc sách và xem báo; song kẻ nông-dân ít có người biết chữ, lấy diễn-thuyết mà mở trí lại càng mau hơn. Lịch-sử, cách-trí, luân-lý, vệ-sinh, là những điều cần phải giảng đến ; còn pháp-luật trong nước, tân-văn mọi nơi, cách cải-lương về việc bón đất chọn giống, phép phòng-bị những bệnh truyền-nhiễm, chứng thì-khí, cũng phải đem vào những bài diễn-thuyết. Những bài tiểu-thuyết, luận-thuyết có quan-cảm đến nhân-tâm thế-đạo cũng nên lấy làm vật-liệu để thêm thú-hứng cho người nghe.

Sở trần-thiết phải là nơi đình chùa cho rộng-rãi, để tiện cho nhiều người vào ra. Hội diễn-thuyết phải là buổi tối, là lúc mọi người đều được thảnh-thơi. Làng nào nhỏ quá có thể hợp vài ba làng làm một sở, cứ luân thứ mà thi-hành, càng năng thay chỗ hội, năng đổi đồ bày, lại càng lạ mắt lạ tai mà không chán không nản.

Đồ trần-thiết bằng tranh bằng ảnh đã không tổn-phí gì cho làng, và cũng tiện cho những lúc thay đổi chỗ này sang chỗ khác. Còn những người tuyên-diễn, nên chọn những bậc hưu-quan, những nhà lão-nông, lão-thương, có kiến-thức, có kinh-nghiệm. Những nhà tân-học, những học-sinh cao-đẳng, tưởng ngày nay làng nào cũng có, cũng nên sinh làm trợ-diễn về những món tân-luận tân-văn.

Người nông-dân đã lấy chốn nông-thôn làm vui-vẻ ích-lợi, là nơi cha-truyền con nối, là nơi có chỗ ăn chốn ngồi, tự-nhiên sinh ra tấm lòng ái-luyến, đã ái-luyến thời phải hộ-trì, phải giữ-gìn cho làng mình càng ngày thêm thịnh-vượng mà bao nhiêu cái lòng tự-tư tự-lợi, cái tính tương-thương tương-tàn, tiêu-hóa ở trong vô-hình vô-ảnh. Bấy giờ mới nói đến việc cải-lương hương-tục được.

Nam-định NGUYỄN BÁ-HỌC

TIỂU-THUYẾT

I

TRUYỆN CHÀNG MAN-NÔNG HAY LÀ SỰ KHÔN-NGOAN CỦA NGƯỜI ĐỜI

(Hoạt-kê tiểu-thuyết dịch Pháp-văn)

Một ngày kia, chàng Man-nông lập cái mưu kỳ-khôi muốn làm một người rất mực đạo-đức ở đời. Kể ra thời người đời cũng không có mấy người là không có lúc mơ-tưởng sự điên-cuồng như thế. Vậy chàng Man-nông tự nghĩ trong bụng rằng : « Người ta hễ càng có đạo-đức thời càng được sung-sướng. Muốn được rất mực đạo-đức thời chỉ nên giữ cho trong lòng không có tham-dục gì ; cái đó thời ai cũng biết rằng không gì dễ bằng. Vậy tôi tự-nguyện rằng thứ nhất là không tư-tình với người đàn-bà nào ; vì hễ trông thấy người nào có nhan-sắc đẹp, thời tôi cứ nghĩ ngay trong bụng rằng: « Má hồng này rồi có ngày thành má răn ; mắt phượng kia rồi có ngày thành viền đỏ ; cổ tròn nọ rồi có ngày dẹp lại và ngẳng ra ; cái đầu xinh-đẹp kia rồi có ngày thành sói-lỗ. Vậy ta cứ lấy con mắt bấy giờ mà xem hình-dạng bây giờ, thời chắc không khi nào say-mê người ấy được. » — Thứ nhì là tôi sẽ tiết-độ trong sự ăn uống ; dù cao-lương mĩ-vị, dù rượu ngọt rượu nồng, dù cao-bằng mẫn-tọa, tôi cũng không siêu lòng ; tôi cứ nghĩ ngay rằng hễ ăn-uống thái quá thời sinh ra tật-bệnh thế nào, đầu nặng, tì hư, lại mất trí-khôn, mất sức khỏe, mất thì giờ, như vậy thời tự-khắc biết tiết-độ, chỉ ăn-uống vừa đủ mà thôi, nhờ đó sức khỏe sẽ được bình-thường, tư-tưởng sẽ được sáng-sủa trong-sạch. Những cách đó thật là dễ quá, làm được cũng chẳng có công-cán gì. »

Man-nông lại nói : « Sau nữa, cũng phải nghĩ đến tài-sản của ta. Ta đã biết tiết-chế lòng thị-dục, mà của-cải ta thời đã gửi chắc-chắn tại sở quan chánh kho bạc thành Ni-ni ; ta cũng có đủ của mà sinh-hoạt được tự-do : đó là quí hơn nhất. Chắc rằng sau này không bao giờ phải cái cảnh khốn-nạn đi nịnh-nọt người ta mà kiếm ăn. Ta không ghen ai mà cũng không ai ghen ta. Cái đó cũng lại dễ-dàng lắm. Ta có người bạn nào ta sẽ giữ được mãi, vì ta đối với họ không có mối cạnh-tranh gì. Ta không bao giờ giận-dữ với họ, họ cũng chẳng khi nào giận-dữ với ta. Cái đó cũng không khó-khăn gì. »

Chàng Man-nông ngồi trong buồng vừa rắp-định xong cái chương-trình đạo-đức như thế rồi, bấy giờ mới thò đầu ra cửa sổ. Chợt trông thấy hai người đàn bà đương đi dạo chơi ở dưới dãy cây bên cạnh nhà. Một người thời già, coi ra không tơ-tưởng sự gì cả. Một người thời trẻ, đẹp, và nhìn ra bộ bận lòng lắm. Nào thở dài, nào than khóc, càng than càng thở lại càng đằm-đà thêm duyên. Chàng đạo-đức ta trông thấy động lòng, không phải rằng động lòng vì cô nàng đẹp (chàng vẫn chắc mình không khi nào có cái bụng thiên như thế), nhưng động lòng vì thấy cô-nàng buồn. Bèn chạy xuống, bước ra chào hỏi cô-nàng, định lấy lời đạo-đức an-ủi cho cô nguôi lòng. Cô bèn lấy cái dáng-điệu rất thật-thà, rất não-nuột, mà kể cho chàng nghe rằng cô phiền lòng vì một người cậu (kỳ-thực cô có cậu nào đâu), người cậu ấy đã lập mưu cướp hết của cải của cô

(kỹ-thực cô có của-cải gì đâu), và người tính vốn hung-tợn, cô lấy làm sợ-hãi lắm. Cô nói : «Em xem ngài là người sành việc, vì ngài hạ-cố đến nhà em, xét công-việc và bản-tính giùm em, thời em chắc sẽ thoát được cái nông-nỗi khó-khăn này. » Chàng Man-nông liền theo cô đi, định lấy lòng đạo-đức xét công-việc cô, lấy lẽ hơn thiệt mà khuyên-nhủ cô.

Cô đưa chàng vào một cái buồng sực-nức những mùi thơm, rồi mời cùng ngồi một cái ghế tràng-kỷ, hai người khoanh chân đối-diện nhau. Cô vừa nói vừa cúi mặt xuống, thỉnh-thoảng lại nhỏ giọt nước mắt, mỗi lần ngửng mặt lên lại gặp mặt chàng Man-nông đạo-đức ta. Lời cô nói rất là não-nùng, mỗi lần hai người nhìn nhau lại não-nuột lắm nữa. Chàng Man-nông thiết-tha cho việc cô lắm, mỗi lúc thấy trong lòng khẳng-khái muốn ra tay giúp cho một người khôn-ngoan chánh-trực như thế mà gặp nỗi khó-khăn như vậy. Trong khi nói truyện nồng-nàn, thời hai người dần-dần không ngồi đối-diện, không dề khoanh chân như trước nữa. Chàng Man-nông đến áp tận nơi mà khuyên nàng, khuyên nàng một cách êm-ái đến nỗi hai người không nói đến công việc nữa, mà cũng không nhớ đã nói đến đâu rồi.

Đương lúc bấy giờ thời ông cậu ở đâu đến (sự này chắc các ngài đọc truyện đã đoán biết vậy). Ông bận đồ khi-giới từ đầu chí chân. Ông mở miệng nói là ông dọa giết chết cả chàng Man-nông, cả cô cháu gái ; đến câu kết của ông thời rằng nếu chịu mất tiền nhiều, ông sẽ tha-thứ cho. Chàng Man-nông ta có bao nhiêu của phải đem hiến hết. Người thời bấy giờ cũng sướng, chỉ có thế mà xong truyện.

Chàng Man-nông về nhà, vừa xấu-hổ, vừa bực mình. Đến nhà thấy một cái thiếp mời đi ăn cơm với mấy người bạn thân. Tự nghĩ rằng : «Mình ở nhà một mình bây giờ thời phiền lòng về cái truyện kỳ-ngộ vừa rồi, cũng đến không ăn được mà nổi bệnh lên ; thôi thời cố đi dùng bữa cơm xoàng với mấy bác bạn thân còn hơn. Ta chuyện-trò vui-vẻ với họ cũng đủ khuây-khỏa được cái việc tầm-bậy buổi sớm nay. » Bèn đinh hẹn đến chỗ đã ước. Bạn-bè thấy chàng hơi có sắc buồn, bắt uống rượu cho tiêu-sầu. Rượu-vang mà uống một chút cho vừa phải, tưởng cũng là một thứ thuốc bổ cho tâm-hồn, cho thân-thể. Ấy chàng Man-nông đạo-đức ta tự nghĩ như thế ; mà chàng uống đến say. Tiệc xong họ dủ đánh bài. Chơi răm ba ván với người bạn thân, tưởng cũng là một cách tiêu-khiển, không hại gì. Chàng đánh ; có bao nhiêu tiền trong túi thua hết, lại mắc nợ bằng bốn ngần ấy nữa. Nhân đánh bạc thành ra cãi nhau ; hai bên cùng phát nóng lên, một người bạn thân của chàng cầm con bài ném vào mặt chàng, thủng mất một mắt. Đến lúc khiêng về nhà thời chàng Man-nông đạo-đức ta say tít cung-mây, tiền không một đồng, mà mắt thiếu một con.

Ngủ một giấc cho tỉnh rượu ; đến khi hơi men đã tàn, thời sai tên đầy-tớ đến lấy tiền ở nhà quan Chánh kho-bạc thành Ni-ni để trả nợ mấy bác bạn thân ; đến nơi được tin rằng ông kho-bạc đã vỡ nợ từ buổi sớm, lừa người ta mất nhiều lắm, làm cho trăm nhà đương khủng-hoảng. Man-nông tức quá, tay cầm đơn, mắt rỉ thuốc, đi thẳng vào triều đề kêu vua làm tội tên vỡ nợ. Vào trong phòng khách thấy mấy vị phu-nhân, vị nào cũng xúng-xính đeo những vòng tròn chu-vi tới hai-mươi-

bốn thước (1). Một vị có hơi biết chàng, trông thấy chàng nguýt mà nói rằng : « Ui chà ! ghê chửa ! » Một vị có biết chàng hơn, thời nói rằng : « Chào ông Man-nông ; tôi được gặp ông lấy làm vui-vẻ lắm ; vậy thưa ông, sao ông lại mất một mắt thế ? » Nói rồi đi, không đợi trả lời. Man-nông đứng ẩn mình vào một xó, đợi cho được vào khấu đầu dưới thềm rồng. Đến giờ vào thời đập đầu xuống đất ba lần, rồi dâng đơn kêu oan. Hoàng-thượng ngài tiếp ôn-tồn lắm, rồi chuyển đơn cho một quan đại-thần để phiến-tấu. Quan đại-thần kêu riêng Man-nông ra, vừa cười nhạt mà bảo một cách kiêu-căng rằng : « Anh này trột mà láo thật, anh không kêu tôi mà dám vào kêu vua ; anh lại láo nữa, là anh dám cáo-tố một người tuy vỡ nợ mà là người chính-trực, người môn-hạ của ta, vì nó là cháu một đứa thị-tì của người nhân-tình ta. Này, tôi bảo cho anh, nên thôi việc này đi, kẻo còn một mắt lại mất nốt. »

Thế là chàng Man-nông buổi sáng thề không tư-tình với đàn-bà, không ăn-uống quá-độ, không đánh bạc, không to tiếng, thứ nhất là không ra đến chỗ triều-miếu, vậy mà chưa tối ngày đã bị một ả giang-hồ đánh lừa lấy của, đua theo bè-bạn say-sưa đánh bạc, lại to tiếng đánh nhau, đến trột một mắt, ra nơi triều-đình, bị chúng khinh-khi.

Ngơ-ngác như hồn-vía không còn, đau xót như đứt từng khúc ruột, lủi-thủi đi về. Đến cửa nhà thời thấy những mõ tòa chiếu đơn kiện của chủ nợ đương tịch-biên gia-sản. Đứng dưới gốc cây, gần như ngất người đi ; lại gặp mĩ-nhân buổi sớm đi dạo chơi với ông cậu qui-hóa, trông thấy chàng mắt rỉ phì cười lên. Đêm đến, chàng Man-nông ta nằm lên đống rơm ở cạnh tường nhà. Nỗi sốt lên, ngủ vất đi, chiêm bao thấy một vị thiên-thần.

Thần sáng quắc, có sáu cái cánh đẹp, mà không có chân, không có đầu, không có đuôi, không giống gì cả. Man-nông hỏi : « Mi là giống gì ? » — Thần đáp : « Ta là thần hộ-vệ của mi. » — Man-nông nói : « Vậy thời mi trả mắt ta, trả sức khỏe ta, trả của-cải ta, trả đạo-đức ta đây. » Bèn kể cho thần nghe làm sao mà trong một ngày mất cả bấy nhiêu thứ. Thần nói : « Trên cõi đời chúng ta ở, không bao giờ xảy ra những sự kỳ-ngộ như thế. » — Chàng lấy làm lạ mà hỏi rằng : « Vậy cõi đời ông ở là cõi đời gì ? » — Thần đáp : « Quê-hương ta cách mặt trời là năm trăm triệu dặm, ở một ngôi sao nhỏ cạnh sao Lang-tinh (2), mi đứng đây trông thấy. » — Man-nông nói : « Đất qui-hóa thay ! Vậy ra ở xứ các ông không có gái giang-hồ đánh lừa người thật-thà, không có bạn-bè thân lừa nhau lấy tiền, đánh nhau mất mắt, không có kẻ buôn tiền vỡ nợ, không có những quan đại-thần không xử công-bằng cho người ta, lại khinh-khi nhạo-báng người ta, hay sao ? » — Thần nói : « Không, không có đâu những sự đó. Chúng tôi không bị đàn-bà lừa bao giờ, vì chúng tôi không có đàn-bà ; chúng tôi không có bội-thực bao giờ, vì chúng tôi không phải ăn ; chúng tôi không có kẻ vỡ nợ, vì xứ chúng tôi không tiêu-dùng đến vàng bạc ; không ai đánh thủng mắt chúng tôi được, vì hình-thể chúng tôi không giống hình-thể người trần ; chúng tôi cũng không phải quan đại-thần nào ngược-đãi, vì trên ngôi sao chúng tôi, ai cũng bình-đẳng cả. »

Bấy giờ Man-nông mới hỏi : « Thưa ngài, không đàn-bà, không ăn-uống,

(1) Nghĩa là các bà đeo vòng đeo xuyến to quá.

(2) 狼 星 = *Sirius*.

thời ngài làm gì cho qua thời-giờ?» — Thần nói : « Chúng tôi phải trông coi cho các cõi đời khác : như ta xuống đây là để an-ủi cho mi đây.» — Man-nông nói : « Than ôi ! Sao đêm hôm qua ngài không xuống để giữ cho tôi khỏi làm những sự cuồng-dại như vậy ? » — Thần nói : « Ta còn phải đến cứu cho Á-san là anh mi. Anh mi hầu đức Hoàng-đế nước Ấn-độ, vì một sự thất-tín nhỏ, bị Hoàng-đế truyền khoét hai mắt, hiện nay còn ở ngục, chân tay đeo cùm. » — Man-nông nói : « Trong nhà có ông thần hộ-vệ, ấy mới được việc chớ ! Có hai anh em thời một thằng trột, một thằng đui, một thằng nằm rơm, một thằng ở ngục ! » — Thần lại nói : « Số-phận mi rồi sẽ thay đổi. Vẫn biết rằng bao giờ mi cũng còn trột mắt mãi ; nhưng trừ cái đó, mi sẽ được sung-sướng, miễn là đừng nên bao giờ lập cái mưu dồ-dại muốn làm một người rất mực đạo-đức ở đời. » — Man-nông thở dài mà nói : « Vậy ra sự đó không thể nào làm được hay sao ? » — Thần đáp : « Không thể nào được, cũng như muốn rất mực khôn-khéo, rất mực mạnh-bạo, rất mực quyền-thế, rất mực sung-sướng, đều là không được cả. Chính chúng tôi đây cũng còn xa mới tới bậc đó. Có một cõi đời được hoàn-toàn như thế ; nhưng mà trong trăm nghìn cõi đời khác rải-rác trong khoảng không, hết thảy có thứ-bậc cả. Như ở cõi đời thứ nhì thời không được khôn-ngoan sung-sướng bằng cõi đời thứ nhất, ở cõi đời thứ ba lại không được bằng cõi đời thứ nhì, v. v. ; cứ thế cho đến cõi đời cuối cùng, là nơi người ta hết thảy điên-cuồng cả. » — Man-nông nói : « Tôi e rằng cái địa-cầu bé-nhỏ của chúng tôi này chính là cõi đời điên-cuồng ngài vừa nói đó. » — Thần nói : « Chưa hẳn như thế, nhưng cũng gần thế : cái nào đã vào bậc nấy. » — Man-nông nói : « Ôi ! thế ra những nhà thi-nhân, những nhà triết-học kia nói rằng trong thế-gian hết-thảy tốt-đẹp cả là nói quấy sao ?» Ông triết-học trên sao đáp rằng: « Các ông ấy nói thế là phải lắm chớ, vì các ông ấy quan-niệm về cái đại-cục của cả vũ-trụ. » — Chàng Man-nông khốn-nạn ta nói lại rằng : « Ôi ! Tôi thời bao giờ tôi không trột mắt nữa, tôi mới có thể tin như thế được. »

T.-C.

dịch trong thuyết-bộ của ông VOLTAIRE
(là nhà đại-văn-hào nước Pháp về thế-kỷ thứ 18)

II

BỎ NHÀ CHUỘC BẠN

(Dịch tiểu-thuyết Tàu)

Đời nhà Đường có một người tên là Quách Trọng-Tường, người huyện Vũ-dương, văn-võ toàn-tài, tính-khí hào-hiệp. Bá-phụ là Quách-Chấn, hiện làm Tể-tướng đương triều, Trọng-Tường về kinh yết-kiến bá-phụ, muốn cầu công-danh. Quách-Chấn nói : « Làm trai đứng ở trên đời, nếu không theo việc bút-nghiên, tranh-khôi đoạt-giáp, thời cũng nên đua tài cung-kiếm, lập công ở chốn sa-trường, có lẽ đâu ỷ môn-hộ làm đường sĩ-tiến hay sao?» Trọng-Tường nghe nói : « Dạ ! dạ ! xin vâng mệnh ».

Khi bấy giờ Đỗng-Man làm loạn ở Nam-trung, Triều-đình cử Lý-Mông làm đô-đốc đem quân đi đánh, Quách-Chấn cho Trọng-Tường đi theo lập công. Lý-Mông biết Trọng-Tường là người cơ-mưu tài-cán, cử cho làm chức

phán-quan ; Trọng-Tường bái-biệt bá-phụ, theo Lý-Mông lên đường. Nhân dịp có người làng tên là Ngô Bảo-An, hiện làm quan úy Toại-châu, tuy rằng không quen biết Trọng-Tường bao giờ, nhưng vẫn nghe tiếng là người nghĩa-hiệp, bèn viết thư cậy Trọng-Tường tiến-cử với đô-đốc. Trọng-Tường cho là người tri-kỷ, hết sức nói với Lý-Mông. Lý-Mông lập-tức cho Bảo-An làm chức quản-ký cũng theo đi dẹp giặc.

Lý-Mông đem quân đi đến Diêu-châu, nhân lúc quân Man không dự-bị, thừa cơ kéo quân vào đánh, quân Man thua, chạy tán-loạn. Đô-đốc muốn thừa thế đuổi theo, Trọng-Tường can rằng : « Quân Man thường hay giả-dối, nay đã đánh được một trận, nên lấy uy-đức phủ-dụ cho nó hàng-phục, nếu cứ xung-đột vào hang hổ, không khéo mắc phải mưu gian ». Lý-Mông không nghe, cứ thúc quân đuổi theo cho kiệt cùng.

Quân đi hai ba ngày, chỉ thấy núi rừng hiểm-trở, cây cối rậm-rạp, chẳng biết lối nào mà đi, vừa toan đóng quân lài, hỏi thăm thổ-dân, chợt thấy cát bay bụi mù, tiếng trống vang trời, quân Man kéo ra như kiến, bốn mặt xúm lại mà đánh, tên bắn như mưa, quân Đường xéo nhau mà chết, thây chất thành núi, máu chảy thành sông, không biết cơ-man nào mà kể. Lý-Mông than rằng : « Ta hối không biết nghe lời Quách-phán-quan, đến nỗi cơ-hội này. » Nói đoạn, lấy gươm tự-vẫn chết. Trọng-Tường cũng bị quân Man bắt mất. Đồng-chúa thấy Trọng-Tường tuấn-nhã khôi-ngô, hỏi ra biết là cháu quan Tể-tướng đương triều, bèn giao cho bộ Ô-la quản-thúc.

Nguyên quản Nam vốn hay tham của, bắt được người nào của bên Đường, cũng đưa tin cho chuộc, người hèn thì ba bốn trăm tấm lụa, càng sang-trọng càng nhiều hơn ; biết Trọng-Tường là qui-giới tử-đệ, đưa tin hễ đủ nghìn tấm lụa thời mới cho chuộc.

Bấy giờ Ngô Bảo-An đi sau không mắc nạn ấy, Trọng-Tường viết một bức thư gửi người giải lương đưa cho Bảo-An, nhờ Bảo-An về kinh báo tin cho bá-phụ là Quách-Chấn để ngài lo-liệu chuộc về cho.

Bảo-An phụng-mệnh Đô-đốc, để vợ con ở lại Toại-châu, hai thầy tớ đem nhau đi Nhiêu-châu cung-chức. Nghe tin Lý-Mông tử-trận, Trọng-Tường bị bắt, dật mình kinh-sợ, sai người đi thăm tin-tức, vừa gặp người giải-lương đưa cho một bức thư của Trọng-Tường. Bảo-An mở thư ra xem, động lòng thương-cảm, vội-vàng sắm-sửa về kinh báo tin ; khi đến kinh thời Quách-Chấn đã tạ-thế hơn một tháng rồi. Bảo-An không thể sao được, lại về Toại-châu.

Bảo-An bàn với vợ là Trương-thị, muốn lo liệu để chuộc Trọng-Tường. Trương-thị nói : « Nghĩa bè-bạn không nên bỏ thật, nhưng nước lã không có thể quấy nên hồ, sức mình đơn-bạc, lo làm sao cho được nghìn tấm lụa? » Bảo-An nói: « Khi trước Trọng-Tường tiến-dẫn cho ta, thực là một người tri-kỷ, nay Trọng-Tường không may gặp nạn, ta sao nỡ phụ lòng, nếu không chuộc được Trọng-Tường, ta thề không chịu sống ở trên đời một mình. » Nói đoạn nước mắt chảy xuống dòng-dòng.

Bấy giờ Bảo-An vét hết của nhà, mua được 200 tấm lụa, nói giối vợ con ra ngoài buôn-bán, nhưng kỳ-thực vẫn ở Diêu-châu, dò-la tin-tức Trọng-Tường, hễ góp được trăm tấm lụa lại gửi vào kho, trong bụng lúc nào cũng không quên Trọng-Tường, chẳng nghĩ gì đến cửa nhà vợ con ; kinh-doanh mười năm, mới được 700 tấm lụa.

Vợ con Bảo-An ở Toại-châu, lúc ban đầu người ta còn nể mặt quan huyện-úy, giúp đỡ ít nhiều, về sau tin

tức Bảo-An càng ngày càng xa-cách, chẳng ai tư-cấp cho đồng nào nữa, cơm chẳng có ăn, áo chẳng có mặc, tình-cảnh rất là khốn-khổ. Trương-thị đem bán mấy cái áo cũ, lấy tiền hành-lý, đem con đi Diêu-châu tìm chồng. Khi gần đến nơi đã hết tiền hành-lý rồi, toan ăn xin lại nghĩ xấu-hổ, muốn tự-tận lại thương con bé, ngồi dưới chân núi, khóc than một mình.

Bấy giờ Dương An-Cư được bổ tổng-đốc Diêu-châu, đi qua chân núi, nghe có tiếng người đàn bà khóc, liền dừng xe lại hỏi-han sự-tình. Trương-thị nói : « Phu-quân thiếp là Ngô Bảo-An, vì cớ người bạn là Quách Trọng-Tường bị quân Man bắt mất, muốn lo nghìn tấm lụa đem chuộc, bỏ cả vợ con mà đi, mười năm nay không thấy tin-tức gì cả ; thiếp tôi đem con đi tìm, đường còn dài mà lương-thực thì hết, cho nên động lòng cảm-thương. » An-Cư nghe nói, khen Bảo-An là người nghĩa-khí, bảo Trương-thị rằng : « Phu-nhân chớ ngại, nay tôi mới được bổ làm đô-đốc Diêu-châu, tiền bộ-phí đã có tôi tư-cấp, rồi tôi sẽ cho người thăm tin hiền-phu. » Trương-thị gạt nước mắt, lạy tạ. An-Cư thuê một cái xe sai người đưa mẹ con Trương-thị về Diêu-châu, dọn nhà trạm cho tạm trú.

Dương An-Cư đã tới Diêu-châu, sai người dò-la tin-tức, ba ngày mới tìm được Bảo-An, đón về phủ-thự. An-Cư cầm tay Bảo-An mà nói rằng : « Ngài thực là người có nghĩa với bạn, phu-nhân và lệnh-lang đi tìm ngài, hiện bây giờ ngụ ở nhà trạm, mười năm xa-cách nhau, ngài hãy ra họp mặt một chút. Số lụa còn thiếu bao nhiêu, tôi sẽ giúp ngài đủ số. » Bảo-An tạ rằng : « Cám ơn đại-nhân, đại-nhân đã có lòng giúp tôi, để tôi đi chuộc Trọng-Tường, rồi sẽ cùng vợ con họp mặt. » An-Cư mượn tạm bạc trong kho mua 400 tấm lụa giao cho Bảo-An. Bảo-An nhận lấy số lụa, đi thẳng vào Man-đỗng, đưa tin xin chuộc Trọng-Tường.

Khi Trọng-Tường tại giam, chốn đi một lần, không may quân Man lại bắt được, nó đem đóng đanh hai chân vào tấm ván, đến lúc Bảo-An đủ số lụa xin chuộc, quân Man lấy kìm nhổ đanh ra, đau buốt đến xương, máu chảy đầm-đìa, Trọng-Tường chết ngất đi một hồi, khi tỉnh lại thì đau quá, không thể đi được, quân Man bỏ Trọng-Tường vào cái dẫy da, sai người khiêng ra trả Bảo-An. Hai người ráp mặt nhau, ôm nhau mà khóc. Bảo-An thuê xe đem Trọng-Tường về Diêu-châu, đón thày thang thuốc, hơn một tháng mới khỏi. Trọng-Tường mừng lắm, lạy tạ Bảo-An.

Bảo-An đã chuộc được Trọng-Tường rồi, mới vào nhà trạm cùng với vợ con họp mặt.

Dương An-Cư thấy Bảo-An là người nghĩa-hiệp, dâng biểu về kinh xin thụ-chức cho Bảo-An. Trọng-Tường thì lại cho làm Phán-quan phủ đô-đốc như cũ. Vua Đường chuẩn tấu, triệu Bảo-An về kinh bổ-dụng. Bảo-An bái-biệt Đô-đốc, đem vợ con lên đường tiến kinh. Trọng-Tường đưa ra ngoài mười dặm, gạt nước mắt trở về. Bảo-An về đến kinh, được bổ chức huyện-thừa ở Bành-sơn, sắm-sửa hành-trang, đem vợ con đi cung-chức.

Bấy giờ Triều-đình nghĩ đến công Quách-Chấn ngày xưa, muốn lục-dụng con cháu. Dương An-Cư dâng biểu tiến-cử Trọng-Tường, triều-đình cho làm lục-sự tham-quân Uất-châu. Trọng-Tường gửi thư về nhà, đón gia-quyến đi cung-chức. Từ khi Trọng-Tường bỏ nhà mà đi đã mười-lăm năm, cha mẹ cùng vợ con nghe tin thua trận bị bắt, tưởng là chết rồi, chợt tiếp thư

được thăng-chức, cả nhà mừng rỡ vô-cùng. Qua hai năm nữa, Trọng-Tường được thăng làm Hộ-đường tham-quan Đại-châu, tại chức ba năm thì phụ-thân tạ-thế. Trọng-Tường đem hài-cốt về quê hương, làm lễ tống-táng.

Trọng-Tường nghĩ đến ơn Ngô Bảo-An chuộc mình ngày xưa, không lúc nào quên, khi tống-táng phụ-thân xong rồi, liền đi thẳng đến Bành-sơn thăm Bảo-An, không ngờ Bảo-An làm quan mãn-hạn, nhà nghèo không được thăng chức, hai vợ chồng mắc phải bệnh dịch, đã tạ thế từ sáu năm trước rồi; con là Ngô Thiên-Hựu học-hành thông-minh, vẫn dạy học ở Bình-sơn kiếm ăn, Trọng-Tường nghe tin như vậy, thương khóc rất thảm, sắm sửa đồ sô gai đến trước phần-mộ Bảo-An làm lễ tế một tuần.

Trọng-Tường sai người đi tìm Ngô Thiên-Hựu, bàn định với nhau, đem hài-cốt vợ-chồng Bảo-An về quê-hương. Khi khai mộ lên, chỉ thấy hai bộ xương khô, Trọng-Tường vật mình lăn khóc, rồi may hai cái túi lụa để đựng hài-cốt, Trọng-Tường vác lên vai đem về; Thiên-Hựu tình-nguyện mang lấy, Trọng-Tường nhất-định không nghe, vừa đi vừa khóc, thương cảm vô-cùng.

Trọng-Tường đi luôn mấy ngày, vết chân đóng đanh trước lại tấy lên, đau lắm, không thể đi được, tối vào nhà trọ, cầu khẩn Bảo-An phù-hộ cho để đem hài-cốt về đến nơi đến chốn, sáng hôm sau đứng lên đi, lại thấy khỏe mạnh đi được; về đến Vũ-dương, làm lễ an-táng, và lập bia để ghi việc bỏ nhà chuộc bạn. Trọng-Tường cùng Thiên-Hựu thủ-chế ba năm. Thiên-Hựu bấy giờ chưa kết duyên với ai, Trọng-Tường đem người cháu họ có hiền-đức, cùng Thiên-Hựu kết nghĩa Châu-Trần, lại đem gia-sản của mình chia cho Thiên-Hựu một nửa.

Sau Trọng-Tường về kinh, được thăng làm Chưởng-sử Lam-châu. Trọng-Tường nhớ ơn Bảo-An, liền dâng một đạo biền kể hết truyện Bảo-An bỏ nhà chuộc bạn, và xin đem quan-chức của mình nhường cho Ngô Thiên-Hựu, gọi là đền ơn một chút, triều-đình khen là người biết ơn, cho Thiên-Hựu làm huyện-úy Lam-cốc, mà Trọng-Tường vẫn làm chưởng-sử Lam-châu, khiến cho hai người gần nhau đi lại cho tiện. Hai người tạ ơn, lĩnh bằng đi cung-chức, kẻ xa người gần, ai cũng khen Ngô Quách giao-hữu, dẫu Quản-Phúc Dương-Tả ngày xưa cũng không bằng. Đời sau lập Song-nghĩa-từ phụng-sự, hương-hỏa đến nay vẫn còn.

Kết-luận

Người ta giao-tiếp trong xã-hội, tình bè-bạn rất là thân-thiết. Xem như Ngô Bảo-An muốn đền ơn người trikỷ, trong bụng chỉ biết có bạn, mà quên cả vợ con, bao giờ chuộc được bạn về thì trong lòng mới yên, thực là một người có nghĩa. Quách Trọng-Tường nhớ đến ơn Bảo-An chuộc mình, vai mang hài-cốt, đầu đội sô gai, lại còn giúp đỡ cho Ngô Thiên-Hựu, gây dựng vợ con cho, chia gia-sản cho, thậm-chí đem quan-chức của mình nhường cả cho Thiên-Hựu nghĩa bè-bạn như thế, xưa này chưa đã từng thấy mấy người. Vậy thì bè-bạn phải giúp đỡ lẫn nhau, ở làm sao cho nên ân nên nghĩa, có thủy có chung, chớ làm bạn có lo gì mất bạn; nên có câu rằng:

Bạn-bè là nghĩa tương-tri,
Sao cho sau trước một bề mới nên!

NGẠC-ĐÌNH *dịch*

VĂN - UYỂN

THI-CA CŨ

Hát nói

Lưu biệt mĩ-nương

Làm khách đã quen không nước mắt, sinh tài vốn sẵn có chung tình; chữ đồng-tâm lời tri-kỷ đinh - ninh, bao nhiêu tháng mấy ngày đường mà xá ngại. Hễ có ly rồi dành hợp lại, đã từng buồn mới biết vui thêm. Nỗi nhớ-nhung chẳng lọ kể chi rườm, lòng tơ hãy bền cầm cho mối chỉ; kẻo mai mốt hoa trào trăng mỉa, cái sầu này chẳng bõ cái sầu sau; thương nhau xin nhớ lời nhau, đưa nhau gọi có bấy lâu là tình; ngoài ra cậy có xanh-xanh!

Tiễn quan Tiến-sĩ vào Kinh

Thánh đại tức kim đa vũ lộ 聖代卽今多雨露(1), *nam nhi đáo thử thị hào hùng* 男兒到此是豪雄(2). Mầu gấm này đã rạng vẻ non sông, đường trướng-tồ (3) thoắt trỏ chừng kinh-địa. Bầu-bạn cung trăng vui có chị, ruồi-rong bước bụi sướng bằng tiên; nữa một mai nhuần gội ơn trên, tay trí-trạch (4) chí kinh-luân sao đấy tá? Vùng nam bắc mấy nao binh hỏa, kẻ dân đen cô-quả cũng còn đầy; lúc đưa gửi một lời này!

Cảm-hoài

Ai ôi má đỏ ra đầu bạc, quá ngán hơi vàng đề dạ đen. Công đèo-bòng nhận tính bấy nhiêu niên, luống thay cử trăng đi tuần gió lại. Phai thắm mùi trần ghê khéo quái, họp tan cuộc thế uẩy là xinh; trời trêu ngươi sao khoảnh-độc trăm vành, cho có mắt trăng nhiều xanh lại ít. Thôi từ đấy nợ phong-lưu trả hết, giã tấm lòng cho nước chẩy hoa trôi; người mà đến thế thời thôi, uẩy ai tiếc ngọc đề tôi đợi chờ; mắt tình ai nấy biết chưa?

Cảm-hứng

Cái tình là giống giại, nợ phong-hoa rước lấy mà chơi; nực cười thay chẳng gốc để ra lời, đố ai rũ làm sao cho trắng khỏi. Dám tẻ vui quanh trò múa dối, cuộc tỉnh say lần giấc chiêm bao; thôi đoái thương phỏng nhớ lại vơ sầu, lần-thần hẹn hò trăng van-vỉ gió. Ấy mới biết tình-kỳ là nợ đó uẩy thợ trời còn vẽ ra chi; thà ngu thà ngốc mà thà si!

Ca-quán tự-trào

Cung đâu mới lựa, nợ hay duyên mà gỡ chẳng ra, khi ở trọ lúc về nhà, đeo đuổi mãi quấy rầy chi lắm mấy! Xào-xạc chè đêm vùng thức dậy, kề-cà rượu sớm choáng hơi say; nực cười thay ngán ngẩm lắm thay, đố ai biết rằng khôn hay dại? Trời đất nhẽ của đâu mới quái, uẩy nhà ma đừng quấy mãi chi ai; càng quen càng lắm tội đời!

Tiễn người về làm quan Kinh

Rượu tiễn trăm hồ đường xuất-tồ (5)

(1) Đời vua thánh bây giờ nhiều ơn mưa móc..

(2) Kẻ nam-nhi làm nên đến thế mới là hào-hùng.

(3) Khi tiễn đưa có bày màn trướng đề làm tiệc tiễn.

(4) Trí-chúa là giúp vua đến được bậc thánh-hiền, trạch-dân là cho dân được ơn nhờ.

(5) Xuất-tồ 出祖 là ra đường tồ-đạo, khi tiễn nhau thì bày tiệc rượu đề tế thần-tồ ở bên đường.

bụi trông ngàn dặm bước đăng-tiên (1), dẫu trong ngoài đều mưa móc ơn trên, huống quế-phủ những vàng cành ngọc lá *Bất phương công-sự tư cao-ngọa* 不妨公事更高臥 (2), *hà dụng phù-danh bạn thử thân* 何用浮名絆此身 (3). Chốn thâm-nghiêm ở thói thanh-bần, lòng như nước gương trời gần dễ tỏ. Lúc thong-thả cuộc hề-hà là thú, cắp lưng bầu Hương-thủy Bình-san ; hãy ăn riêng một chữ nhàn !

Hát sẩm cô đào *(điệu cũ)*

I

Ấy ai lơ-lửng đầu cầu, lược thưa biếng chải gương tàu biếng soi ? Cái sập đá huê bỏ vắng không ai ngồi, buồng nhang bỏ vắng mặc người quay tơ. Cô thương nhớ ai ra ngẩn vào ngơ, đêm quên giấc ngủ ngày mơ trận cười ? Đêm năm canh sáu khắc, đức anh chàng ơi, chàng cười nửa miệng thiếp tôi vui nỗi gì !

II

Cái thằng chồng em nó chẳng ra gì, tổ-tôm sóc-đĩa nó thì chơi hoang. Nói ra xấu thiếp hổ chàng, nó giận nó phá tan-hoang cửa nhà. Nói đây có chị em nhà, còn năm ba nắm sợi một và cân bông, bán đi trả nợ cho chồng, còn ăn hết nhịn phu lòng chồng con. Em đắng cay ngậm quả bồ-hòn, con nhà gia-thế lấy chồng-con kém người ; tạc bia lên để thế-gian cười, con nhà thi-lễ lấy phải người dần-ngu !

III

Sáng trăng suông vắng-vạc hôm rằm, nửa đêm về sáng trăng bằng ngọn tre. Anh có yêu em cho vẹn một bề, để em thơ-thẩn ngồi kề bóng trăng. Sự-tình này có thấu cho chăng, để em thề-nguyện bóng trăng chịu sầu. Tương-tư một dịp đôi ba cầu, bắc nam đôi ngả chịu sầu đôi ba nơi. Chim khôn chết mệt về mồi, nó kêu réo rắt ghẹo người tình-nhân. Bấy lâu nay vắng vẻ Châu Trần, để em tạm chút chơi xuân kẻo già !

IV

Thiếp khen ai chỉ nẻo đưa đường, để cho anh biết quê nàng ở đây. Ông tơ-hồng bà Nguyệt xe giây, xe cô mình đấy lấy anh đây cũng vừa. Đôi mươi mười tám đương thì, xin anh có ngỏ điều gì sẽ hay. Chàng ôi ! nghe thiếp lời này, cửa nhà gia-thế phó rầy mặc tôi ; vợ chồng ta kết tóc ở đời !

V

Sông kia nước chẩy đôi dòng, đèn khêu đôi ngọn anh trông ngọn nào ? Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào, muốn ăn sim chín tìm vào rừng xanh. Đôi tay vít cả đôi cành, quả chín thời hái quả xanh thời đừng. Ba bốn năm nay ăn ở trên rừng, chim kêu vượn hót nửa mừng nửa lo. Sa chân lỡ bước xuống đò, gieo mình xuống sập chớ lo nỗi gì !

THI-CA MỚI

I

Vịnh Từ-Hải

Nổi tiếng anh-hùng chí mới cam,
Ra luồn vào cúi mặc ai tham.
Giọc ngang trời đất hơn trăm trận,
Vùng vẫy giang-hồ một lưỡi gươm.
Non nước rạch đôi miền đất Bắc,
Triều-đình riêng một góc trời Nam.

---

(1) Đăng tiên 登仙 là lên tiên, vào làm quan Kinh ví như lên cõi tiên.
(2) Lúc rảnh việc quan lại nằm kềnh cũng chẳng hề gì.
(3) Dùng chi đến phù-danh làm thêm bận cái thân này.

Trăm điều ngang-ngửa vì ai đó,
Cũng tiếc cho tay dúng phải chàm !

II

Vịnh Thúc-Sinh

Thực gớm ghê cho thói bốc dời,
Trăm gươm kề cổ cũng liều chơi.
Lầu xanh đắm nguyệt cam rìu búa,
Cửa Phật tìm hoa nửa khóc cười.
Dưới gốc bài bầy cơn túng đất,
Miệng bình bưng-bít việc tầy trời.
Bó tay lại mắc con u Hoạn,
Một tỉnh Hà-đông đã mấy người.

III

Vịnh Sở-Khanh

Nổi tiếng lầu xanh dễ mấy người,
Làng nho mà lại cả làng chơi.
Áo quần chải-chuốt ưa mầu sỏ,
Hầu-hạ phong-lưu tốt bộ mồi,
Quyến yến dủ anh tay độc-địa,
Sổ lồng tháo cũi miệng vung trời.
Phụ-tình án Mã còn ghi đó,
Vùi rập hoa kia đã mấy chồi.

IV

Vịnh vua Đinh Tiên-Hoàng

Thù chung chẳng để vướng chi lâu,
Nổi trận sung quân dẹp loạn Tàu.
Muôn trận vang lừng hồi trống tiếp,
Ba quân phất phới ngọn cờ lau.
Xây nền quân-chủ từ đây trước,
Nổi tiếng anh-hùng để lại sau.
Cái động Hoa-lư còn mãi mãi,
Là gương độc-lập sáng nghìn thâu.

V

Vịnh bà Triệu-Ẩu

Đảm-đang không những việc deo thoi,
Cái gái trời Nam khéo nẩy nòi.
Liều với non sông ba thước vú,
Xông vào hàng trận một đầu voi.
Ngô-quân mất vía đà tan-tác,
Nữ-giới như bà cũng hiếm-hoi.
Ai bảo hoang-đường không có truyện,
Còn gương oanh-liệt để mà coi.

VI

Vịnh đức Trần Hưng-đạo

Trên vì nhà nước dưới vì dân,
Công-đức ai hơn đức Thánh Trần.
Gươm báu trao tay năm bảy thứ,
Quân Nguyên mất vía mấy mươi lần.
Sông Đằng một giải còn hơi máu,
Núi Kiếp ngàn năm rạng vẻ xuân.
Sự-tích sử xanh ghi chép lại,
Sống làm danh-tướng thác danh-thần.

VII

Vịnh vua Lê Thái-tổ

Riêng mình một cõi chốn sơn-nham,
Tước trọng quyền cao cũng chẳng tham.
Lưỡi kiếm trừ hung tan giặc Bắc,
Ngọn cờ khởi nghĩa ngất trời Nam.
Mười năm vùng-vẫy uy còn mạnh,
Trăm trận xông-pha chí đã cam.
Cơ-nghiệp ba trăm năm có lẻ,
Tiếng thơm còn mãi chốn non Lam.

Vũ Tích-Cống

I

Vịnh Thúy-Kiều

Sắc tài sinh lắm truyện lôi-thôi,
Tình hiếu thương thay cũng một đời !
Số-phận nhân-duyên đành kém bạn,
Phong-trần vinh-hiển dễ thua ai.
Ví không muôn dặm xa chân khách,
Chưa dễ nghìn thu biết tiếng người.
Một khối tình xưa lai-láng mãi,
Nước sông Tiền rửa cũng khôn phai.

II

Thuyền bị bão

Sông cả thuyền con gió thổi vèo,
Trên thuyền chú lái đứng treo-leo.
Đêm mờ trăng ám khôn dò lối,
Gió ngược đò xuôi khó lựa chiều.
Mặt nước đòi phen cơn sóng vỗ,

Lòng sông ngại lúc cội sào gieo.
Gặp khi dông tố mong qua khỏi,
Thủy thủ đâu ta vững lấy chèo !

III

Khó giàu

Ngồi ngẫm mà xem truyện khó giàu.
Nào người kêu khó kẻ khoe giàu.
Giàu mà kiêu lận sao bằng khó,
Khó chẳng gian-tham há sợ giàu.
Chớ cậy ta giàu mà bỉ khó,
Đừng phiền mình khó lại ghen giàu.
Khó giàu bởi tại tay ta khiến,
Cần-kiệm làm ăn khó phải giàu.

IV

Cảm-tác

Hiu-hắt trời thu trận gió lồng,
Một mình trước ăn ngọn đèn giong.
Ngâm câu giáo-huấn ngâm không chán,
Nghĩ chữ chung-tình nghĩ chửa xong.
Mây nước khôn khuây lòng sớm tối,
Râu mày riêng thẹn mặt non sông.
Trời Nam tri-kỷ nào đâu tá ?
Có tỏ cho nhau một tấm lòng !

V

Cảnh đồng buổi chiều

Phơ-phất hàng tre ngọn gió nồm,
Cảnh đồng ra ngắm lúc chiều hôm.
Chân làng thấp-thoáng mầu sương tỏa,
Mặt ruộng lung-lay bóng ác giòm.
Khách chợ đâu về người lững-thững,
Chuông chùa xa vẳng tiếng bi-bom.
Bóng vàng tha-thướt đầu non lặn,
Lúc trở ra về đã tối om.

VI

Đề ở chùa Thày.

Trông lên Hang-Gió Chợ-Trời,
Tuy vui cảnh Phật chưa nguôi lòng trần.
Ví thân kia chẳng nợ-nần,
Cũng xin quẩy gánh theo chân cõi chiền.
Nặng vì hai chữ « thiếu-niên » !

Song-an HOÀNG NGỌC-PHÁCH

CÂU-ĐỐI

Khóc chị em đôi con gì.

Hơn một ngày không ở, kém một ngày không đi, phận chị đã đành không hối-hận ;

Lá vàng còn ở trên, lá xanh vội rụng xuống, lòng gì khôn xiết nỗi phân-ly !

Viếng người vợ anh em đôi con gì.

Than ôi ! sống gửi thác về, giấc mộng ngàn năm thương phận chị ;

Ngán nhẽ ! gì già cháu giại, việc nhà trăm mối mặc mình anh.

Vợ khóc chồng (*còn mẹ già*).

Duyên hợp trăm năm, cửa rộng nhà cao, phong-cảnh bốn mùa cùng thiếp, chàng vui khôn xiết kể ;

Chàng về chín suối, mẹ già con bé, ngẫn-ngơ trăm nỗi nhớ chàng, thiếp biết tỏ cùng ai !

Chồng khóc vợ.

Mấy mươi năm phận đẹp duyên ưa, thuận vợ thuận chồng, dẫu đến bể đông cùng tát cạn ;

Bỗng phút chốc bình dơi châm gẫy, trái vành trái vẻ, nỡ đem vừng bạc sẻ làm đôi.

Học trò viếng bố thày học.

(*thày đã chết*)

Ngoài bảy mươi cụ cố xa chơi, bóng giáng tăm hơi, phảng-phất tưởng như trong giấc mộng ;

Dưới chín suối thày ta đón rước, sớm khuya hầu hạ, vui mừng gấp mấy cõi trần-gian.

Viếng bạn.

Lấy ai họp mặt cầu vui, đàn ấy giường này ngao-ngán nhỉ ;

Cũng biết chán đời là phải, tình kia hiếu nọ ngẫn-ngơ thay !

Viếng bố mẹ thân-tình.

I

Xa-xôi gọi một tấc thành, tình nặng gửi đưa người chín suối ;

Sau trước còn nhiều ân ái, thương vay vì có khách ba sinh.

II

Xa đem một chút lễ thành, xót nỗi tình kia mang hiếu nọ ;

Xiết kể bấy lâu nghĩa cũ, ngán cho thân ấy với duyên này.

Vãi khóc sư.

Cửa thuyền trai, đi lại mấy năm trời, gịp-giàng sư dạy, kinh-kệ sư rèn, hương thắp đèn khêu, khấn-nguyện vẫn mong sư mạnh khỏe ;

Chốn tĩnh-cảnh, xa xôi nên phút chốc, chuông trống vãi khua, chùa chiền vãi quét, hoa dâng quả cúng, sớm khuya nỡ để vãi trơ vơ !

Khóc hàng xóm.

Nhớ khi tắt lửa tối đèn, khuya sớm gọi nhau vui chén rượu ;

Mà nay chầy gạo cối lúa, ngậm ngùi nhủ trẻ nín lời ca.

Vũ Tích-Cống

VĂN TẾ MẸ (trăm ngày)

Nghĩ hộ một ông Phán tòa Sứ.

Than rằng : Phong-vũ năm canh con để khóc, trời thẳm đất giầy ; tuyết sương một xác cánh ve gầy, hạ qua thu tới. Tấc cỏ ba xuân ; mảnh mây đầu núi. Trộm nhớ thủa thuyền bách lênh-đênh' sân hòe ắng-ỏi. Gió băng tuyết gạn lòng trinh-bạch, lọn đạo sương-cư ; mỗi thi-thư mớm lũ ngây thơ, thay lời nghiêm-hối. Những mong mỏi một ngày một lớn, gây dựng thành-thân ; lại lo toan mỗi việc mỗi yên, ở ăn phải thói. Mực khuê-nghi từng giấy rách giữ lề ; miền thọ-đán cũng mũ ni tới tuổi. Đã mừng thầm sáu mươi nhăm tuổi lẻ, trời còn rộng đất còn giài ; bỗng nào ngờ hai mươi mốt tháng tư, trăng đã mờ, gương đã bụi, Giọng tuyến-y ai khéo vẽ nên câu ; lòng môn-tử bỗng không vò mà rối. Nào những lúc ngậm đường bỡn cháu, lấy gì dâng thú yên vui ; nào những khi tựa cửa mong con, chưa chút đền ân sớm tối. Thăng-đầu bấy lâu năm chưa mấy, canh rau cơm cháo đã từng quen ; giang-sơn trăm nghìn dặm bao xa, tỏa lợi vòng danh thêm ngán nỗi. Ấy chẳng biết vì đâu oan-nghiệt, phong-trần rặt những bước lưu ly ; biết bao giờ báo đức cù-lao, vũ-trụ luống đau lòng ngửa cúi. Nghĩ nguồn cơn sầu lại càng sầu, tưởng cơ-sự nói khôn xiết nói. Rầy nhân tiết tới trăm ngày, thành dâng chín suối. Đọc đến chữ nhật chính nguyệt mại, trăm năm đỗ-vũ luống kêu sầu ; nhớ đến câu địa nghĩa thiên kinh, muôn kiếp từ-ô khôn mớm lại. Thương thay ! xin hưởng !

Tú-tài Lê Đình-Huyến.

Ý-KIẾN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

VÀI LỜI DỰ-BÀN VỀ HỘI NGHĨA-BẢO CỦA CÁC QUAN-LẠI

Nhân cái bài « Bảo hộ quan-trường » của quan Tổng-đốc Thân Trọng-Huề đã đăng trong báo *Nam-Phong*, mà ký-giả xin dự bàn về cái vấn-đề hội nghĩa-bảo của các quan-lại, tưởng ngày nay cũng đã đến giờ bảo-hộ quan-trường, chớ lẽ nào ta cứ khoanh tay ngồi yên mà bàng-quan không nghĩ gì đến cái vận-mạng của ta

là một phần quan-trọng trong xã-hội hay sao. ? — Vả lại trong các sở công của các quí-quan, và của người tùng-sự bản-quốc, sở nào cũng đã có hội nghĩa-bảo để bênh-vực lợi-quyền cho bạn đồng-nghiệp và để đi lại giao-thiệp cùng nhau cho được thân-mật; cho đến những người làm các sở công-thương cũng đã có hội công-thương đồng-nghiệp, thì quan-trường còn viện lẽ gì mà không theo gương đoàn-thể quí báu ấy nữa ?

Hội lại còn một việc ích-lợi lớn lao nữa, là sẽ có thế-lực mà bày-tỏ những điều thỉnh-cầu của hội cùng Chính-phủ, vì lời kêu xin một vài người vẫn không có giá-trị bằng lời cả hội.

Vì các lẽ ấy, chúng tôi định bàn lập một hội nghĩa-bảo của quan-lại (*Association amicale des mandarins*).

Ngày nay ngọn gió cải-lương đã lay động khắp trong nước, tính-tình phong-tục cũng dần dần thay đổi, chúng ta đã nhờ ơn Nhà nước Bảo-hộ dìu dắt để cùng nhau lên đường tiến-bộ mà mở mặt cùng non sông, vậy thì chúng ta cũng nên thể cái ý tốt ấy mà cùng nhau tu-luyện tâm tính cho phẩm-giá mình ngày càng tăng thêm lên, thì há chẳng đáng lắm hay sao ?

Vả lại quan-trường là bậc thượng-lưu xã-hội, thì ta phải cùng nhau tu-luyện tính-cách cho hoàn-toàn, để trước nữa khỏi phụ ơn Nhà-nước giáo-dục, sau lại làm một cái gương quí cho dân, vì mình đã chịu cái trách-nhiệm lớn-lao, là trách-nhiệm mục-dân, thì mình phải tận tâm mà làm cho xứng-đáng.

Xưa nay quan-trường vẫn một lòng thương dân yêu nước, và đã hết sức làm tận bản-phận cho xứng cùng các trách-nhiệm trị dân, thì thật đáng mừng; và việc ấy chắc quốc-dân cũng rõ rồi, không cần phải nhắc lại ; nhưng xưa nay ai làm việc gì thì người ấy biết mà thôi, không có đoàn-thể liên-lạc để khuyên bảo lẫn nhau và yêu mến như anh em một nhà, nghĩ cũng khá tiếc thay cho một hạng thượng-lưu quan-trung mà không có đoàn-thể !

Việc lập hội này cũng có người bàn đến rồi, nhưng bàn đi bàn lại, bàn lại bàn đi, người thì bảo thong-thả, kẻ thì nói chưa đến trình-độ, cứ như thế thì không biết đến đời nào mới làm thành được. Than ôi ! cái câu « chưa đến trình-độ » làm ngăn-trở biết bao nhiêu đường tiến-bộ của quốc dân rồi. Cái câu ác-ngữ ấy sâu-độc biết chừng nào ! — Cũng có người hăm-hở nhiệt-thành quá, bàn lập hội ngay, nhưng không bền chí, dần dần nguội lần lại thôi. — Nay chúng tôi thấy cái thời-kỳ đoàn-thể đã đến, cái giờ thân-ái đã đánh chuông, nên chúng tôi nhiệt-tâm mà dự bàn mấy lời này, xin các bậc quan-lại ngài nào có lòng muốn lập hội này thì viết thư cho ký-giả biết, để ký-giả bẩm cùng thượng-quan chủ-trương cho, rồi xin phép Nhà-nước mà lập hội. — Thể-lệ hội chúng tôi đã thảo sẵn pháp-văn cùng quốc-văn, đã trình cụ thượng Thân Trọng-Huề duyệt lại để sẽ xin phép.

Xin ngài nào bằng lòng thì trả lời cho tôi biết, chúng tôi mong mỏi lắm.

HOÀNG HỮU-ĐÔN
Tri-huyện Yên-phong (Bắc-ninh)

THỜI-ĐÀM

Sự giao-thiệp khó-khăn của nước Mĩ với nước Nhật. — Gần đây tin-tức các nơi chỉ nói về sự giao-thiệp khó-khăn của hai nước Mĩ-Nhật, trong mấy tuần hình như đã rộn-dịp sắp chiến-tranh, rồi sau thấy nói rằng việc đã êm không đến nỗi quyết-liệt. Song ai cũng biết rằng lửa còn vùi tro, sớm trưa rồi cũng có ngày bùng lên mà thôi. Nay đọc trong báo tây có một bài của ông nghị-viên OUTREY kể rõ những lẽ sở-dĩ làm sao mà hai nước Mĩ-Nhật không thể không chiến-tranh được, xin lược-dịch đại-ý như sau này.

« Mới rồi có người hỏi tôi rằng : Nhật với Mĩ có cái nguy sắp chiến-tranh không ? Tôi cả quyết mà đáp rằng có. Ai biết quan-sát hiện-tình hai nước cũng đều công-nhận rằng hai nước không thể không chiến-tranh được. Cái hấn đề mà quyết-liệt với nhau thật là dễ kiếm quá, khiến cho người ta phải lấy làm lạ rằng tới nay mà trong hai nước chưa nước nào ra tay khởi-hấn. Cái lý-do sở-dĩ làm sao mà chưa bên nào chịu khai-chiến là hai bên còn muốn hết sức võ-bị cho cực-kỳ hoàn-toàn đã. Lại còn một lẽ nữa, là Nhật hiện có ước đồng-minh với Anh, Nhật còn hồ-nghi không biết lâm-thời Anh có chịu giúp không. Nhưng dù thế nào nữa, một ngày kia tất có chiến-tranh. Cứ thực mà nói thời người Mĩ không có ghét riêng gì người Nhật, nên có lẽ Mĩ đánh Nhật không được hăng-hái bằng Nhật đánh Mĩ, vì Nhật xưa nay vốn căm Mĩ lắm, hễ hạ-lệnh khai-chiến tất cử quốc cổ-võ mà đi. Sự căm-tức của người Nhật đối với người Mĩ là duyên-do tự hồi Nghị-hòa, hồi ấy phái-bộ Nhật xin với Vạn-quốc công-nhận cái chủ-nghĩa các dân-tộc đều được đãi bằng-đẳng như nhau, nước Mĩ hết sức phản-đối, thành ra không được. Nhật lấy thế làm nhục, đến nỗi các phái-viên là những bậc danh-giá như SAIONJI (Tây-viên-tự), MAKINO (Mục-dã) khi về nước hậm-hù, như người bị thua trở về vậy. Lại mới rồi ở đất Californie hạ lệnh cấm người Nhật-bản không được có đất ruộng gì ở đấy, dẫu thuê mướn dài hạn cũng không được, để cố-ý ngăn-cấm người Nhật không sang làm ăn ở đấy được, khác nào như tưới thêm dầu vào lửa vậy (1). Sau nữa lại còn sự cạnh-tranh về việc buôn bán ở Tàu và ở Mãn-châu, gần đây kịch-liệt lắm, và nhân Nhật-bản mới phải nhiều sự bất-lợi ở Cao-li và ở Sibérie, ngờ cho có tay người Mĩ vận-động ở trong, nên lại càng căm-tức lắm nữa. Bấy nhiêu cớ cũng thừa đủ để mà khiến cho hai nước đến xung-đột nhau, dù ngoại-giao khôn-khéo đến thế nào cũng không tránh khỏi được. Phàm người Nhật ra tay thi-thố ở chỗ nào là cũng gặp người Mĩ đến tranh. Chính-phủ Mĩ lại có một cái chính-sách bài-ngoại và thứ nhất là bài-Nhật, làm nhục người Nhật đã lắm phen, cái ác-cảm ấy cũng khó lòng mà tiêu đi được. Đó là những sự hiển-nhiên, ai ai cũng đã biết vậy.

« Nay còn mong có nước ngoài can-thiệp vào để điều-đình, nhưng hiện chưa thấy nước nào có thể đương được cái trách đó. Duy có nước Anh thời tuy là đồng-minh với Nhật, nhưng chắc không thể cứu-viện cho Nhật được, một là bởi mới trải cuộc chiến-tranh vừa rồi, quốc-lực hư-hao đã nhiều, hai là bởi nội-chính hiện đương gặp bước khó-khăn, không thể chú-ý đến việc ngoài được; nhưng chắc là Anh trong bụng cầu-nguyện cho hải-quân Mĩ bị tàn-phá và cũng mong cho hải-quân Nhật bị giảm giá để mình giữ được trọn-vẹn cái chủ-quyền trên mặt bể như trước. Vậy Anh chắc giục Nhật đánh mà tự mình đứng trung-lập, nhưng theo lối « thân-thiện-trung-lập » (*neutralité bienveillante*) và sẽ trợ-cấp cho Nhật ít nhiều. Còn ngoài nước Anh thời chắc không có nước nào can-

(1) Gần đây có tin rằng nhân Chính-phủ Nhật-bản kháng-nghị cái lệnh đó thời Chính-phủ Mĩ đã đổi lại rằng không cấm riêng người Nhật-bản mà cấm chung cả các người ngoại-quốc, như thế Nhật đã bằng lòng, nên không có chiến-tranh.

thiệp vào, vì sự nguy-hiểm nhiều mà sự lợi-ích ít.

« Ấy tình-hình như thế. Bên nước Mĩ thời vì lẽ kinh-tế, cần phải kiếm nơi tiêu-thụ cho công-nghệ trong nước, tất phải bài-trừ nước Nhật là một tay cạnh-tranh kịch-liệt ; bên nước Nhật thời vì lẽ chủng-tộc, chịu nhục đã nhiều, nay định báo thù, lại cũng vì lẽ kinh-tế cần phải bán hàng, phải đi dần ra ngoài, mà đến đâu cũng gặp người Mĩ cản-trở. Những nguyên-nhân tày đình như vậy, thế nào mà cầm-giữ cho được, cho nên tôi nói chiến-tranh rồi tất có ngày. »

Thế là ta lại sắp được bàng-quan một cuộc đại-chiến-tranh nữa. Ôi ! hòa-bình, hòa-bình, chẳng qua là một cái hư-danh ! Mà Thái-bình-dương có ngày sẽ phụ tên « thái-bình » vậy. Cuộc chiến-tranh sau này sẽ ảnh-hưởng đến xứ ta thế nào ?

Tổng-luận về tình-hình thương-nghiệp trong thế-giới. — « Công-nghệ thương-nghiệp trong khi chiến-tranh đã được một hồi thịnh-vượng, tới nay đương qua một buổi hiểm-nghèo, không phải là số sản-xuất nhiều quá mà đồ hàng ứ lại đầu, chỉ bởi người mua có ý rụt-rè, vì các giá hàng gần đây tăng lên nhiều quá, mà các thuế-má cũng tăng theo, thành ra nhiều nhà gia-tư trung-bình phải tiết-độ sự cần-dùng và chỉ mua đủ dùng mà thôi. Lại thêm quốc-thái mấy lần, thu-thập lấy hết những tiền dư-dật trong dân-gian, khiến cho các nhà « băng » cũng không đủ sức mà tư-cấp cho các công-nghệ thương-nghiệp lấy vốn mà kinh-doanh.

« Các nhà buôn nhà nghề thấy giá vật-liệu và hàng-hóa mỗi ngày một cao lên, muốn được ăn lãi to, buôn trử lấy thật nhiều, để mong giá càng cao bán càng đắt.

« Không ngờ người mua không mua nữa, đọng cả lại, nhà buôn phải thôi buôn, nhà nghề phải đình việc, còn đọng lại bao nhiêu đem đổ ra bán rẻ. Người nào buôn sau được rẻ định giá hạ xuống, bao nhiêu những người buôn trử từ trước bị nguy, vì không thể bán theo giá mới những đồ hàng đã buôn theo giá cũ cao hơn. Bấy giờ mới đổ xô vào các nhà băng để vay vốn mà trả những nợ đến kỳ cùng duy-trì công-việc để đợi qua khỏi nguy-cơ.

« Nhưng chính các nhà « băng » cũng lại cần phải thâu tiền vào mà không thể cho vay nhiều được. Nên nhà nghề nhà buôn nào đến vay phải xét thập-phần chắc-chắn, rất mực cẩn-thận mới dám cho, vì các nhà « băng » cũng đã từng phải giúp vào các lần công-thải nhiều lắm, tiền trử-kim không còn được bao nhiêu.

« Đó là những nguyên-nhân gây ra sự khủng-hoảng trong thương-nghiệp hiện bây giờ. Thứ nhất là giá các nguyên-liệu, tiền công của thợ, các khoản kinh-phí đều tăng lên cả, thời các giá buôn giá bán cũng cao lên. Giá bán đã cao thời người mua tất ít, người mua ít thành ra đồ hàng ứ đọng cả lại, và các việc công-thương đình-đốn lại hết.

« Bữa Chợ phiên của các nhà buôn thành Paris mở ra để bán lấy tiền giúp vào cuộc quốc-thải, Hội Thương-nghiệp Paris có đãi tiệc quan Tài-chính Tổng-trưởng FRANÇOIS MARSAL, nhân dịp ấy ngài có đọc một bài diễn-thuyết tóm tắt hiện-tình thương-nghiệp như sau này :

« Người mua đều muốn mua theo giá trước « chiến-tranh. Nhưng hiện nay cũng khó lòng « hạ-giá ngay được. Song dần-dần có ngày « các vật-liệu mua được dễ, sự chế-tạo kinh-« phí bớt, thời các giá hàng cũng giảm dần đi.

« Tình-hình thương-nghiệp ở nước Pháp « ngày nay cũng giống như ở nước Mĩ sáu « bảy tháng trước, hiện nay ở bên Mĩ vẫn « còn chưa xuôi, thời ở Pháp cũng phải ít lâu « nữa mới xuôi được. Từ nay đến bấy giờ còn « bấp-bông nhiều lắm, vì phép kinh-tế nhân « việc chiến-tranh điên-đảo cả, phải dần-dần « mới hồi-định lại được.

« Đến lúc tình-thế đã bình-thường thời « người chế-tạo, người mua dùng cũng đều « được lợi cả, duy chỉ thiệt cho bọn đầu-cơ « đục nước béo cò mà thôi. »

« Nói tóm lại thời bây giờ thương-nghiệp đương qua một bước khó-khăn, phải ít lâu nữa rồi mới sẽ được bình-thường.

« Hiện nay thời thấy nhiều nhà hàng đóng cửa lắm, nhà nào cũng phải chịu lỗ mà bán hạ-giá đi để thu lấy tiền chi công người làm và công thợ. Nhiều xưởng tự bán lẻ lấy hàng cho chạy, vì bán buôn sợ nhà buôn tính cao giá thiên-hạ không mua.

« Như vậy thời có lẽ cũng sắp đến ngày giá buôn giá bán đều hạ hết và thương-

nghiệp sẽ được bình-thường như trước khi chiến-tranh vậy. »

(*Dịch báo Tây*).

Sự-nghiệp quan Toàn-quyền Long và cuộc công-thải sau này. — Gần đây có điện báo rằng Nghị-viện đã duyệt-y cái nghị của quan Toàn-quyền Đông-Pháp và quan Thuộc-địa Tổng-trưởng xin mở ra ở Đông-Pháp ta một cuộc công-thải 6 triệu bạc (600 vạn) để làm cho xong đường thiết-lộ Hà-nội — Sài-gòn và mấy công-trình to lớn nữa. Các bạn đọc báo còn nhớ rằng hồi quan Toàn-quyền Long về Pháp năm ngoái là chủ-ý giải-quyết vấn-đề tiền-tệ và xin với Nghị-viện mở một cuộc công-thải ở Đông-Pháp. Vậy nay thế là sự đã thành rồi, vì mới rồi có tin đầu tháng ba tây này thời ngài xuống tầu trở về đây.

Trong báo *Midi colonial* có một bài xã-thuyết của ông nghị-viên Outrey bàn về sự-nghiệp quan Toàn-quyền Long và việc công-thải sau này, nhân lược-dịch ra đây để các độc-giả đồng-lãm :

« Một quan Toàn-quyền dẫu tài-giỏi minh-mẫn đến đâu cũng không thể trong khoảng sáu tháng làm được sự-nghiệp to và thi-hành được hết chương-trình đã dự-định. Bởi vậy nên quan Toàn-quyền Long trong mấy tháng vừa qua ở Đông-Pháp chỉ chủ ý quan sát hiện-tình và nghiên-cứu những vấn-đề quan-trọng, để về Pháp trù-tính cho thỏa-hợp. Ngài mới tới Marseille đã có dịp tuyên-bố ý-kiến cho ta biết. Những ý-kiến ấy tuy có người cho là hơi thiên về chủ-nghĩa lạc-quan, song phàm người nào đã thuộc tình-thế Đông-Pháp, biết rằng xứ này nếu có đủ phương-tiện thời mở-mang phát-đạt được biết bao nhiêu, đều lấy ý-kiến ấy làm chánh-đáng cả. Thứ nhất là ý-kiến cần phải mở một cuộc công thải để sửa-sang chỉnh bị các « kinh tế dụng-cụ » (*outillage économique*) cho bản-xứ. Quan Toàn quyền Long nói rằng ngài đương trù-tính một cái chương-trình những việc cần-cấp phải thi-hành ngay mà thi-hành thời phải đến mấy triệu bạc, ngài định xin mở một cuộc công-thải riêng trong bản-xứ để lấy tiền mà làm. Nếu cuộc công-thải dự-định đó mà thành được thời thật đáng ghi làm kỷ niệm trong lịch-sử việc khai-khẩn thuộc-địa của Đại-Pháp, vì cổ-lai các thuộc-địa chưa từng làm thế bao giờ, và đủ chứng rằng cõi Đông-Pháp đã mở-mang thịnh-vượng biết bao nhiêu. Song về phần riêng tôi thời tôi ngờ rằng mở một cuộc công-thải to-tát như thế mà không để cho Mẫu-quốc dự phần vào thời không biết có nên không, và nếu chỉ gọi vốn của một bản-xứ mà thôi thời cái vốn của dân giúp vào công-thải ấy tức là thiếu cho các việc công-thương khác trong nước, những việc công-thương ấy cũng là cần lắm. Vì những người có tiền đã xuất của ra để giúp vào công-thải chắc không còn rộng vốn để làm việc công-thương, thành ra nhất-diện có ích lợi cho các công-trình lớn trong bản-xứ thật mà nhất-diện lại phương-ngại cho các cuộc công-thương của người riêng.

« Theo ý tôi thời nên mở một cuộc công-thải rộng cho cả Mẫu-quốc, cả các thuộc-địa khác, do các nhà « băng » lớn ở Đông-Pháp và ở Mẫu-quốc phát-hành, và hết sức cổ-động cho các thuộc-địa ngoài tham-dự vào. Nếu không làm thế thời ngộ lâm-thời không đủ số không thể nhờ các thuộc-địa ngoài giúp vào được. Song đó là thuộc về hình-thức ; dù dùng cách nào mặc lòng, cuộc công-thải này cũng là cần lắm, và chắc là một sự lợi cho những người mua vé. Các thuộc-địa ta không bao giờ thịnh-vượng như bây giờ, và riêng về phần Đông-Pháp thời tuy tài-chính gần đây có một vài điều khó-khăn, nhưng những sự khó-khăn ấy sánh với cái tiền-đồ rực-rỡ của bản-xứ thời chẳng thấm vào đâu.....

« Ta đã biết quan Toàn-quyền Long là người quả-cảm mà vụ-thực, ngài lại nhất-thiết đồng-ý với quan Thuộc-địa-bộ là quan Sarraut, như vậy thời chắc rằng các công-việc trù-tính sẽ làm được thành-công vậy. »

Biên-bản kỳ Tư-vấn-hội-nghị Bắc-kỳ năm 1920. — Tập biên-bản kỳ Tư-vấn-hội-nghị Bắc-kỳ năm 1920 mới xuất-bản bằng chữ Pháp, thành một quyển sách nhỏ 72 trang, phần trên là các biên-bản mấy kỳ hội-đồng từ ngày 30 Septembre đến ngày 6 Octobre 1920, phần dưới là những

khoản thỉnh-cầu của các nghị-viên trình với Chánh-phủ.

Công-việc của Tư-vấn hội-nghị Bắc-kỳ năm ngoái cũng như mọi năm, là thứ nhất xét về mấy thiên trong sổ Dự-toán Bắc-kỳ năm 1921 thuộc về các khoản chi-tiêu về những việc công-ích (từ thiên 21 đến thiên 33).

Thiên 21 về lương các viên-chức sở Công-chính tổng-cộng là 872.789 đồng.

Thiên 22 về cầu, cống, đê, đường, các cửa bể, các sở công, tổng-cộng là 1.748.830 đồng.

Thiên này chia làm hai tiết, tiết thứ nhất về các việc bảo-tồn tu-bổ những đường, cầu, nhà cửa cũ, tiết thứ nhì về các công-trình mới. Thuộc về các công-trình mới thời có khoản « lập trường học » dự-toán là 170.000 đồng, trong số ấy Hà-nội 85.000 đồng và Hải-phòng 30.000 đồng.

Thiên 23 và 24 về các sở công-thương.

Thiên 25 và 26 về sở Kiểm-lâm.

Thiên 27 và 28 về sở Thú-y.

Thiên 29 và 30 về sở Y-tế.

Trừ có thiên 22 về các việc công-chính (kiều-lương đạo-lộ) là các ông nghị-viên có bàn-bạc ít nhiều, đại-khái xin đặt sửa những đê đường cầu cống ở các hạt, có ông Chánh kỹ-sư sở Công-chính Bắc-kỳ NORMANDIN đến dự-hội để cùng bàn, còn các thiên dưới thời không có nghị-luận gì và duyệt-y cả.

Đến thiên 32, 33 về học-chính (thiên 32 về lương-bổng các giáo-viên tổng-cộng 851.799 đồng, thiên 33 về các khoản tạp-chi về học-chính tổng-cộng 114.620 đồng.) thời các ông nghị-viên các tỉnh đều đồng-thanh xin Chánh-phủ đặt thêm trường tiểu-học và chú-ý chấn-chỉnh việc học cho dân.

Kỳ hội-đồng ngày 4 Octobre, Chánh-phủ thông-cáo cho các nghị-viên biết rằng trong những khoản thỉnh-cầu của nghị-viên trình mấy khóa trước, thời Chánh-phủ đã châm-chước ý-kiến của nghị-viên mà thi-hành được nhiều khoản rồi, như: đổi lệ cấp ruộng cho lính ra lệ cấp tiền; mở trường Thương-nghiệp-học-hiệu; đặt thêm cầu cống; tăng lương quan-lại và viên-chức các sở công, cùng lính khố xanh và lính cơ; cấm xuất-cảng gạo; đúc tiền đồng; tăng sưu-thuế người Khách; bấy nhiêu khoản đã bắt đầu thi-hành rồi, hoặc đương lục-tục thi-hành. — Chính-phủ lại hỏi ý nghị-viên về việc sửa-đổi tục-lệ các làng, định đặt lệ cho mỗi làng phải làm một sổ dự-toán các khoản chi-thu đồng-niên, để giữ cho việc chi thu trong dân có chứng-mực và ngăn những sự tệ-lạm xưa nay. Các nghị-viên cũng đồng-ý như thế, nhưng xin với Chánh-phủ truyền cho các quan hữu-tư cổ-động cho các dân-làng hiểu lẽ cải-lương, nhất là xin phát cho mỗi làng một tập khoán-ước của các xã trong Nam-kỳ, một tập khoán-ước của một làng nào đã cải-lương ở tỉnh Hà-đông để làm mẫu, và một tập biên-bản những lời bàn của hội-đồng mà Chính-phủ định đặt ra để khảo-sát về việc ấy, để cho các làng châm-chước đó mà cải-lương dần-dần.

Kỳ hội-đồng ngày 6 Octobre, Chánh-phủ ngỏ ý với các nghị-viên rằng muốn cho đủ tiền chi-tiêu các việc thời một vài năm nữa Chánh-phủ cần phải đổi lại thuế-ngạch về điền-thổ để lấy thêm tiền, một là tăng giá thuế, hai là đánh giá lại (tỉ như nhị-đẳng-điền thời đem lên nhất-đẳng-điền, v. v.). Các nghị-viên đều đồng-thanh xin Chánh-phủ hãng đình-hoãn sự cải-cách đó, vì thuế đinh vừa tăng, nay lại tăng thuế điền, dân không khỏi phàn-nàn và cũng khó kham nổi; có ông thời xin Chánh-phủ cứ cho đạc-điền cả toàn-hạt Bắc-kỳ, chắc những số điền-thổ lậu còn nhiều, cũng thêm được một khoản to vào công-quĩ, xem như hiện nay mới đạc-điền được có một vài nơi mà số ruộng lậu đã đánh thêm được một khoản 37.000 đồng. biên thêm vào số thu-nhập năm 1921 thì đủ biết. — Quan ủy-viên của Chánh-phủ trả lời rằng đó là dự bàn thế mà thôi, chớ Chánh-phủ cũng chưa định thi-hành ngay và dẫu có thi-hành mà định đánh giá lại các ruộng đất thời cũng châm-chước, tùy từng miền, tùy từng hạng tốt xấu mà đánh, chớ không phải đánh nhất-luật cả; song cũng xin các nghị-viên lưu-tâm nghĩ kỹ để kỳ sau sẽ bàn tường.

Hội-nghị họp từ sớm ngày 30 Septembre đến chiều ngày 6 Octobre thì giải-tán, khi khai-hội, khi giải-tán, đều có diễn-thuyết của quan Thống-sứ Bắc-kỳ và của ông nghị-trưởng, chỉ khác mọi năm là năm nay ngày khai-hội có quan Toàn-quyền LONG đến chứng-kiến, ngài có nói mấy lời khen hội-nghị Bắc-kỳ đã khéo làm trọn nghĩa-vụ đủ

làm gương cho hội-nghị Trung-kỳ mới lập. Trong suốt khóa hội-nghị, không có xảy ra việc gì khác thường, duy có buổi đầu bàu tòa trị-sự thời số nghị-viên có 110 người mà mở hộp thấy 113 vé, hai ông nghị-viên Bạch Thái-Bưởi và Nguyễn Kim-Lân có làm đơn kháng-nghị về sự đó, thời quan Thống-sứ trả lời rằng số vé thừa cũng vô-kỷ, không đủ đổi được sự kết-quả việc đầu-phiếu, không cần phải đầu-phiếu lại; thế là việc xong.

Phần dưới in 16 cái đơn về các khoản thỉnh-cầu của các ông nghị-viên trình với Chính-phủ, xin lược kể các khoản như sau này:

1· Đơn của ông nghị Phạm Duy-Tốn xin đặt lại thi tuyển-sinh.

2· Đơn của mấy ông nghị Phúc-yên và Vĩnh-yên về đê hai tỉnh ấy.

3· Đơn của mấy ông nghị Hải-dương xin đặt sổ chi-thu cho các làng, chỉnh-đốn việc cảnh-sát ở nhà quê và đặt những nhà đỡ đẻ ở các tổng-xã.

4· Đơn của mấy ông nghị Hải-dương về việc dẫn-thủy nhập-điền.

5· Đơn của mấy ông nghị Hải-dương về tiền cấp cho lính và thuế lò lợn.

6· Đơn của mấy ông nghị Phúc-yên Vĩnh-yên về đê.

7· Đơn của mấy ông nghị thành-phố Hà-nội (ông Vĩnh, ông Luận, ông Lượng): 1·) xin nghị-trưởng hội Tư-vấn được quyền vào Chính-phủ hội-nghị; 2·) xin đặt lại thẻ tùy-thân ở thành-phố.

8· Đơn của mấy ông nghị các tỉnh xin giảm số tiền cấp lính 24 đồng xuống 12 đồng một năm.

9· Đơn của mấy ông nghị Thái-bình xin đặt ngày lễ kỷ-niệm đức Gia-long đăng-quang (mồng 2 tháng 5 ta) làm ngày quốc-hội ở Bắc-kỳ.

10· Đơn của mấy ông nghị Ninh-bình xin lấp cống đắp đê trong mấy tổng ở hạt Kim-sơn.

11· Đơn của ông nghị Phạm Văn-Hợi xin cải-lương phong-tục các làng.

12· Đơn của ba ông nghị Cự, Tiệp, Soạn về việc bắt sưu ở Hà-nội.

13· Đơn của ông nghị Nguyễn Bá-Lưu xin đặt nhà thương ở Việt-trì.

14· Đơn của bốn ông nghị Hồ, Huy, Y và Chiêu xin đặt trường sơ-học ở các tổng các làng.

15· Đơn của ông Khôi, nghị-viên Hải-ninh, xin đặt những trại mán ở miền giáp-giới nước Tàu.

16· Đơn của mấy ông nghị Bắc-kạn và Yên-bái xin phát thuốc chữa dịch trâu bò.

Đọc tập biên-bản trên nay, cũng mừng rằng các ông đại-biểu ta đã biết chăm-chút việc nghĩa-vụ và đã bàn được nhiều điều hữu-ích. Chỉ ước-ao rằng tư kỳ sau Chính-phủ định hỏi ý các ông về khoản nào trong sổ dự-toán thời nên in và phát cho các ông xét trước mấy tuần, rồi đến khi ra bàn mới tường-tận được, chớ cứ đến khi ra nghị-hội mới tuyên-độc thời không tiện lắm. Lại xin rằng từ nay hễ in biên-bản của hội-nghị thời nên in cả một bản quốc-ngữ nữa, và rộng phát cho các làng, để cho dân biết các đại-biểu mình cử ra đã bàn-bạc được những điều gì có ích, và cũng là một cách giúp cho dân biết lưu-tâm đến việc công trong nước.

Quan An-sát Nguyễn-Phong. — Bản-chí mới mất một người bạn quí là quan án-sát Nguyễn-Phong tạ-thế ngày mồng một Tết vừa rồi ở Niết-thự Sơn-tây. Quan án Nguyễn từ khi còn ngồi ở Thái-nguyên, sau về Yên-bái, sau lại đổi về Sơn-tây, thật đã hết lòng-cổ động cho bản-chí, nào khuyên các thuộc-viên đọc báo, nào hiểu cho nhân-dân người nào biết chữ nên xem báo để mở thêm trí-thức và tường việc hiện-thời, ngài thật là một người tri-kỷ và một bậc ân-nhân của bản-quán vậy.

Quan án Nguyễn là một nhà cựu-học, mà lại có tư-tưởng tân-thời, trong hơn hai mươi năm làm quan với Nhà nước, thật đã một lòng giúp nước trị dân, nay chẳng may mệnh-một, không những các người quen biết thương tiếc, mà những dân các hạt ngài đã từng cai-trị từ xưa đến nay chắc được tin buồn ấy cũng ngậm-ngùi tưởng nhớ vậy.

Nay xin kể qua sự-trạng ngài sau này để lưu làm kỷ-niệm trong bản-chí.

Quan án Nguyễn vốn nhà thanh-bạch, giòng-giõi trâm anh, ngài sinh năm 1871, đỗ cử nhân khoa đinh-dậu (1897), đến năm 1898 bổ

hậu-bổ Thái-bình mà sung học trường Hậu-bổ Hà-nội. Năm 1900, thi tốt-nghiệp đỗ thứ hai, bổ tri-huyện Kim-sơn (Ninh-bình), cung-chức ít lâu thăng hàm Hàn-lâm-viện kiểm-thảo. Năm 1902 lại thăng Hàn-lâm-viện biên-tu ; năm 1904 đổi đi tri-huyện Yên-mô (Ninh-bình) ; năm 1907, thăng Hàm Hàn-lâm-viện trước-tác. Năm 1908 bắt được hai tên tướng giặc, một tên Lãnh-Trân, người làng Bình-hải, làm ngụy Trung-quân-thống-lĩnh, một tên Thương-Hồ, người làng Quảng-Phúc làm ngụy Thương-tá ; hai tên ấy đều phải kết án ở tỉnh Thanh. Năm ấy liền ký-bổ tri-phủ, mà đổi đi tri-huyện Kim-anh (Phúc-yên). Khi ở Kim-anh, cùng các quan binh đánh giặc Đề-Thám, một trận Hàm-Lợn bắn chết Lãnh-Thuận, Lãnh-Thái, Quản-Nghệ và dư-đảng bảy người ; bắt sống được Cả Tuyển, Lý Chương, thu được súng 6 khẩu, đạn 94 viên và hai thanh mã-tấu. Bấy giờ có được một đạo quân-công tưởng-lục.

Đến năm 1909 lại đổi về tri-huyện Thanh-liêm (Hà-nam). Năm 1910, thăng hàm Hàn-lâm-viện thị-giảng và được nghị-định quyền án-sát tỉnh Hà-nam. Năm 1912, bổ lĩnh tri-phủ Nho-quan (Ninh-bình) và thăng Hàn-lâm-viện thị-độc. Đến năm 1913, đổi đi tri-phủ Nghĩa-hưng (Nam-định). Năm ấy nước sông Đáy to quá tràn đê Hải-lạng, đã vỡ ra hai chỗ, ngài đốc-sức lý dân-phu đắp được ngay, khi ấy được một đạo tưởng-lục. Năm 1914, đổi đi Tri-phủ Mỹ-đức (Hà-đông). Năm 1916 được ký bổ án-sát. Năm 1917 thăng hàm Thị-giảng-học-sĩ và đổi đi tri-phủ Kiến-xương (Thái-bình). Năm ấy thăng làm án-sát tỉnh Thái-nguyên. Sau được thưởng danh-dự-bội-tinh về việc quốc-thải. Năm 1919, đổi đi án-sát tỉnh Yên-bái. Năm 1920, đổi về án-sát tỉnh Sơn-tây. Đầu năm 1921, được thăng hàm Hồng-lô-tự-khanh

Từ khi ngài xuất-chính đến nay hơn hai mươi năm, lịch lị bốn huyện, bốn phủ và ba tỉnh, đi đến đâu cũng có chính-tích, và trước sau vẫn một lòng trung-thành với Triều-đình, với Bảo-hộ.

Hồi được thăng án-sát Thái-nguyên, hồi Hoàng-Thượng làm lễ Nam-giao ở Kinh-đô, và hồi mông ơn truy-tặng song-thân, ngài đều dâng biểu mừng và biểu tạ, bản-chí có sao-lục và đăng vài bài ở phần hán-văn, gọi là giữ chút di-tích văn-chương của ngài vậy.

Kỷ-niệm về cuộc du-lịch các phái-viên Nam-kỳ ra Hội-Chợ năm ngoái. — Các phái-viên Nam-kỳ ra Hội-Chợ năm ngoái, tới Hải-phòng, nhà đại-thương Bắc-kỳ ta là ông Bạch Thái-Bưởi có đề riêng một chiếc tàu *Hồng-bàng* để mời các ngài ra coi phong-cảnh Vịnh Hà-long ; chính Bạch-quân cùng ba cậu con trai mới du-học bên Pháp về cũng đi cùng để chỉ-dẫn, thật là một cuộc du-lịch rất phong-thú và rất trịnh-trọng vậy. Các ông phái-viên khi về xứ, chắc vẫn còn ghi-nhớ mãi và thường lúc mơ-màng tưởng-tượng như còn trông thấy trước mắt những núi-non kỳ-tú ở một nơi thắng-cảnh đệ-nhất trong nước Nam ta và có lẽ trong cả hoàn-cầu nữa. Giang-sơn gấm vóc, đủ khiến cho tấm lòng du-tử bồi-hồi, càng bồi-hồi mà lại càng tưởng nhớ đến tổ-quốc, càng tưởng nhớ đến tổ quốc, càng muốn cho tổ-quốc được phú-cường, muốn cho tổ-quốc phú-cường thời cốt nhất phải gây cho Nam Bắc đồng-tâm, vì kẻ Bắc người Nam cũng đều là con một nhà, người một giống vậy. Chắc các ông phái-viên ta mắt nhìn phong-cảnh đẹp, không ai là trong lòng không có những tư-tưởng ấy. — Kỳ này bản-chí đăng mấy tấm ảnh về cuộc du-lịch vịnh Hà-long để giữ làm cái kỷ-niệm tình Nam Bắc tương-thân vậy.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Tòa trị-sự yết quan Thống-sứ Bắc-kỳ. — Ngày 4 Février, mấy ông thay mặt tòa trị-sự Hội : quan Hoàng Trọng-Phu quan Thân Trọng-Huề, ông Nguyễn Văn-Vĩnh, ông Phạm-Quỳnh, có đến yết quan Thống-sứ Bắc-kỳ Rivet đại-nhân, để kể việc Hội cho ngài nghe và xin ngài giúp cho Hội ít nhiều, để thêm vào cho hoàn-thành nhà hội-quán. Quan Thống-sứ tiếp tử tế lắm, và hứa rằng tuy sổ dự-toán Bắc-kỳ năm nay không được

dư-dũ lắm, song ngài cũng sẽ liệu giúp cho Hội, vì ngài lấy mục-đích Hội làm hay lắm.

— Khi in tập Kỷ-yếu này thời được tin quan Thống-sứ RIVET đã chuẩn lời xin của Hội mà giúp cho Hội một món năm nghìn đồng (5000 p.) trích trong sổ dự-toán Bắc-kỳ năm 1921, và hiện đã ký *mandat* và đã gửi về cho quan Hoàng Hội-trưởng ở Hà-đông rồi. Bản-hội xin có lời cảm-tạ quan Thống-sứ Bắc-kỳ lắm lắm. — Thế là Hội đủ tiền làm Hội-quán vậy.

Đơn xin vào Hội. — Trong tháng Février có những ông kê tên sau này gửi giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng ông nghị-viên nào có dị-nghị xin viết thơ cho Hội biết :

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Hoàng-An, secrétaire principal H-C. à la Compagnie française des Chemins de fer de l'Indochine et du Yunnan, Direction de l'Exploitation, — Rue de la Soie N. 5, Hanoi

2. — Sư cụ Mai-Tâm-Tĩnh, tự-tăng ở chùa Hội-khê ngoại-xã, huyện Giao-thủy, tỉnh Nam-định.

3. — Ông Trần-Minh-Tài, compradore Maison P. Delaye, Hanoi.

4. — Ông Albert Billault dit Trần-Văn-Cầu serétaire principal de Ier classe au Contrôle financier Hanoi.

Ông Phạm-duy-Trị, Secrétaire des Travaux Publics (section des chemins de fer), Nam-định, *trước là thường-hội viên, nay xin đổi ra chân chủ-trì.*

Hội-viên mới. — Các ông có giấy xin vào Hội đã đăng tên lên báo từ số 42, đến nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị, được nhận Hội kể từ 1er Mars 1921 :

Vào chân chủ-trì

Ông Hoàng-đức-Hàm, tri-huyện — Ông Lê-văn-Hiền, tham-tá.

Vào chân thường Hội-viên

Ông Nguyễn-Hữu-Bình, học-sinh trường Thương-nghiệp.

Tên các ngài có gửi quyên vào Hội. — Trong tháng Février bản-hội nhận được các ngài sau này gửi tiền quyên vào Hội để giúp về việc làm nhà hội-quán :

— Quan Phạm Bá-Rong, án-sát Bắc-kạn . . 30p. 00

— Quan Nguyễn Hợp-Phác, tri-huyện Bình-lục. 10 p. 00

Bản-hội xin có lời cám ơn các ngài.

FRANCE D'ASIE

(dịch quốc-âm theo thể ca-trù)

France d'Asie! O belle Indochine française,
Qui donnas sans compter, tes fils sur mon pays,
Qui sus, faute de blé, lui fournir tant de riz,
Quand nos braves poilus luttaient dans la fournaise,
Trouve ici le tribut de notre admiration,
Tandis qu'autour de toi d'aucuns s'entre-déchirent,
Les peuples d'Occident t'observent et t'admirent,
Emus de tant de calme et d'abnégation !

— Anh-hùng giống-cảm, tướng-sĩ ta khi xông đám lửa hồng ; hay hay là cõi Pháp-Đông, cho tử-đệ đến chung cùng Mẫu-quốc ; *cánh năng tri ngã nhu lương thực, hương-mễ tần cung vận tải lai*, 更能知我需糧食, 香米頻供運載來.

— Non sông vững một góc trời, quanh bờ cõi mựa hề nơi náo-nhiệt ; *đông vọng hà thanh hải yến* 東望河清海晏, vui cho ai mà cũng biết cho ai !

Si ta taille est petite, ô peuple qui travaille,
Grand est ton cœur et grand ton esprit du devoir ;
Courbé sur ta rizière, à l'aube et jusqu'au soir,
Tu fais jaillir le riz du sol, vaille que vaille.

— Dân sao dân cũng lạ đời, tiểu mi-mục mà hung hoài khoát-đạt, gương trí-tuệ trau-dồi thêm sáng, việc làm ăn lo mảng sớm rồi trưa : lo theo những việc cày - bừa, mưu huê-lợi những lần-lừa nơi quyến-mẫu.

Ayant par dessus tout le culte des enfants,
Pour ton plus grand bonheur nombreuse est ta famille,
Quand s'allume le soir le bâtonnet qui brille,
Offrant à ton Bouddha comme un parfum d'encens.

— Câu kế-tự giữ phúc lành làm báu, dân-tộc này con cháu vẫn hây-hây ; kìa khi ác lặn non tây, thẻ hương nguyện trước am mây nhìn chấp-chóa.

Le deuil de tes soldats, sur le front terrassés,
T'a fait l'âme plus forte et ta foi plus entière,
Ton sacrifice est beau, Indochine, sois fière,
La France se souvient des mauvais jours passés.

— Sực nhớ kẻ sa-trường túy-ngọa, quân-sĩ ai làm mũi giạ cho ai, cho tình ái-cảm không phai, cho rạng vẻ linh-đài thêm mãi mãi ; thủa Bàng-ngọ nước ta nay nhớ lại, khen cho ai phó ngãi thế là vinh !

Profond est ton respect pour tous tes aieux morts
Qu'incarnent des portraits dans la chambre commune.
Ils vivent près de toi, vos âmes ne font qu'une,
Semblant dire à tes fils : Allez... soyez plus forts !

— Trước từ-đàng trông tượng đứng tiên-linh, câu kỉnh-phụng thấu ra tinh cảm-cách : hồn sanh-tử cũng đồng trong huyết-tánh, cũng khuyên con cho mạnh bước tổ-chinh.

Grandis, peuple, grandis, vis en pleine espérance,
La France glorieuse a confiance en toi.
Elle admire à la fois et ta force et ta foi.
Vive notre Indochine ! et vive notre France !

— Nước ta rày đã tỏ tình, gan nhẫn-nại chí trung-thành đều đáng trượng, mau-mau tới võ-đài cho nhẹ bước, cho thỏa lòng ao-ước với giang-san, ngàn năm bia đá âu vàng, chúc cho Đại-Pháp Đông-Dang vững bền, câu thi xin nhớ lời khen !

De Bize
Hanoi, Octobre 1920
(Extrait de *l'Indépendance tonkinoise*)

Thúc-gia-thị Ưng Bình
Hồng-lô tự-khanh
lãnh Viên-ngoại Bộ binh (Huế)
dịch.